SỞ GD&ĐT: ……
TRƯỜNG: ……
TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 10
(Năm học 2026 - 2027)

CHỦ ĐỀ 7. BẢO TỒN CẢNH QUAN THIÊN NHIÊN

(Số tiết: 6 — tuần 20 đến tuần 22, tiết 59 đến tiết 64)

Giáo viên: …… | Lớp: …… | Ngày dạy: ……

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

– Kể được ít nhất năm hành vi, việc làm của cá nhân và tổ chức nhằm bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, dựa trên sáu thẻ gợi ý ở sách giáo khoa trang 45.

– Nêu được ít nhất ba việc mà bản thân và các bạn làm được để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.

– Xác định được đối tượng, nội dung và hình thức của hoạt động tuyên truyền bảo vệ cảnh quan thiên nhiên phù hợp với địa phương mình.

– Nhận xét, đánh giá được ít nhất năm hành vi, việc làm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ở địa phương theo ba hướng: việc đã làm phù hợp, việc làm chưa phù hợp và việc cần thiết mà chưa được thực hiện.

– Xây dựng được một kế hoạch tuyên truyền bảo vệ cảnh quan thiên nhiên ở địa phương, có kế hoạch triển khai cụ thể theo bốn cột của sách giáo khoa trang 47.

– Thực hiện được kế hoạch tuyên truyền, thu thập được thông tin phản hồi và viết được báo cáo kết quả kèm phần rút kinh nghiệm.

– Tham gia được ít nhất một hoạt động tuyên truyền bảo vệ cảnh quan thiên nhiên do nhà trường hoặc địa phương tổ chức.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực thích ứng với cuộc sống khi nhận ra giá trị của cảnh quan nơi mình sống và những nguy cơ đang đe doạ nó; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi xây dựng kế hoạch tuyên truyền có phân công và mốc thời gian.

Năng lực chung: giải quyết vấn đề và sáng tạo khi nhận xét những việc làm chưa phù hợp và đề xuất việc cần bổ sung; giao tiếp và hợp tác khi phối hợp với chính quyền xã, trưởng thôn và Đoàn Thanh niên; tự chủ và tự học khi tự đổi thói quen của mình khi đi tham quan cảnh quan.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

3.1.NC1a – phát triển nội dung số. Cụ thể trong chủ đề này: mỗi tổ thiết kế trên giấy A3 một bảng tin ảnh về cảnh quan ở địa phương, đặt cạnh nhau ảnh cùng một chỗ lúc sạch và lúc bị xả rác, tự viết chú thích và khẩu hiệu cho từng ảnh cùng bố cục trang; tổ nào có ảnh chụp bằng máy của gia đình thì gửi giáo viên, giáo viên mở trên máy tính của lớp và chiếu lên tivi để cả lớp so bản thiết kế trên giấy với ảnh thật.

10.C3 – công nghệ AI, phần cách đặt câu lệnh phù hợp với mục tiêu cụ thể. Cụ thể trong chủ đề này: học sinh viết ra giấy một câu lệnh yêu cầu phần mềm trí tuệ nhân tạo gợi ý khẩu hiệu tuyên truyền bảo vệ cảnh quan; giáo viên gõ câu lệnh ấy lên máy tính của lớp và chiếu kết quả lên tivi; học sinh đối chiếu khẩu hiệu máy trả về với cảnh quan có thật ở địa phương, chỉ ra chỗ không khớp rồi viết lại câu lệnh cho rõ mục tiêu hơn và so hai lần kết quả.

Minh chứng: bảng tin ảnh trên giấy A3 kèm chú thích và khẩu hiệu tự viết; phiếu hai câu lệnh trước và sau khi sửa, kèm nhận xét về khác biệt giữa hai lần kết quả; kế hoạch tuyên truyền và báo cáo kết quả của tổ.

3. Phẩm chất

Yêu nước: yêu quý và tự hào về cảnh quan thiên nhiên của quê hương mình.

Nhân ái: giữ gìn cảnh quan cho người đến sau, không vì tiện cho mình mà làm hỏng chỗ chung.

Trách nhiệm: làm đúng phần việc đã nhận trong kế hoạch tuyên truyền và giữ đúng nếp khi đi tham quan.

Chăm chỉ: kiên trì với những việc nhỏ như nhặt rác, không bẻ cành, dù không ai nhìn thấy.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 43–48 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có nối mạng; giấy A3, giấy A4, hồ dán, kéo và bút màu; bản in sáu thẻ gợi ý hành vi bảo tồn cảnh quan ở trang 45; bản in ba thẻ đối tượng, nội dung và hình thức tuyên truyền ở trang 46; bản in khung kế hoạch tuyên truyền và bảng triển khai bốn cột ở trang 46 và trang 47; bản in một số ảnh cảnh quan của địa phương để tổ nào không có ảnh riêng vẫn làm được bảng tin; phiếu học tập ở Phụ lục 1; một đoạn nhạc hoặc bài hát ngắn ca ngợi cảnh đẹp quê hương để khởi động.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút; ảnh chụp một cảnh quan ở địa phương nếu gia đình có máy, nếu không thì bản vẽ tay hoặc mô tả bằng lời; những gì mình quan sát được ở nơi đó về rác, cây cối và cách người ta cư xử với cảnh quan.

Phương án dự phòng: trường chỉ có tivi và một máy tính của giáo viên, học sinh không có thiết bị riêng nên bảng tin ảnh được thiết kế trên giấy A3 và mọi câu lệnh gửi phần mềm đều viết ra giấy để giáo viên gõ hộ. Tổ nào không có ảnh chụp thì vẽ lại cảnh quan hoặc dùng ảnh giáo viên in sẵn, vẫn tính là bảng tin đầy đủ. Khi mất điện hoặc không có mạng, giáo viên dùng bản in kết quả câu lệnh đã chuẩn bị từ trước và cho các tổ treo bảng tin lên tường lớp thay cho chiếu tivi.

An toàn: học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân trên máy của lớp, không nhập tên thật, số điện thoại hay địa chỉ nhà, không đăng ảnh hoặc bài tuyên truyền lên mạng khi chưa

có ý kiến của giáo viên và gia đình. Ảnh dùng trong bảng tin không được có mặt người khi chưa hỏi họ. Khi đi chụp ảnh hoặc khảo sát cảnh quan, học sinh đi theo tổ, báo trước với gia đình, không xuống bờ sông, bờ suối hay ven vực, không trèo cây, không đi vào rừng sâu và không đi khi trời mưa.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: nhận ra cảnh quan quanh mình đang thế nào → biết những việc cần làm để giữ nó → soi lại việc người ta đã làm ở địa phương → dựng bảng tin và tìm lời kêu gọi → lập kế hoạch tuyên truyền → làm thật rồi nhìn lại.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
59	Cảnh quan thiên nhiên ở địa phương em đang ra sao?	Phiếu mô tả cảnh quan và danh sách hành vi bảo tồn cần có	45 phút
60	Việc mà em và các bạn làm được là những việc nào?	Thẻ cam kết cá nhân và bảng đối tượng, nội dung, hình thức tuyên truyền	45 phút
61	Ở địa phương, việc nào đã làm tốt, việc nào chưa và việc nào còn thiếu?	Phiếu nhận xét ba hướng cho ít nhất năm hành vi, việc làm	45 phút
62	Bảng tin ảnh và khẩu hiệu nào làm người ta dừng lại nhìn?	Bảng tin ảnh trên giấy A3 và phiếu hai câu lệnh trước – sau khi sửa	45 phút
63	Kế hoạch tuyên truyền phải chi tiết tới đâu mới chạy được?	Kế hoạch tuyên truyền kèm bảng triển khai bốn cột của tổ	45 phút
64	Buổi tuyên truyền để lại được gì và em đã đổi khác thế nào?	Báo cáo kết quả tuyên truyền và phiếu tự đánh giá năm tiêu chí	45 phút

TIẾT 59. CẢNH QUAN THIÊN NHIÊN Ở ĐỊA PHƯƠNG VÀ VIỆC CẦN LÀM ĐỂ GIỮ

Hoạt động 1. Mở đầu – Chỗ đẹp nhất quê em giờ ra sao (8′)

a) Mục tiêu: Khơi lên sự gắn bó với cảnh quan quê hương và làm xuất hiện nhu cầu tìm hiểu những việc cần làm để giữ cảnh quan ấy.

b) Nội dung: Giáo viên mở một đoạn nhạc ngắn ca ngợi cảnh đẹp quê hương rồi đặt hai câu hỏi: chỗ đẹp nhất ở quê em là chỗ nào, và mười năm nữa chỗ ấy sẽ ra sao. Học sinh trả lời ba câu hỏi mở đầu ở mục A của Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Ba câu trả lời ngắn của mỗi học sinh ở mục A Phụ lục 1; danh sách những chỗ được nhắc tới nhiều nhất được ghi lên bảng lớp, kèm dấu hiệu cho thấy chỗ đó đang xấu đi.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (1′): Giáo viên mở đoạn nhạc, nêu hai câu hỏi, phát Phụ lục 1 và yêu cầu mỗi em trả lời ba câu ở mục A trong ba phút.

2. Thực hiện nhiệm vụ (3′): Học sinh nhớ lại một chỗ cụ thể ở quê mình và viết câu trả lời. Giáo viên đi một vòng, nhắc các em ghi tên chỗ đó chứ không viết chung là quê em rất đẹp.

3. Báo cáo, thảo luận (3′): Bốn đến năm học sinh đọc câu trả lời. Giáo viên ghi lên bảng tên các chỗ được nhắc tới và gạch chân dấu hiệu cho thấy chỗ đó đang xấu đi như rác, cây bị chặt hay nước đổi màu.

4. Kết luận, nhận định (1′): GV chốt: Những dấu hiệu vừa gạch chân trên bảng không tự nhiên mà có, đều do việc làm của con người. Chủ đề này đi tìm việc làm nào giữ được cảnh quan và việc làm nào đang phá nó đi.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

a) Mục tiêu: Đi hết bốn hoạt động đầu của chủ đề trong sách giáo khoa trang 45 đến trang 48: tìm hiểu hành vi bảo tồn cảnh quan, tìm hiểu hoạt động tuyên truyền, nhận xét đánh giá hành vi ở địa phương, xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyên truyền.

b) Nội dung: Bảy nhiệm vụ nối tiếp nhau trải từ tiết 59 đến tiết 64, bám năm hoạt động của chủ đề 7.

c) Sản phẩm: Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và hồ sơ của tổ.

d) Tổ chức thực hiện

Sáu thẻ gợi ý những hành vi, việc làm mà cá nhân và tổ chức cần thực hiện để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, trong đó một thẻ để trống — SGK trang 45

Nhiệm vụ 2.1. Lập danh sách hành vi, việc làm bảo tồn cảnh quan thiên nhiên (37′)

a) Mục tiêu: Kể được những hành vi, việc làm của cá nhân và tổ chức trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên; xác định được danh sách những việc cần thực hiện ở địa phương mình.

b) Nội dung: Học sinh chia sẻ những hành vi, việc làm bảo tồn cảnh quan mà mình đã biết ở địa phương, sau đó đọc sáu thẻ gợi ý ở sách giáo khoa trang 45 gồm đặt các thùng rác ở

khu vực tham quan, giữ gìn không làm thay đổi cảnh quan, bảo vệ các loài động vật quý hiếm, bảo vệ động vật trong mùa sinh sản, quản lí việc xây dựng trong khu cảnh quan thiên nhiên, và một thẻ để trống. Mỗi tổ đối chiếu sáu thẻ với cảnh quan mình chọn ở phần mở đầu rồi lập danh sách việc cần thực hiện.

c) Sản phẩm: Danh sách hành vi, việc làm bảo tồn cảnh quan của tổ trên giấy A3, ít nhất năm việc; mỗi việc ghi rõ ai làm là hợp lí, cá nhân hay tổ chức nào, và làm ở khu vực nào; ít nhất một việc riêng của địa phương được điền vào thẻ để trống.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4′): Giáo viên chia lớp thành các tổ theo cảnh quan mà các em chọn, phát bản in sáu thẻ ở trang 45, giấy A3 và bút màu; nêu rõ mỗi việc phải nói được ai làm và làm ở đâu.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18′): Các tổ kể cho nhau nghe việc mình đã biết, rồi đối chiếu với sáu thẻ và viết danh sách. Giáo viên đi từng tổ, gợi ý bằng hai câu hỏi: việc này ở chỗ ta đã có ai làm chưa, và nếu không ai làm thì cảnh quan đó sẽ ra sao sau vài năm.

3. Báo cáo, thảo luận (10′): Ba tổ treo danh sách và trình bày, mỗi tổ khoảng hai phút. Các tổ còn lại chỉ ra việc nào chỉ tổ chức mới làm được và việc nào một người bình thường cũng làm được ngay.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Bảo tồn cảnh quan có hai phần việc. Phần của tổ chức là đặt thùng rác, cắm biển, quản lí xây dựng; phần của mỗi người là không làm hỏng những gì đang có. Phần thứ hai không cần xin phép ai và bắt đầu được ngay hôm nay.

TIẾT 60. VIỆC EM LÀM ĐƯỢC VÀ CÁCH TUYÊN TRUYỀN BẢO VỆ CẢNH QUAN

Kết nối hai tiết (3′): Tiết trước cả lớp đã có danh sách việc cần làm để giữ cảnh quan. Tiết này tách ra hai phần: phần nào tự tay em làm được ngay, và phần nào phải nói cho người khác cùng làm.

Nhiệm vụ 2.2. Những việc em và các bạn làm được ngay (20′)

a) Mục tiêu: Nêu được những việc mà bản thân và các bạn có thể làm để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và cam kết thực hiện một việc cụ thể.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ ba của hoạt động 1 ở sách giáo khoa trang 45, mỗi học sinh chọn từ danh sách của tổ những việc vừa sức mình rồi viết thẻ cam kết. Việc được chọn phải làm được trong tháng này và không cần xin phép cơ quan nào.

c) Sản phẩm: Thẻ cam kết cá nhân gồm ba dòng, mỗi dòng ghi việc sẽ làm, làm ở chỗ nào và bao lâu một lần; thẻ được dán vào góc lớp để đối chiếu ở tiết cuối chủ đề.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′): Giáo viên phát mỗi em một thẻ giấy màu, nêu hai điều kiện của việc được chọn là làm được trong tháng này và không phải xin phép ai.

2. Thực hiện nhiệm vụ (9′): Học sinh viết thẻ. Giáo viên đọc lướt vài thẻ, hỏi lại các em viết còn chung chung: việc đó em làm ở chỗ nào và bao lâu một lần thì người khác nhìn ra.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Sáu học sinh đọc thẻ của mình. Lớp góp ý để mỗi việc trở nên đo được, sau đó cả lớp dán thẻ lên góc lớp.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Bảo tồn cảnh quan không bắt đầu bằng một chiến dịch lớn mà bằng những việc nhỏ lặp lại đều đặn. Thẻ cam kết này sẽ được lấy ra đối chiếu ở tiết 64.

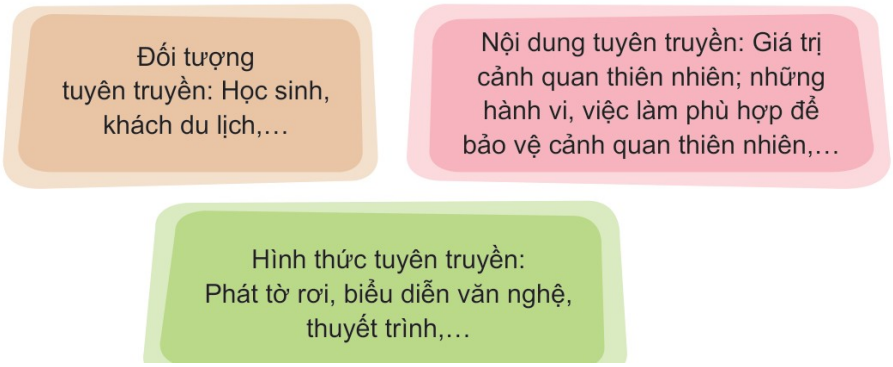

Ba thẻ gợi ý đối tượng, nội dung và hình thức của hoạt động tuyên truyền bảo vệ cảnh quan thiên nhiên — SGK trang 46

Nhiệm vụ 2.3. Xác định đối tượng, nội dung và hình thức tuyên truyền (22′)

a) Mục tiêu: Xác định được đối tượng, nội dung và hình thức của hoạt động tuyên truyền nhằm bảo vệ cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.

b) Nội dung: Học sinh chia sẻ những hoạt động tuyên truyền bảo vệ cảnh quan mà mình đã biết hoặc đã tham gia, đã dùng hình thức nào và nói cho ai nghe, theo yêu cầu thứ nhất của hoạt động 2 ở sách giáo khoa trang 45. Sau đó mỗi tổ dùng ba thẻ gợi ý ở trang 46 để chọn đối tượng, nội dung và hình thức cho hoạt động tuyên truyền của mình.

c) Sản phẩm: Bảng ba ô của tổ ở mục D1 Phụ lục 1: đối tượng tuyên truyền, nội dung tuyên truyền và hình thức tuyên truyền, mỗi ô ghi kèm một câu giải thích vì sao chọn như vậy cho cảnh quan tổ mình đã chọn.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên chiếu ba thẻ gợi ý ở trang 46, đọc ví dụ trong sách rồi nêu yêu cầu mỗi tổ phải chọn cho đúng cảnh quan của mình chứ không chép lại ví dụ.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Các tổ điền bảng ba ô. Giáo viên đi từng tổ, hỏi một câu cho mỗi ô: người này thường có mặt ở cảnh quan đó vào lúc nào, nội dung này họ đã biết chưa, và hình thức này tổ em làm được với những gì đang có trong tay.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Bốn tổ trình bày bảng ba ô. Lớp so các tổ và chỉ ra tổ nào chọn hình thức quá sức, ví dụ định in nhiều tờ rơi trong khi không có kinh phí.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Ba ô này phải khớp với nhau. Nói với khách du lịch thì khác nói với người dân trong thôn; chọn hình thức thì phải nhìn vào thứ mình có sẵn chứ không nhìn vào thứ mình mong có.

TIẾT 61. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VIỆC BẢO TỒN CẢNH QUAN Ở ĐỊA PHƯƠNG

Kết nối hai tiết (3′): Hai tiết đầu đã dựng được thước đo: những việc nào là việc cần làm để giữ cảnh quan. Tiết này mang thước ấy ra soi vào chính địa phương mình.

Nhiệm vụ 2.4. Soi ba hướng vào việc làm của tổ chức và cá nhân ở địa phương (42′)

a) Mục tiêu: Nhận xét, đánh giá được hành vi, việc làm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ở địa phương, có nêu lí do cho từng nhận xét.

b) Nội dung: Hoạt động 3 ở sách giáo khoa trang 46 nêu ba hướng để nhận xét: việc làm nào đã thực hiện là phù hợp; việc làm nào đã thực hiện nhưng chưa phù hợp và vì sao; việc làm nào cần thiết mà chưa được thực hiện và vì sao cần bổ sung. Mỗi tổ soi ba hướng này vào cảnh quan mình đã chọn, mỗi hướng nêu ít nhất hai việc để cả tổ có ít nhất năm việc được đánh giá.

c) Sản phẩm: Phiếu nhận xét ba hướng của tổ ở mục B Phụ lục 1, tổng cộng ít nhất năm hành vi, việc làm; mỗi việc ghi rõ ai đã làm hoặc lẽ ra ai nên làm, và một câu lí do cho nhận xét.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên vẽ ba cột lên bảng theo ba hướng ở trang 46, làm mẫu với một việc giả định là đặt thùng rác ở lối vào khu tham quan, đi đủ ba hướng để lớp thấy cùng một việc có thể vừa đáng khen vừa còn thiếu chỗ nào.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20′): Các tổ điền phiếu ba cột. Giáo viên đi từng tổ, nhắc quy ước không nêu tên người cụ thể mà chỉ nói việc; với cột thứ hai thì hỏi thêm việc này chưa phù hợp là vì làm sai cách hay vì làm chưa đủ.

3. Báo cáo, thảo luận (12′): Các tổ trình bày, mỗi tổ nêu một việc ở mỗi cột. Lớp kiểm tra chéo bằng một câu hỏi duy nhất cho cột thứ ba: việc này nếu làm thì ai làm và cần những gì.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Nhận xét có sức nặng khi nói rõ vì sao. Cột khó nhất là cột thứ ba, vì phải nhìn ra thứ chưa có; đó cũng chính là chỗ tổ các em có thể đề xuất với địa phương.

TIẾT 62. DỰNG BẢNG TIN ẢNH VÀ TÌM KHẨU HIỆU TUYÊN TRUYỀN

Kết nối hai tiết (3′): Tổ nào cũng đã có việc muốn nói với người khác. Tiết này lo phần hình thức: một bảng tin để người ta nhìn và một câu khẩu hiệu để người ta nhớ.

Nhiệm vụ 2.5. Thiết kế bảng tin ảnh về cảnh quan trên giấy A3 (20′)

a) Mục tiêu: Thiết kế được một bảng tin ảnh về cảnh quan ở địa phương, biết sắp xếp ảnh và viết chú thích sao cho người xem hiểu ngay điều mình muốn nói.

b) Nội dung: Mỗi tổ dựng trên giấy A3 một bảng tin ảnh gồm hai cột: cột bên trái là cảnh quan lúc còn giữ được, cột bên phải là chính chỗ ấy khi bị xả rác hoặc bị làm hỏng. Tổ nào có ảnh chụp bằng máy của gia đình thì dán ảnh vào, tổ nào không có thì vẽ lại hoặc dùng ảnh giáo viên in sẵn. Mỗi ảnh có một chú thích ngắn ghi chỗ chụp và điều muốn người xem

chú ý. Ảnh có gửi kèm dạng số thì giáo viên mở trên máy tính của lớp và chiếu lên tivi để cả lớp so bản thiết kế trên giấy với ảnh thật.

c) Sản phẩm: Bảng tin ảnh trên giấy A3 của tổ: hai cột, ít nhất bốn ảnh hoặc hình vẽ, mỗi ảnh có chú thích ghi chỗ và điều đáng chú ý; tiêu đề bảng tin do tổ tự đặt.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên phát giấy A3, hồ dán và bút màu; hướng dẫn ba điều làm nên một bảng tin dễ nhìn: tiêu đề to nhất, ảnh cùng một chỗ thì đặt cạnh nhau, chú thích ngắn nằm ngay dưới ảnh. Giáo viên nhắc ảnh không được có mặt người khi chưa hỏi họ.

2. Thực hiện nhiệm vụ (9′): Các tổ bố trí ảnh và viết chú thích. Giáo viên đi từng tổ, hỏi hai câu: người đứng xa hai mét có đọc được tiêu đề không, và nhìn hai ảnh cạnh nhau có thấy ngay khác biệt không.

3. Báo cáo, thảo luận (5′): Các tổ treo bảng tin lên tường lớp. Giáo viên mở ảnh dạng số của các tổ có gửi và chiếu lên tivi. Lớp đi xem một vòng và đánh dấu sao vào bảng tin làm mình dừng lại lâu nhất.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Một bảng tin nói được nhiều hơn một bài viết dài, với điều kiện người xem nhìn vào là hiểu ngay. Hai ảnh cùng một chỗ đặt cạnh nhau có sức thuyết phục hơn mọi lời than phiền.

Nhiệm vụ 2.6. Viết câu lệnh xin gợi ý khẩu hiệu và sửa lại cho trúng (22′)

a) Mục tiêu: Viết được câu lệnh yêu cầu phần mềm trí tuệ nhân tạo gợi ý khẩu hiệu tuyên truyền; chỉnh lại câu lệnh cho rõ mục tiêu và đối chiếu kết quả với thực tế địa phương.

b) Nội dung: Mỗi tổ viết ra giấy một câu lệnh xin gợi ý khẩu hiệu cho bảng tin của mình. Giáo viên gõ câu lệnh lên máy tính của lớp và chiếu kết quả lên tivi. Tổ đối chiếu khẩu hiệu máy trả về với cảnh quan có thật ở địa phương, chỉ ra chỗ không khớp, rồi viết lại câu lệnh có thêm tên loại cảnh quan, người cần nghe và việc muốn họ làm. Giáo viên gõ lần hai để cả lớp so hai lần kết quả. Học sinh không thao tác trên máy.

c) Sản phẩm: Phiếu hai câu lệnh ở mục C Phụ lục 1: câu lệnh lần đầu, ba khẩu hiệu máy trả về lần đầu, chỗ không khớp với địa phương, câu lệnh đã sửa, kết quả lần hai và một câu nhận xét về khác biệt giữa hai lần; khẩu hiệu cuối cùng tổ chọn dùng cho bảng tin.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên nêu nhiệm vụ, phát phiếu và làm mẫu một lần trên máy của lớp: câu lệnh chung chung xin khẩu hiệu bảo vệ môi trường cho ra những câu chỗ nào dùng cũng được, tức là chỗ nào cũng không trúng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Các tổ viết câu lệnh lần đầu. Giáo viên gõ lần lượt câu lệnh của từng tổ và chiếu ba khẩu hiệu máy trả về; tổ ghi lại rồi tìm chỗ không khớp với cảnh quan mình. Giáo viên gợi ý bằng câu hỏi: khẩu hiệu này đọc ở chỗ khác có dùng được không, nếu có thì nó chưa nói riêng gì về chỗ ta.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Các tổ viết lại câu lệnh có thêm tên cảnh quan, người cần nghe và việc muốn họ làm. Giáo viên gõ lần hai và chiếu kết quả. Ba tổ trình bày hai lần kết quả để lớp so.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Câu lệnh càng nói rõ nói cho ai nghe và muốn họ làm gì thì kết quả càng dùng được. Nhưng khẩu hiệu nào cũng phải đọc lại xem có đúng chỗ mình không, vì máy chưa từng đến cảnh quan ấy.

TIẾT 63. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TUYÊN TRUYỀN BẢO VỆ CẢNH QUAN THIÊN NHIÊN

Kết nối hai tiết (3′): Bảng tin đã có, khẩu hiệu đã chọn xong. Tiết này ghép hết lại thành một kế hoạch có người phụ trách và có mốc thời gian để mang ra khu dân cư làm thật.

KẾ HOẠCH TUYÊN TRUYỀN BẢO VỆ CẢNH QUAN THIÊN NHIÊN Ở ĐỊA PHƯƠNG

Nhóm thực hiện:
– …
– …
Địa điểm thực hiện: Nhà văn hoá thôn Đoài
Thời gian thực hiện: Chủ nhật tuần thứ 2 tháng 2

Phần đầu khung kế hoạch tuyên truyền bảo vệ cảnh quan thiên nhiên ở địa phương — SGK trang 46

Kế hoạch triển khai cụ thể:

Hoạt động/ Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Sản phẩm cần đạt	Người chịu trách nhiệm
Xây dựng chương trình/ kịch bản buổi tuyên truyền	Tuần đầu tháng 2	Chương trình buổi tuyên truyền chi tiết, cụ thể	
Mời người dân đến dự	Tuần đầu tháng 2	Thông báo qua loa phát thanh của thôn	
Viết nội dung bài thuyết trình	Tuần đầu tháng 2	Nội dung bài thuyết trình làm rõ được: – Những giá trị tinh thần và vật chất của cảnh quan thiên nhiên với người dân – Trách nhiệm bảo vệ cảnh quan thiên nhiên của người dân	
Thuyết trình bài tuyên truyền	Chủ nhật tuần thứ 2 tháng 2	Thuyết trình tự nhiên, thuyết phục	
Chuẩn bị các tiết mục văn nghệ về chủ đề bảo vệ cảnh quan thiên nhiên	Tuần đầu tháng 2	Có hai tiết mục đơn ca và một tiết mục tốp ca bài hát ca ngợi vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên	
Liên hệ và trang trí địa điểm tổ chức tuyên truyền	Trước ngày thuyết trình 1 ngày	Địa điểm tổ chức được trang trí đẹp và trang trọng	
Chuẩn bị các phương tiện nghe, nhìn cần thiết	Tuần đầu tháng 2	Có đủ loa, đài, tranh, ảnh minh hoạ	
…			

Bảng kế hoạch triển khai cụ thể bốn cột: hoạt động và nhiệm vụ, thời gian thực hiện, sản phẩm cần đạt, người chịu trách nhiệm — SGK trang 47

Nhiệm vụ 2.7. Hoàn thiện kế hoạch tuyên truyền và bảng triển khai bốn cột (42′)

a) Mục tiêu: Xây dựng được kế hoạch tuyên truyền bảo vệ cảnh quan thiên nhiên ở địa phương, có bảng triển khai cụ thể đủ bốn cột và có người chịu trách nhiệm cho từng việc.

b) Nội dung: Học sinh dùng khung kế hoạch ở sách giáo khoa trang 46 và trang 47 làm mẫu. Phần đầu gồm nhóm thực hiện, địa điểm, thời gian, mục tiêu, đối tượng, nội dung, hình thức tuyên truyền và cơ quan tổ chức phối hợp hỗ trợ. Phần sau là bảng triển khai bốn cột gồm hoạt động và nhiệm vụ, thời gian thực hiện, sản phẩm cần đạt, người chịu trách nhiệm; trong sách cột cuối để trống cho học sinh tự điền. Mỗi tổ thay ví dụ về thôn Đoài trong sách bằng cảnh quan và địa bàn của mình.

c) Sản phẩm: Kế hoạch tuyên truyền của tổ ở mục D2 Phụ lục 1: phần đầu đủ tám mục, bảng triển khai ít nhất bảy dòng, cột người chịu trách nhiệm ghi chữ cái đầu tên từng bạn và không có dòng nào bỏ trống cột này.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên chiếu khung kế hoạch ở trang 46 và bảng triển khai ở trang 47, chỉ ra cột người chịu trách nhiệm trong sách để trống chính là phần các tổ phải tự điền, và đó cũng là cột quyết định kế hoạch có chạy hay không.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20′): Các tổ điền kế hoạch và bảng triển khai. Giáo viên đi từng tổ, kiểm ba điều: mỗi dòng đã có người phụ trách chưa, thời gian có trùng lịch học không, và sản phẩm cần đạt đã nói rõ nhìn vào đâu để biết là xong chưa.

3. Báo cáo, thảo luận (12′): Ba tổ trình bày kế hoạch, mỗi tổ khoảng ba phút. Các tổ còn lại đóng vai cán bộ xã và hỏi ba câu: các cháu định làm ở đâu, cần xã giúp gì và buổi đó bao nhiêu người dự.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Bảng triển khai là chỗ biến ý muốn thành việc. Một dòng chưa có người phụ trách rất dễ bị bỏ sót và làm kế hoạch hụt đúng ở chỗ ấy.

TIẾT 64. BÁO CÁO KẾT QUẢ TUYÊN TRUYỀN VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ

Kết nối hai tiết (3′): Giữa tiết 63 và tiết 64, các tổ đã thực hiện kế hoạch tuyên truyền của mình ở khu dân cư hoặc trong buổi sinh hoạt dưới cờ. Tiết cuối nhìn lại kết quả rồi tự đánh giá.

Hoạt động 3. Luyện tập – Báo cáo kết quả buổi tuyên truyền (22′)

a) Mục tiêu: Báo cáo được kết quả thực hiện kế hoạch tuyên truyền kèm thông tin phản hồi thu được và nêu được điểm cần rút kinh nghiệm.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 4 ở sách giáo khoa trang 48, mỗi tổ báo cáo ba phần: buổi tuyên truyền đã tiến hành thế nào so với kế hoạch; thông tin phản hồi thu được gồm số người tham gia, cảm nhận và nhận xét của người dự; điểm cần rút kinh nghiệm cho lần sau.

c) Sản phẩm: Báo cáo kết quả của tổ ở mục D3 Phụ lục 1, ba phần; phần phản hồi ghi số người dự và ít nhất hai câu nhận xét của người dự với tên ghi bằng chữ cái đầu; bảng tin ảnh được mang ra treo lại kèm dấu vết đã dùng thật.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên nêu ba phần bắt buộc của báo cáo, giới hạn mỗi tổ khoảng ba phút và nhắc phần rút kinh nghiệm không được bỏ qua.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Các tổ sắp xếp lại tư liệu, đối chiếu việc đã làm với bảng triển khai để thấy dòng nào chạy đúng, dòng nào lệch. Giáo viên nhắc các tổ đối chiếu thẳng vào bảng chứ không kể theo trí nhớ.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Các tổ lần lượt báo cáo. Lớp ghi vào vở một điều học được từ tổ bạn và một chỗ tổ bạn còn kể suông chưa có dẫn chứng.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Phần đáng giá nhất của báo cáo là chỗ kế hoạch bị lệch, vì đó là chỗ lần sau các em sẽ làm khác đi. Một buổi tuyên truyền thành công không phải là buổi diễn ra trơn tru mà là buổi có người thay đổi sau đó.

Hoạt động 4. Vận dụng – Tuyên truyền tiếp và tự đánh giá chủ đề (20′)

a) Mục tiêu: Tiếp tục tuyên truyền bảo vệ cảnh quan thiên nhiên trong đời sống hằng ngày và tự đánh giá kết quả trải nghiệm chủ đề theo năm tiêu chí của sách giáo khoa.

b) Nội dung: Hoạt động 5 ở sách giáo khoa trang 48 nêu ba việc để làm tiếp: vận động bạn bè và người thân trong gia đình bảo vệ cảnh quan trong cuộc sống hằng ngày; tham gia hoạt động tuyên truyền do tổ chức xã hội hoặc Đoàn Thanh niên thực hiện tại địa phương; chia sẻ hình ảnh và thông tin nhận xét về việc bảo tồn cảnh quan. Sau đó học sinh hoàn thành phiếu tự đánh giá theo năm tiêu chí ở khung đánh giá cuối chủ đề, cùng trang 48, với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.

c) Sản phẩm: Phiếu tự đánh giá năm tiêu chí đã đánh dấu mức đạt được, mỗi tiêu chí ghi kèm tên sản phẩm chứng minh; nhật kí ba dòng ghi lại ba việc làm tiếp trong bốn tuần tới, nộp lại vào tiết sinh hoạt lớp cuối tháng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên phát lại thẻ cam kết viết ở tiết 60 để mỗi em đối chiếu, sau đó chiếu năm tiêu chí ở trang 48 và giải thích từng tiêu chí bằng sản phẩm cụ thể lớp đã làm.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8′): Học sinh đánh dấu phiếu tự đánh giá và ghi tên sản phẩm chứng minh cho tiêu chí mình chọn mức Đạt. Giáo viên nhắc tiêu chí nào không chỉ ra được sản phẩm thì chưa nên đánh dấu Đạt.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Ba học sinh chia sẻ tiêu chí mình chưa đạt và dự định làm tiếp trong bốn tuần tới. Lớp góp ý cách làm và ghép những em cùng địa bàn để làm chung.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Chủ đề khép lại nhưng thẻ cam kết ở góc lớp thì còn treo đó. Cảnh quan quê mình giữ được hay không phụ thuộc vào việc các em có làm tiếp những việc nhỏ ấy sau khi hết chủ đề hay không.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 7 – DÙNG XUYÊN SUỐT CHỦ ĐỀ

Họ và tên: …… Lớp: …… Tổ: ……

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Chỗ đẹp nhất của thiên nhiên ở quê em là chỗ nào? Em hãy gọi tên chỗ ấy.
2. Lần gần nhất em đến đó, em thấy chỗ ấy khác trước ở điểm gì?
3. Nếu mười năm nữa quay lại, em mong chỗ ấy vẫn giữ được điều gì?

B. PHIẾU KIẾN THỨC VÀ NHẬN XÉT CHỦ ĐỀ 7

B1. Phiếu kiến thức

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ ở địa phương em	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	*Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.*	*Nêu một việc có thật ở cảnh quan tổ em chọn.*	*Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.*
1. Hành vi, việc làm bảo tồn cảnh quan thiên nhiên			
2. Hoạt động tuyên truyền bảo vệ cảnh quan thiên nhiên			
3. Kế hoạch tuyên truyền và bảng triển khai cụ thể			
4. Đánh giá kết quả hoạt động tuyên truyền			

B2. Phiếu nhận xét ba hướng về việc bảo tồn cảnh quan ở địa phương (làm theo tổ)

Hành vi, việc làm	Ai đã làm hoặc lẽ ra ai nên làm	Xếp vào hướng nào (phù hợp / chưa phù hợp / còn thiếu)	Vì sao em xếp như vậy

C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

Trong chủ đề này em làm hai việc với nội dung số: thiết kế một bảng tin ảnh trên giấy A3, và viết câu lệnh nhờ phần mềm gợi ý khẩu hiệu. Em viết ra giấy, thầy cô là người gõ lên máy tính của lớp và chiếu lên tivi cho cả lớp xem.

C1. Bảng tin ảnh của tổ em

– Tiêu đề tổ em đặt cho bảng tin: ……

– Cảnh quan được chọn và chỗ chụp hoặc chỗ vẽ:

……

– Chú thích cho ảnh cột bên trái (lúc còn giữ được): ……

– Chú thích cho ảnh cột bên phải (khi bị làm hỏng): ……

– Người xem cần chú ý điều gì khi nhìn hai ảnh đặt cạnh nhau?

……

C2. Hai câu lệnh xin gợi ý khẩu hiệu

	Lần đầu	Lần sau khi sửa
Câu lệnh tổ em viết ra giấy		
Ba khẩu hiệu máy trả về		
Chỗ không khớp với cảnh quan của tổ em		

– Hai lần kết quả khác nhau ở chỗ nào? Vì sao lại khác?

……

– Khẩu hiệu cuối cùng tổ em chọn dùng cho bảng tin:

……

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

D1. Đối tượng, nội dung, hình thức tuyên truyền (làm theo tổ)

Mục	Tổ em chọn gì	Vì sao chọn như vậy cho cảnh quan của tổ em
Đối tượng tuyên truyền		
Nội dung tuyên truyền		
Hình thức tuyên truyền		

D2. Kế hoạch tuyên truyền bảo vệ cảnh quan thiên nhiên ở địa phương (làm theo tổ)

Mục của kế hoạch	Tổ em điền vào đây
Nhóm thực hiện	
Địa điểm thực hiện	
Thời gian thực hiện	
Mục tiêu tuyên truyền	
Đối tượng tuyên truyền	
Nội dung tuyên truyền	
Hình thức tuyên truyền	
Cơ quan, tổ chức, cá nhân phối hợp hoặc hỗ trợ	

Bảng kế hoạch triển khai cụ thể:

Hoạt động, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Sản phẩm cần đạt	Người chịu trách nhiệm (chữ cái đầu)

D3. Báo cáo kết quả buổi tuyên truyền (làm theo tổ)

1. Buổi tuyên truyền đã tiến hành thế nào so với bảng triển khai? Dòng nào chạy đúng, dòng nào lệch?

2. Số người tham gia: …… Ai nhận xét gì (ghi chữ cái đầu tên người nói):

……

3. Điểm cần rút kinh nghiệm cho lần sau:

……

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ	Rút ra điều gì?
1. Hành vi, việc làm bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	SGK trang 45 yêu cầu chia sẻ hành vi, việc làm của cá nhân và tổ chức đã biết, rồi thảo luận xác định danh sách những việc cần thực hiện; gợi ý bằng sáu thẻ giấy nhớ, trong đó một thẻ để trống. Sau đó yêu cầu chia sẻ những việc chính học sinh làm được.	Năm thẻ có chữ: đặt các thùng rác ở các khu vực tham quan; giữ gìn, không làm thay đổi cảnh quan như không chặt cây xanh; bảo vệ các loài động vật quý hiếm; bảo vệ động vật trong mùa sinh sản; quản lí việc xây dựng trong khu cảnh quan thiên nhiên.	Bảo tồn cảnh quan có phần của tổ chức và phần của mỗi người; phần của mỗi người không cần xin phép ai và bắt đầu được ngay.
2. Hoạt động tuyên truyền bảo vệ cảnh quan thiên nhiên	SGK trang 45 và trang 46 yêu cầu chia sẻ hoạt động tuyên truyền đã biết, đã tham gia, đã tuyên truyền cho ai và bằng hình thức nào; rồi thảo luận xác định đối tượng, nội dung, hình thức tuyên truyền ở địa phương, gợi ý bằng ba thẻ màu.	Đối tượng tuyên truyền: học sinh, khách du lịch. Nội dung tuyên truyền: giá trị cảnh quan thiên nhiên; những hành vi, việc làm phù hợp để bảo vệ cảnh quan. Hình thức tuyên truyền: phát tờ rơi, biểu diễn văn nghệ, thuyết trình.	Ba yếu tố này phải khớp nhau: nói với khách du lịch khác nói với người dân trong thôn, và hình thức phải chọn theo thứ mình có sẵn.
3. Kế hoạch tuyên truyền và bảng triển khai cụ thể	SGK trang 46 và trang 47 đưa khung kế hoạch tuyên truyền bảo vệ cảnh quan thiên nhiên ở địa phương, gồm phần đầu với nhóm thực hiện, địa điểm, thời gian, mục tiêu, đối tượng, nội dung, hình thức và cơ quan phối hợp; phần sau là bảng triển khai 4 cột, trong đó cột người chịu trách nhiệm để trống cho học sinh tự điền.	Ví dụ trong sách: địa điểm là nhà văn hoá thôn Đoài, thời gian là Chủ nhật tuần thứ 2 tháng 2, đối tượng là người dân thôn Đoài, hình thức là thuyết trình, phối hợp với chính quyền xã, trưởng thôn và Đoàn Thanh niên. Bảng triển khai có các dòng như viết nội dung bài thuyết trình, chuẩn bị tiết mục văn nghệ với hai tiết mục đơn ca và một tiết mục tốp ca, liên hệ và trang trí địa điểm trước ngày thuyết trình 1 ngày.	Cột người chịu trách nhiệm quyết định kế hoạch có chạy hay không; dòng nào bỏ trống cột ấy thì hôm đó không có ai làm.
4. Đánh giá kết quả hoạt động tuyên truyền	SGK trang 48 yêu cầu tiến hành tuyên truyền theo kế hoạch, thu thập thông tin phản hồi từ đối tượng được tuyên truyền, rút kinh nghiệm và viết báo cáo kết quả; khung	Thông tin phản hồi cần thu: số lượng người tham gia, cảm nhận về buổi tuyên truyền, sự hài lòng và nhận xét của những người tham gia. Năm tiêu chí đánh giá yêu cầu nêu ít nhất 5 hành	Buổi tuyên truyền thành công không phải là buổi trơn tru mà là buổi có người thay đổi sau đó; muốn biết điều đó thì phải hỏi ngay tại chỗ.

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ	Rút ra điều gì?
	đánh giá cuối chủ đề gồm 5 tiêu chí, xếp theo hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.	vi, đánh giá ít nhất 5 hành vi, xây dựng 1 kế hoạch, tham gia ít nhất 1 hoạt động tuyên truyền và nêu ít nhất 3 hành vi của cá nhân.	

2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

Phần C1 – bảng tin đạt khi có tiêu đề do tổ tự đặt, hai cột ảnh của cùng một chỗ và chú thích nói được chỗ chụp cùng điều đáng chú ý. Tổ vẽ tay hoặc dùng ảnh giáo viên in sẵn vẫn được tính đầy đủ, vì phần được đánh giá là cách sắp xếp và cách viết chú thích chứ không phải chất lượng ảnh.

Phần C2 – câu lệnh lần đầu thường chỉ ghi xin khẩu hiệu bảo vệ môi trường, nên máy trả về những câu chung chung đọc ở đâu cũng được. Câu lệnh sửa lần hai đạt khi thêm được ba thứ: tên loại cảnh quan cụ thể, người cần nghe, và việc muốn họ làm. Học sinh phải chỉ ra được ít nhất một chỗ khẩu hiệu máy trả về không khớp với cảnh quan thật, ví dụ máy nhắc tới biển trong khi địa phương chỉ có đồi và suối.

Câu hỏi so hai lần kết quả – kết quả lần hai thường ngắn hơn, gọi đúng tên chỗ và nói rõ việc phải làm. Lí do là câu lệnh đã giới hạn phạm vi, máy không phải đoán. Nhưng dù sửa kĩ đến đâu thì vẫn phải đọc lại xem có đúng chỗ mình không, vì máy chưa từng đến cảnh quan ấy.

Phiếu đánh giá phần này (dùng hai mức):

– Bảng tin có tiêu đề, hai cột ảnh cùng một chỗ và chú thích cho từng ảnh: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Viết được câu lệnh lần đầu và ghi lại đủ ba khẩu hiệu máy trả về: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Chỉ ra được chỗ khẩu hiệu không khớp với cảnh quan thật ở địa phương: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Câu lệnh sửa lần hai có thêm tên cảnh quan, người cần nghe và việc muốn họ làm: Đạt hoặc Chưa đạt.

3. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – danh sách việc bảo tồn chép nguyên năm thẻ trong sách mà không nhắc gì tới cảnh quan tổ mình chọn. Gợi mở: hỏi ở chỗ ta có khu tham quan không, có loài động vật quý hiếm nào không; việc nào không trả lời được thì gạch đi và thay bằng việc có thật.

Lỗi 2 – thẻ cam kết viết những việc quá lớn như trồng lại cả cánh rừng. Gợi mở: nhắc hai điều kiện là làm được trong tháng này và không cần xin phép ai, rồi cho viết lại.

Lỗi 3 – phiếu nhận xét ba hướng biến cột thứ hai thành chỗ chê một cơ quan hoặc một người cụ thể. Gợi mở: nhắc quy ước chỉ nói việc, yêu cầu viết lại thành việc làm chưa phù hợp kèm lí do là làm sai cách hay làm chưa đủ.

Lỗi 4 – bảng tin ảnh dán hai ảnh ở hai chỗ khác nhau nên nhìn không thấy khác biệt. Gợi mở: yêu cầu tìm hai ảnh cùng một góc, nếu không có thì vẽ lại cùng một góc nhìn.

Lỗi 5 – câu lệnh sửa lần hai chỉ dài thêm chứ không rõ thêm, ví dụ thêm mấy chữ thật hay và thật ấn tượng. Gợi mở: hỏi thêm ba chữ đó thì máy biết thêm điều gì về chỗ ta; yêu cầu thay bằng tên cảnh quan và người cần nghe.

Lỗi 6 – bảng triển khai bỏ trống cột người chịu trách nhiệm vì trong sách cột ấy cũng để trống. Gợi mở: chỉ rõ sách để trống chính là chỗ dành cho các em điền, rồi hỏi từng dòng hôm đó bạn nào làm.

Lỗi 7 – báo cáo kết quả chỉ nói buổi đó tốt đẹp, không có số người dự và không có câu nào của người dân. Gợi mở: hỏi hôm đó bao nhiêu người ngồi nghe đến cuối và ai nói câu gì khiến tổ nhớ nhất.

4. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Kiến thức, quy trình	Đúng và đủ ý; giải thích hoặc thao tác có dẫn chứng.	Đúng các ý hoặc bước chính.	Sai hoặc thiếu ý, bước cốt lõi.
Sản phẩm và dữ liệu	Rõ ràng, kiểm tra lại được nguồn; có nêu giới hạn và sai số.	Có sản phẩm và dẫn chứng cơ bản.	Chung chung, thiếu dẫn chứng hoặc đơn vị.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	Đủ dữ liệu – chức năng – kết quả – người kiểm chứng.	Nêu đúng ứng dụng và bước kiểm tra.	Nhầm thiết bị thông thường là trí tuệ nhân tạo, hoặc tin tuyệt đối vào kết quả của máy.
Hợp tác, an toàn	Đúng vai, đúng giờ; trung thực và an toàn.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản.	Thiếu phối hợp hoặc vi phạm an toàn.

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày …… tháng …… năm 2026
GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)

SỞ GD&ĐT: ……
TRƯỜNG: ……
TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 10

BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG — (Năm học 2026 - 2027)

CHỦ ĐỀ 8. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN

(Số tiết: 9 — tuần 22 đến tuần 25, tiết 65 đến tiết 73)

Giáo viên: …… | Lớp: …… | Ngày dạy: ……

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

– Khảo sát và đánh giá được thực trạng của một vấn đề môi trường tự nhiên ở địa phương, chọn trong ba môi trường mà sách giáo khoa nêu là môi trường đất, môi trường không khí và môi trường nước.

– Phân tích được tác động của con người tới môi trường tự nhiên theo cả hai chiều tích cực và tiêu cực, có dẫn chứng quan sát được ở địa phương.

– Đề xuất được ít nhất ba giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên, mỗi giải pháp bám vào một nguyên nhân đã chỉ ra.

– Xây dựng được nội dung một bài thuyết trình không quá một trang giấy khổ A4 về ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường tự nhiên, phù hợp với người nghe đã chọn.

– Thuyết trình được cho ít nhất một nhóm đối tượng trong thời gian 5 – 7 phút theo quy định của sách giáo khoa.

– Lập được kế hoạch và tham gia thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên đã đề xuất.

– Viết được báo cáo kết quả thực hiện giải pháp theo khung gợi ý, có minh chứng cụ thể bằng số liệu hoặc ảnh chụp.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực thích ứng với cuộc sống khi nhìn nhận thực trạng môi trường nơi mình đang sống và tự điều chỉnh hành vi hằng ngày; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi lập kế hoạch thực hiện giải pháp, phân công việc và theo dõi kết quả.

Năng lực chung: tự chủ và tự học khi tự quan sát, ghi chép thực trạng môi trường quanh nhà; giao tiếp và hợp tác khi thuyết trình cho người nghe ngoài lớp học; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi truy tìm nguyên nhân và chọn giải pháp làm được với sức của học sinh.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

6.2.NC1c – nhận ra được rủi ro và giới hạn khi sử dụng trí tuệ nhân tạo, biết cách kiểm chứng trước khi tin vào kết quả máy đưa ra. Cụ thể trong chủ đề này: từ một bản in kết quả dự báo chất lượng không khí do một ứng dụng trí tuệ nhân tạo đưa ra, học sinh chỉ ra được hai điểm lệch so với điều chính mình quan sát ngoài thực tế và nêu được hai việc cần làm để không bị dẫn dắt sai.

10.A2 – phân tích được rủi ro mà một ứng dụng trí tuệ nhân tạo có thể gây ra cho con người. Cụ thể trong chủ đề này: học sinh tranh biện về một tình huống dự báo ô nhiễm sai, nêu được thiệt hại có thể xảy đến với người dân và trách nhiệm của người công bố thông tin; toàn bộ làm bằng thảo luận trên phiếu giấy, không cần thiết bị riêng.

Minh chứng: phiếu đối chiếu dự báo của máy với quan sát thực tế; phiếu tranh biện ghi thiệt hại có thể xảy ra và hai việc cần làm để tránh rủi ro; bảng bốn cột thực trạng – nguyên nhân – giải pháp của nhóm; bài thuyết trình và báo cáo kết quả thực hiện giải pháp.

3. Phẩm chất

Yêu nước: gắn bó với mảnh đất mình đang sống, coi việc giữ gìn môi trường quê hương là việc của chính mình.

Trách nhiệm: làm đủ phần việc đã nhận trong kế hoạch của nhóm; không xả rác, không làm hại môi trường dù không ai nhìn thấy.

Trung thực: ghi đúng những gì quan sát được, không bịa số liệu cho báo cáo đẹp.

Chăm chỉ: kiên trì thực hiện những việc nhỏ hằng ngày, không bỏ dở giữa chừng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 49–54 và sách giáo viên; tivi và máy tính của lớp; giấy A3, giấy A4, bút màu; bản in phóng to bảng bốn cột đề xuất giải pháp ở trang 52 và khung báo cáo ở trang 54; một bản in kết quả dự báo chất lượng không khí của một ứng dụng trí tuệ nhân tạo kèm ảnh chụp bầu trời cùng ngày; phiếu tình huống tranh biện đã in sẵn cho từng nhóm; phiếu học tập ở Phụ lục 1; một video ngắn về ô nhiễm môi trường để khởi động.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút; giấy nhớ; kết quả quan sát môi trường quanh nơi ở đã ghi chép trước ở nhà; ảnh chụp hoặc tư liệu sưu tầm được về một vấn đề môi trường của địa phương.

Phương án dự phòng: khi mất điện hoặc không có mạng, giáo viên dùng bản in kết quả dự báo, bản in bảng bốn cột và bản in khung báo cáo đã chuẩn bị từ trước; phần tranh biện về rủi ro của trí tuệ nhân tạo vốn làm bằng thảo luận trên phiếu giấy nên không phụ thuộc thiết bị. Nếu không chiếu được video khởi động thì thay bằng ba bức ảnh in màu về một điểm ô nhiễm ở địa phương.

An toàn: học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân, không nhập tên thật, số điện thoại hay địa chỉ nhà lên bất kì trang nào; không chụp ảnh người dân rồi đưa lên mạng. Khi khảo sát ngoài nhà trường, các em đi theo nhóm, có người lớn đi cùng, không xuống bờ sông, bờ ao, không lại gần miệng cống hay khu vực chứa rác thải; khi nhặt rác phải đeo găng tay và khẩu trang, không nhặt vật sắc nhọn, kim tiêm, chai lọ hoá chất mà báo ngay cho người lớn.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: nhìn ra thực trạng → truy nguyên nhân từ tác động của con người → cân nhắc thông tin máy đưa ra → đề xuất giải pháp → nói cho người khác nghe → làm thật rồi báo cáo.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
65	Môi trường quanh nơi em sống đang ở tình trạng nào?	Phiếu khảo sát thực trạng một vấn đề môi trường đã chọn	45 phút
66	Con người đã làm gì tốt và làm gì hại cho môi trường ở đây?	Bảng hai chiều tác động tích cực và tiêu cực trên giấy A3	45 phút
67	Dự báo ô nhiễm của máy có luôn đúng với điều em nhìn thấy không?	Phiếu đối chiếu dự báo của máy với quan sát thực tế	45 phút
68	Nếu tin theo một dự báo sai thì ai chịu thiệt và ta phải làm gì?	Phiếu tranh biện: thiệt hại có thể xảy ra và hai việc cần làm	45 phút
69	Từ nguyên nhân đã tìm ra, giải pháp nào	Bảng bốn cột thực trạng – nguyên	45 phút

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
	lớp mình làm được?	nhân – giải pháp của nhóm	
70	Nói thế nào để người nghe thấy việc này liên quan tới họ?	Bài thuyết trình một trang A4 viết riêng cho một nhóm người nghe	45 phút
71	Bài đã viết trình bày ra thì có thuyết phục được không?	Lượt thuyết trình 5 – 7 phút và phiếu góp ý của lớp	45 phút
72	Kế hoạch thực hiện giải pháp gồm những việc gì, ai làm?	Kế hoạch thực hiện giải pháp có phân công và mốc thời gian	45 phút
73	Làm thật rồi thu được gì và còn vướng ở đâu?	Báo cáo kết quả theo khung SGK trang 54 và phiếu tự đánh giá	45 phút

TIẾT 65. KHỞI ĐỘNG CHỦ ĐỀ VÀ KHẢO SÁT THỰC TRẠNG MÔI TRƯỜNG

Hoạt động 1. Mở đầu – Con đường quen thuộc và những gì ta không còn để ý (8′)

a) Mục tiêu: Khơi lên mối quan tâm với môi trường tự nhiên ngay tại nơi các em sống và làm xuất hiện nhu cầu khảo sát thực trạng một cách có căn cứ.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu một video ngắn hoặc ba bức ảnh chụp chính địa bàn của trường: một đoạn sông hoặc kênh, một khu chợ vào cuối buổi, một cánh đồng sau vụ gặt. Học sinh trả lời ba câu hỏi mở đầu ở mục A của Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Ba câu trả lời ngắn của mỗi học sinh ở mục A Phụ lục 1; danh sách các vấn đề môi trường lớp nêu ra được ghi lên bảng thành ba cột đất, không khí và nước.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (1′): Giáo viên chiếu video hoặc ba bức ảnh, phát Phụ lục 1 và yêu cầu mỗi em trả lời ba câu hỏi ở mục A trong ba phút, viết ngắn gọn theo điều mình thật sự nhìn thấy.

2. Thực hiện nhiệm vụ (3′): Học sinh xem, nhớ lại đường mình đi học hằng ngày và tự viết câu trả lời. Giáo viên đi một vòng, nhắc em nào mới chỉ chép lại lời trong video mà chưa nêu điều của chính mình.

3. Báo cáo, thảo luận (3′): Bốn đến năm học sinh đọc câu trả lời. Giáo viên ghi các vấn đề lên bảng và xếp ngay vào ba cột theo ba môi trường mà sách giáo khoa trang 51 nêu.

4. Kết luận, nhận định (1′): GV chốt: Ba cột trên bảng là ba hướng khảo sát của chủ đề này. Điều đáng nói là những vấn đề ấy nằm ngay trên đường các em đi mỗi ngày mà lâu nay ta đã quen đến mức không còn nhìn thấy nữa.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

a) Mục tiêu: Đi hết bốn hoạt động của chủ đề trong sách giáo khoa trang 51 đến trang 54, từ khảo sát thực trạng và đánh giá tác động của con người, qua đề xuất giải pháp và thuyết trình, đến thực hiện giải pháp và viết báo cáo.

b) Nội dung: Mười một nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 65 đến tiết 73, bám bốn hoạt động của sách giáo khoa và định hướng nội dung ở trang 50.

c) Sản phẩm: Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 2.1. Chọn vấn đề và khảo sát thực trạng môi trường ở địa phương (37′)

a) Mục tiêu: Chọn được một vấn đề môi trường có thật ở địa phương và mô tả được thực trạng của vấn đề đó bằng dấu hiệu quan sát được, không nói chung chung.

b) Nội dung: Theo gợi ý ở sách giáo khoa trang 51, mỗi nhóm chọn một trong ba môi trường là môi trường đất, môi trường không khí hoặc môi trường nước, rồi mô tả thực trạng theo bốn câu hỏi: hiện tượng gì đang xảy ra, xảy ra ở đâu, nhìn hoặc ngửi thấy dấu hiệu nào, và tình trạng này kéo dài bao lâu rồi.

c) Sản phẩm: Phiếu khảo sát thực trạng của nhóm trên giấy A3, gồm tên vấn đề, địa điểm cụ thể, ít nhất ba dấu hiệu quan sát được và một dòng ghi rõ ai trong nhóm đã trực tiếp nhìn thấy.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4′): Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, chiếu ba hình bầu dục ở sách giáo khoa trang 51 để các nhóm chọn môi trường, phát giấy A3 và nêu bốn câu hỏi mô tả thực trạng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18′): Các nhóm gom kết quả quan sát đã ghi ở nhà, thống nhất một vấn đề và viết phiếu khảo sát. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi lại nhóm nào viết chung chung: em nhìn thấy điều đó ở đoạn đường nào, vào buổi nào trong ngày, dấu hiệu nào khiến em kết luận như vậy.

3. Báo cáo, thảo luận (10′): Ba nhóm treo phiếu và trình bày, mỗi nhóm khoảng hai phút. Ba nhóm còn lại đối chiếu: cùng địa bàn ấy thì các em có thấy giống như vậy không, có ai thấy khác đi không.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Một vấn đề môi trường chỉ khảo sát được khi ta chỉ ra được nó ở đâu và bằng dấu hiệu nào. Nói nước sông bẩn thì chưa phải là khảo sát; nói nước đoạn kênh sau chợ đổi màu và bốc mùi vào buổi trưa mới là điều có thể kiểm chứng.

TIẾT 66. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI TỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN

Kết nối hai tiết (3′): Tiết trước mỗi nhóm đã có phiếu khảo sát mô tả rõ thực trạng. Tiết này đi tìm câu trả lời cho câu hỏi vì sao lại thành ra như thế, xem xét cả tác động của con người lẫn yếu tố tự nhiên, rồi dùng bằng chứng để xác định nguyên nhân chính ở địa điểm đang khảo sát.

Ba hộp gợi ý tác động của con người đến môi trường đất, không khí và nước — SGK trang 51

Nhiệm vụ 2.2. Nhận diện tác động tích cực và tác động tiêu cực (24′)

a) Mục tiêu: Phân tích được tác động của con người tới môi trường tự nhiên theo cả hai chiều tích cực và tiêu cực, mỗi chiều có dẫn chứng quan sát được ở địa phương.

b) Nội dung: Học sinh đọc ba hộp gợi ý ở sách giáo khoa trang 51 về tác động đến môi trường đất, không khí và nước, sau đó viết lại bằng dẫn chứng của chính địa bàn mình thay cho ví dụ trong sách, mỗi chiều ít nhất hai dẫn chứng.

c) Sản phẩm: Bảng hai chiều tác động của nhóm trên giấy A3, cột tích cực và cột tiêu cực, mỗi cột ít nhất hai dẫn chứng có địa điểm cụ thể.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên chiếu ba hộp gợi ý ở sách giáo khoa trang 51, chỉ rõ mỗi hộp đều có phần tích cực trước rồi mới đến phần tiêu cực, và yêu cầu các nhóm thay ví dụ trong sách bằng dẫn chứng ở địa bàn mình.

2. Thực hiện nhiệm vụ (12′): Các nhóm kẻ bảng hai cột và điền dẫn chứng. Giáo viên nhắc nhóm nào chỉ viết được cột tiêu cực rằng ở địa phương vẫn có những việc làm tốt như trồng cây ven đường, thu gom rác theo giờ, và những việc ấy cũng cần được ghi nhận.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Các nhóm dán bảng lên tường thành hai dãy. Lớp đi xem một vòng và đánh dấu sao vào dẫn chứng nào mình cũng đã từng nhìn thấy.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Con người vừa là nguyên nhân gây hại vừa là lực lượng có thể cứu lấy môi trường. Nhìn đủ cả hai chiều thì mới thấy việc bảo vệ môi trường là việc làm được, chứ không phải chuyện đã quá muộn.

Nhiệm vụ 2.3. Truy nguyên nhân của thực trạng đã khảo sát (18′)

a) Mục tiêu: Chỉ ra được những nguyên nhân do tác động của con người dẫn tới thực trạng mà nhóm đã khảo sát ở tiết trước.

b) Nội dung: Từ bảng bốn cột gợi ý ở sách giáo khoa trang 52, các nhóm điền hai cột đầu là thực trạng và nguyên nhân do tác động của con người cho chính vấn đề nhóm mình đã chọn, còn cột giải pháp để lại cho tiết 69.

c) Sản phẩm: Hai cột đầu của bảng bốn cột trên giấy A3, với ít nhất ba nguyên nhân, mỗi nguyên nhân gắn với một nhóm người hoặc một hoạt động cụ thể.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên kẻ bảng bốn cột lên bảng theo đúng bố cục sách giáo khoa trang 52, che tạm cột giải pháp và nêu yêu cầu chỉ làm hai cột đầu trong tiết này.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8′): Các nhóm liệt kê nguyên nhân. Giáo viên gợi ý bằng hai câu hỏi: việc này do ai làm, và họ làm vậy vì tiện, vì chưa biết hay vì chưa có chỗ để làm khác đi.

3. Báo cáo, thảo luận (4′): Hai nhóm trình bày phần nguyên nhân. Lớp bổ sung nguyên nhân còn thiếu và loại bỏ những câu quy kết chung chung như do ý thức kém.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Nguyên nhân càng cụ thể thì giải pháp càng dễ tìm. Nói do ý thức kém thì không sửa được gì, nhưng nói vì cả xóm chưa có điểm tập kết rác thì đã thấy ngay việc cần đề nghị.

TIẾT 67. ĐỐI CHIẾU DỰ BÁO CỦA MÁY VỚI ĐIỀU QUAN SÁT ĐƯỢC

Kết nối hai tiết (3′): Hai tiết đầu lớp đã tự mình khảo sát và tìm nguyên nhân. Tiết này đặt một câu hỏi khác: ngày nay nhiều thông tin về môi trường là do máy đưa ra, vậy ta nên tin đến mức nào?

Nhiệm vụ 2.4. So dự báo chất lượng không khí với bầu trời ngoài cửa sổ (42′)

a) Mục tiêu: Chỉ ra được điểm lệch giữa kết quả một ứng dụng trí tuệ nhân tạo đưa ra với điều quan sát được ngoài thực tế, và nêu được cách kiểm chứng trước khi tin vào kết quả đó.

b) Nội dung: Giáo viên phát cho mỗi nhóm một bản in đã chuẩn bị từ trước gồm hai phần: kết quả dự báo chất lượng không khí của một ứng dụng cho địa bàn tỉnh trong ba ngày, và ảnh chụp bầu trời cùng địa điểm, cùng giờ của ba ngày ấy kèm ghi chép thời tiết. Học sinh đối chiếu hai phần, tìm chỗ lệch và lí giải vì sao máy có thể lệch.

c) Sản phẩm: Phiếu đối chiếu của nhóm ở mục C Phụ lục 1, gồm hai điểm lệch đã chỉ ra, lí do dự đoán cho từng điểm lệch và hai việc cần làm để kiểm chứng trước khi tin.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên phát bản in cho từng nhóm, giải thích ứng dụng này dự báo cho cả một vùng rộng dựa trên số liệu của vài trạm đo đặt cách xa nhau, rồi nêu nhiệm vụ tìm chỗ lệch giữa con số của máy và điều ghi chép được ngoài trời.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20′): Các nhóm đối chiếu từng ngày, khoanh chỗ lệch và viết lí do. Giáo viên gợi ý bằng ba câu hỏi: trạm đo gần nhất cách đây bao xa, hôm ấy có gió hay mưa không, và trong xóm hôm ấy có ai đốt rơm rạ hay đốt rác không.

3. Báo cáo, thảo luận (12′): Bốn nhóm trình bày phiếu đối chiếu. Lớp so sánh các lí do và xếp chúng thành hai loại: loại do máy thiếu số liệu tại chỗ và loại do có việc đột xuất xảy ra mà máy không biết.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Máy dự báo dựa trên số liệu nó có, mà số liệu ấy thường lấy ở nơi khác và ở thời điểm khác. Vì vậy con số máy đưa ra là một tham khảo tốt nhưng không thay được mắt nhìn và mũi ngửi của người đang đứng tại chỗ.

TIẾT 68. TRANH BIỆN VỀ RỦI RO KHI TIN HOÀN TOÀN VÀO MÁY

Kết nối hai tiết (3′): Tiết trước lớp đã thấy dự báo của máy có thể lệch. Tiết này đi thêm một bước: nếu người ta cứ tin theo con số lệch ấy mà quyết định thì hậu quả rơi vào ai?

Nhiệm vụ 2.5. Tranh biện tình huống dự báo ô nhiễm sai (42′)

a) Mục tiêu: Phân tích được thiệt hại có thể xảy ra với người dân khi một kết quả do trí tuệ nhân tạo đưa ra bị sai mà không được kiểm chứng, và đề xuất được việc cần làm để tránh rủi ro.

b) Nội dung: Giáo viên phát phiếu tình huống giả định đã in sẵn: một ứng dụng báo chất lượng không khí ở xã đang ở mức tốt trong khi thực tế hôm đó cả cánh đồng đang đốt rơm rạ, khói phủ kín đường; dựa vào thông báo ấy, nhà trường vẫn cho học sinh tập trung ngoài sân và một số gia đình vẫn để người già ra đồng. Lớp chia thành hai phía tranh biện rồi cùng thống nhất phần kết.

c) Sản phẩm: Phiếu tranh biện của nhóm ghi ba nhóm người có thể chịu thiệt hại, thiệt hại cụ thể với từng nhóm, và hai việc cần làm để không lặp lại tình huống đó.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên đọc tình huống, chia mỗi nửa lớp một phía: một phía lập luận rằng có thông tin của máy vẫn hơn không có gì, phía kia lập luận rằng công bố thông tin chưa kiểm chứng còn nguy hiểm hơn im lặng; phát phiếu tranh biện cho từng nhóm.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18′): Các nhóm chuẩn bị lí lẽ và liệt kê người chịu thiệt hại. Giáo viên nhắc mỗi lí lẽ phải gắn với một người cụ thể trong tình huống, ví dụ học sinh bị hen, người già ra đồng, người bán hàng ngoài trời, chứ không nói chung là người dân.

3. Báo cáo, thảo luận (14′): Hai phía tranh biện luân phiên, mỗi lượt một nhóm. Sau đó cả lớp bỏ phía và cùng viết hai việc cần làm để tránh rủi ro; giáo viên ghi các đề xuất lên bảng và gom trùng.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Trí tuệ nhân tạo không cố ý nói sai, nó chỉ suy ra từ dữ liệu mình có. Rủi ro phát sinh khi con người bỏ qua bước kiểm chứng và ra quyết định ngay. Người công bố thông tin phải nói rõ nguồn số liệu và mức tin cậy, còn người nhận thì đối chiếu với điều mình quan sát được trước khi làm theo.

TIẾT 69. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN

Kết nối hai tiết (3′): Lớp đã có thực trạng, đã có nguyên nhân và đã biết cách cân nhắc thông tin. Tiết này hoàn tất cột cuối cùng của bảng bốn cột, cột quan trọng nhất là giải pháp.

STT	Thực trạng	Nguyên nhân do tác động của con người	Giải pháp
1	Nước sông, hồ bị ô nhiễm.	– Rác thải, chất thải lỏng của một số hộ gia đình thải ra sông, hồ. – Một số người dân thiếu ý thức vứt xác súc vật, gia cầm chết xuống sông, hồ. – Phân gia súc, nước thải từ các trại chăn nuôi chưa qua xử lí thải trực tiếp ra sông, hồ. – Một số người dân lạm dụng phân hoá học và thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp, khiến các hoá chất độc hại dư thừa chảy xuống sông, hồ và thấm qua đất xuống nguồn nước ngầm. – Nước thải từ hoạt động công nghiệp chưa qua xử lí thải ra sông, hồ,...	– Thuyết trình tuyên truyền cho người dân và các chủ trại chăn nuôi về ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường tự nhiên. – Không đổ dầu mỡ, chất béo xuống bồn rửa chén, xuống cống. – Hạn chế tối đa sử dụng chất tẩy rửa hoá học. – Giảm sử dụng phân hoá học và thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp. – Không vứt rác, xác súc vật, gia cầm xuống ao, hồ, sông… – Sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả. – Sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường. – Trồng nhiều cây để giảm xói mòn đất, ngăn chặn các chất độc hại và hoá chất chảy vào nguồn nước. – Kiến nghị chính quyền địa phương có biện pháp nhắc nhở, xử phạt nghiêm khắc những người dân và các cơ sở sản xuất, chăn nuôi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường nước. – …
2	...	...	...

Bảng bốn cột gợi ý đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường — SGK trang 52

Nhiệm vụ 2.6. Hoàn thiện bảng bốn cột và chọn giải pháp làm được (42′)

a) Mục tiêu: Đề xuất được ít nhất ba giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên, mỗi giải pháp bám vào một nguyên nhân đã chỉ ra, và chọn ra được giải pháp mà học sinh tự làm được.

b) Nội dung: Các nhóm dùng bảng bốn cột ở sách giáo khoa trang 52 làm khuôn, điền nốt cột giải pháp cho vấn đề của nhóm mình, sau đó phân loại giải pháp thành ba loại: việc học sinh tự làm được ngay, việc cần người lớn cùng làm, và việc phải kiến nghị chính quyền địa phương.

c) Sản phẩm: Bảng bốn cột hoàn chỉnh của nhóm với ít nhất ba giải pháp, mỗi giải pháp có đánh dấu thuộc loại nào; một giải pháp được khoanh tròn là giải pháp nhóm cam kết thực hiện.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên chiếu bảng bốn cột ở sách giáo khoa trang 52, đọc qua dòng mẫu về nước sông hồ bị ô nhiễm và chỉ ra cách các giải pháp trong sách được xếp từ việc tự làm đến việc kiến nghị; phát lại giấy A3 của tiết 66.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20′): Các nhóm điền cột giải pháp rồi phân loại. Giáo viên đi từng nhóm, kiểm hai điều: mỗi giải pháp có trị đúng một nguyên nhân đã ghi ở cột bên cạnh không, và giải pháp được khoanh tròn có nằm trong sức của học sinh không.

3. Báo cáo, thảo luận (12′): Các nhóm trình bày. Lớp phản biện bằng một câu hỏi duy nhất cho mỗi giải pháp: nếu làm đúng việc này thì nguyên nhân ở cột bên có mất đi hay giảm bớt không.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Ba loại giải pháp đều cần, nhưng thứ tự thì ngược với thói quen của chúng ta. Hãy bắt đầu từ việc mình tự làm được ngay, vì đó là việc không phải chờ ai và cũng là căn cứ để lời kiến nghị sau này có sức nặng.

TIẾT 70. XÂY DỰNG NỘI DUNG BÀI THUYẾT TRÌNH

Kết nối hai tiết (3′): Giải pháp đầu tiên mà sách giáo khoa nêu ở trang 52 chính là thuyết trình tuyên truyền cho người dân. Hai tiết tới lớp sẽ chuẩn bị và thực hiện đúng giải pháp ấy.

Nhiệm vụ 2.7. Chọn người nghe và viết nội dung thuyết trình (42′)

a) Mục tiêu: Xây dựng được nội dung bài thuyết trình về ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường tự nhiên, dài không quá một trang giấy khổ A4 và phù hợp với nhóm người nghe đã chọn.

b) Nội dung: Theo yêu cầu ở sách giáo khoa trang 53, mỗi nhóm chọn một nhóm người nghe trong số người thân trong gia đình và dòng họ, bạn bè, hoặc người dân trong xóm, rồi viết bài thuyết trình theo ba phần gợi ý: vai trò của môi trường tự nhiên, thực trạng môi trường ở địa phương và ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường tự nhiên ở địa phương.

c) Sản phẩm: Bài thuyết trình viết tay trên một trang giấy khổ A4 của nhóm, đủ ba phần, có ghi rõ người nghe là ai và ít nhất một dẫn chứng lấy từ phiếu khảo sát của chính nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên nêu bốn yêu cầu ở sách giáo khoa trang 53, đặc biệt nhấn mạnh hai yêu cầu hay bị bỏ qua là bài phải phù hợp với người nghe và không quá một trang A4; phát giấy A4 và cho các nhóm bốc thăm nhóm người nghe.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20′): Các nhóm viết bài. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi lại nhóm nào viết chung chung: nếu người nghe là bác nông dân thì câu mở đầu này bác có thấy liên quan tới mình không, em nên đổi thành điều gì gần với công việc của bác hơn.

3. Báo cáo, thảo luận (12′): Mỗi nhóm đổi bài cho một nhóm khác. Nhóm đọc bài đóng vai đúng nhóm người nghe được ghi trên bài, rồi trả lời hai câu: chỗ nào em thấy khó hiểu, và chỗ nào khiến em muốn làm theo. Ghi góp ý ra lề bài.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Cùng một nội dung nhưng nói với bạn cùng lớp khác với nói với bác nông dân hay với các cụ trong xóm. Bài thuyết trình có sức thuyết phục khi người nghe nhận ra chuyện đang nói là chuyện của chính họ.

TIẾT 71. THỰC HIỆN THUYẾT TRÌNH TRƯỚC NGƯỜI NGHE

Kết nối hai tiết (3′): Bài đã viết xong và đã được nhóm bạn góp ý. Tiết này là lúc đứng lên nói, vì một bài tuyên truyền chỉ có tác dụng khi nó được nói ra chứ không phải khi nằm trên giấy.

Nhiệm vụ 2.8. Trình bày và nhận góp ý (42′)

a) Mục tiêu: Thuyết trình được cho ít nhất một nhóm đối tượng về ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường tự nhiên trong thời gian 5 – 7 phút theo quy định của sách giáo khoa.

b) Nội dung: Các nhóm lần lượt thuyết trình trước lớp; các nhóm còn lại đóng vai đúng nhóm người nghe mà nhóm trình bày đã chọn và ghi phiếu góp ý. Nhóm nào đã chỉnh xong sẽ thuyết trình lại lần nữa cho người thân hoặc bà con trong xóm ngoài giờ học và xin một lời nhận xét viết tay mang về.

c) Sản phẩm: Lượt thuyết trình 5 – 7 phút của mỗi nhóm; phiếu góp ý của lớp cho từng nhóm; giấy hẹn ghi rõ nhóm sẽ thuyết trình lại cho ai, ở đâu và vào lúc nào.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4′): Giáo viên nhắc lại quy định thời gian 5 – 7 phút, cử một học sinh bấm giờ, phát phiếu góp ý ba cột cho các nhóm ngồi nghe: điều dễ hiểu, điều khó hiểu và điều khiến em muốn làm theo.

2. Thực hiện nhiệm vụ (22′): Bốn nhóm thuyết trình, mỗi lượt khoảng năm phút kèm chuyển tiếp. Các nhóm còn lại nghe trong vai người nghe đã ghi trên bài và điền phiếu góp ý ngay trong lúc nghe.

3. Báo cáo, thảo luận (11′): Lớp trao phiếu góp ý cho từng nhóm và trao đổi nhanh về hai lượt thuyết trình được đánh giá cao nhất, chỉ ra các em đã làm gì để người nghe thấy gần gũi.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Thuyết trình về môi trường dễ rơi vào hô hào. Điều giữ được người nghe là một chuyện có thật ở ngay xóm mình và một việc nhỏ mà họ làm được ngay sau khi nghe xong.

TIẾT 72. LẬP KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP

Kết nối hai tiết (3′): Nói đã xong, giờ đến phần làm. Tiết này biến giải pháp mà nhóm đã khoanh tròn ở tiết 69 thành một kế hoạch có người phụ trách và có ngày giờ cụ thể.

Hoạt động 3. Luyện tập – Lập kế hoạch thực hiện giải pháp của nhóm (42′)

a) Mục tiêu: Lập được kế hoạch thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên đã đề xuất, có phân công trách nhiệm, mốc thời gian và cách thu thập minh chứng.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ tư của sách giáo khoa trang 52, mỗi nhóm lập kế hoạch cho giải pháp đã khoanh tròn ở tiết 69 và cho cả giải pháp thuyết trình đã chuẩn bị, điền vào bảng kế hoạch ở mục D Phụ lục 1; kế hoạch chạy trong ba tuần trước khi báo cáo ở tiết 73.

c) Sản phẩm: Bảng kế hoạch thực hiện giải pháp của nhóm, mỗi việc có tên người phụ trách, thời gian, địa điểm, cách làm và loại minh chứng sẽ thu về.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên hướng dẫn cách điền bảng kế hoạch ở mục D Phụ lục 1, nhấn mạnh cột minh chứng vì tiết 73 sẽ phải báo cáo bằng số liệu hoặc ảnh chụp chứ không nói suông; nhắc lại toàn bộ quy định an toàn khi hoạt động ngoài nhà trường.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20′): Các nhóm điền bảng kế hoạch. Giáo viên đi từng nhóm, kiểm ba điều: mỗi việc đã có tên người chưa, việc có làm xong trong ba tuần không, và minh chứng định thu về có đếm hoặc chụp lại được không.

3. Báo cáo, thảo luận (12′): Ba nhóm trình bày kế hoạch. Các nhóm còn lại đóng vai người duyệt và hỏi ba câu: ai làm việc này, làm vào ngày nào, và làm xong thì nhìn vào đâu để biết là đã đạt.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Kế hoạch bảo vệ môi trường thường thất bại vì đặt ra việc quá lớn cho ba tuần. Một việc nhỏ làm đều đặn và ghi lại được kết quả thì có giá trị hơn một chiến dịch hoành tráng chỉ nằm trên giấy.

TIẾT 73. BÁO CÁO KẾT QUẢ VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

Kết nối hai tiết (3′): Ba tuần vừa qua các nhóm đã thực hiện kế hoạch của mình ngoài giờ học. Tiết cuối cùng này dành để nhìn lại kết quả thật và tự đánh giá cả chủ đề.

BÁO CÁO KẾT QUẢ
THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Người/ Nhóm thực hiện:
– ...
– ...
Địa điểm thực hiện: ...
Thời gian thực hiện: Từ ... đến ...
Các giải pháp đã thực hiện và kết quả:
– Giải pháp 1: ...
– Giải pháp 2: ...
– Giải pháp 3: ...
Đánh giá chung: ...
Lưu ý: Báo cáo cần có minh chứng cụ thể bằng số liệu, ảnh chụp, video clip,…

Khung gợi ý báo cáo kết quả thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường — SGK trang 54

Hoạt động 4. Vận dụng – Viết báo cáo kết quả và tự đánh giá chủ đề (42′)

a) Mục tiêu: Viết và trình bày được báo cáo kết quả thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên theo khung gợi ý, có minh chứng cụ thể; tự đánh giá được kết quả trải nghiệm chủ đề.

b) Nội dung: Mỗi nhóm hoàn thiện báo cáo theo khung ở sách giáo khoa trang 54 gồm người hoặc nhóm thực hiện, địa điểm, thời gian, các giải pháp đã thực hiện và kết quả, đánh giá chung; kèm minh chứng bằng số liệu, ảnh chụp hoặc vật thật. Sau đó mỗi học sinh hoàn thành phiếu tự đánh giá theo ba tiêu chí ở khung Đánh giá của sách giáo khoa trang 54.

c) Sản phẩm: Báo cáo kết quả của nhóm đủ các mục theo khung trang 54 kèm minh chứng; phiếu tự đánh giá ba tiêu chí đã đánh dấu mức Đạt hoặc Chưa đạt của mỗi học sinh.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên chiếu khung báo cáo ở sách giáo khoa trang 54, đọc kĩ dòng lưu ý về minh chứng và giải thích ba tiêu chí tự đánh giá bằng chính sản phẩm lớp đã làm trong chủ đề.

2. Thực hiện nhiệm vụ (16′): Các nhóm hoàn thiện báo cáo và sắp xếp minh chứng đã thu được trong ba tuần. Giáo viên giúp các nhóm chuyển những nhận xét cảm tính thành số đếm được, ví dụ số buổi đã làm, số túi rác đã thu, số người đã nghe thuyết trình.

3. Báo cáo, thảo luận (16′): Các nhóm lần lượt báo cáo kèm trưng bày minh chứng. Lớp ghi vào vở một việc nhóm bạn làm được mà nhóm mình chưa làm; sau đó mỗi học sinh hoàn thành phiếu tự đánh giá.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Chủ đề khép lại nhưng những việc các em đã bắt đầu thì nên giữ tiếp, vì môi trường không thay đổi sau một đợt hoạt động mà thay đổi nhờ thói quen được duy trì. Báo cáo và phiếu tự đánh giá là căn cứ đánh giá thường xuyên của chủ đề này.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 8 – DÙNG XUYÊN SUỐT CHỦ ĐỀ

Họ và tên: …… Lớp: …… Nhóm: ……

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Trên đường em đi học hằng ngày, có nơi nào khiến em thấy môi trường đang bị ảnh hưởng không?

2. Điều gì ở nơi đó khiến em nhận ra như vậy: em nhìn thấy gì, ngửi thấy gì?

3. Theo em, việc đó bắt đầu từ đâu và ai có thể làm cho nó khác đi?

B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 8

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu minh hoạ	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	*Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.*	*Nêu một ví dụ, số liệu hoặc tư liệu minh hoạ.*	*Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.*
1. Thực trạng môi trường tự nhiên ở địa phương			
2. Tác động của con người tới môi trường tự nhiên			
3. Giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên			
4. Thuyết trình và báo cáo kết quả thực hiện			

C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

Ngày nay nhiều thông tin về môi trường không do người đo trực tiếp mà do máy tính tự suy ra từ số liệu. Hai ví dụ dưới đây giúp em thấy hai loại máy khác nhau và hiểu vì sao phải kiểm chứng trước khi tin.

Ví dụ A: chiếc nhiệt kế treo ngoài hiên chỉ 31 độ. Nó đo trực tiếp không khí ngay chỗ nó treo và chỉ báo đúng con số đo được, không suy đoán gì thêm.

Ví dụ B: một ứng dụng báo chất lượng không khí xã em hôm nay ở mức tốt. Nó không có máy đo đặt trong xã, mà lấy số liệu của vài trạm đo cách đó hàng chục cây số rồi tự tính ra con số cho vùng em ở.

Trả lời bốn câu hỏi sau:

1. Máy trong ví dụ A và máy trong ví dụ B lấy dữ liệu từ đâu? Dữ liệu đó có phải đo ngay tại chỗ em đứng không?

2. Máy nào chỉ báo lại điều đo được, máy nào phải tự suy đoán để có kết quả? Vì sao em phân biệt như vậy?

3. Nếu hôm đó cả cánh đồng đang đốt rơm rạ, kết quả của mỗi máy sẽ thay đổi thế nào?

4. Trước khi tin và làm theo một kết quả do máy đưa ra, em cần kiểm tra lại những gì?

Phiếu đối chiếu của nhóm em:

– Điểm lệch 1 giữa dự báo và quan sát: ……

Lí do em cho là vì: ……

– Điểm lệch 2 giữa dự báo và quan sát: ……

Lí do em cho là vì: ……

– Hai việc cần làm để kiểm chứng trước khi tin: ……

Phiếu tranh biện của nhóm em:

– Ba nhóm người có thể chịu thiệt hại: ……

– Thiệt hại cụ thể với từng nhóm: ……

– Hai việc cần làm để tình huống đó không lặp lại: ……

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

D1. Bảng bốn cột đề xuất giải pháp (làm theo nhóm)

STT	Thực trạng	Nguyên nhân do tác động của con người	Giải pháp
1			
2			
3			

D2. Kế hoạch thực hiện giải pháp bảo vệ môi trường (làm theo nhóm)

Việc cụ thể sẽ làm	Người phụ trách	Thời gian	Địa điểm	Minh chứng sẽ thu về

D3. Bài thuyết trình của nhóm em

– Nhóm người nghe em chọn: ……

– Vai trò của môi trường tự nhiên: ……

– Thực trạng môi trường ở địa phương: ……

– Ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường tự nhiên ở địa phương: ……

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu	Rút ra điều gì?
1. Thực trạng môi trường tự nhiên ở địa phương	SGK trang 51 yêu cầu khảo sát, đánh giá thực trạng môi trường tự nhiên ở địa phương và gợi ý chọn một trong ba vấn đề môi trường để khảo sát.	Ba vấn đề gợi ý ở trang 51: môi trường đất, môi trường không khí, môi trường nước. Dòng mẫu trong bảng trang 52 lấy thực trạng là nước sông, hồ bị ô nhiễm.	Khảo sát phải gắn với một địa điểm cụ thể và dấu hiệu quan sát được thì mới kiểm chứng lại được, nói chung chung thì không đánh giá được thực trạng.
2. Tác động của con người tới môi trường tự nhiên	SGK trang 51 nêu ba hộp gợi ý về tác động đến môi trường đất, không khí và nước; mỗi hộp đều có phần tích cực trước rồi mới đến phần tiêu cực.	Tích cực với đất là luân canh cây trồng, xen canh tăng vụ để tăng độ phì nhiêu; với không khí là trồng thêm cây xanh và các dự án trồng rừng; với nước là nhà máy hoá chất đã có hệ thống xử lí nước thải. Tiêu cực là lạm dụng phân hoá học và thuốc bảo vệ thực vật, thói quen dùng túi ni lông, khí thải của phương tiện giao thông và các lò nung gạch, trại chăn nuôi xả nước thải chưa qua xử lí ra sông, hồ.	Con người vừa gây hại vừa có thể phục hồi môi trường; nhìn đủ hai chiều thì thấy việc bảo vệ môi trường là việc làm được chứ không phải chuyện đã muộn.
3. Giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên	SGK trang 52 đưa bảng bốn cột gồm số thứ tự, thực trạng, nguyên nhân do tác động của con người và giải pháp; dòng 1 làm mẫu đầy đủ, dòng 2 để trống cho học sinh tự điền.	Nguyên nhân ở dòng mẫu gồm rác thải và chất thải lỏng của hộ gia đình, vứt xác súc vật gia cầm xuống sông hồ, phân gia súc và nước thải trại chăn nuôi chưa xử lí, lạm dụng phân hoá học và thuốc bảo vệ thực vật, nước thải công nghiệp chưa xử lí. Giải pháp mở đầu bằng thuyết trình tuyên truyền, tiếp đến là các việc tự làm như không đổ dầu mỡ xuống cống, hạn chế chất tẩy rửa hoá học, dùng nước tiết kiệm, trồng nhiều cây, và cuối cùng là kiến nghị chính quyền địa phương xử phạt cơ sở vi	Mỗi giải pháp phải bám vào một nguyên nhân cụ thể; nên bắt đầu từ việc học sinh tự làm được rồi mới đến việc cần người lớn và việc phải kiến nghị.

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu	Rút ra điều gì?
		phạm.	
4. Thuyết trình và báo cáo kết quả thực hiện	SGK trang 53 nêu bốn yêu cầu và ba gợi ý nội dung cho bài thuyết trình; trang 54 đưa khung báo cáo kết quả thực hiện các giải pháp kèm lưu ý về minh chứng.	Bài thuyết trình không quá một trang giấy khổ A4, thời gian 5 – 7 phút, phải phù hợp với người nghe. Ba gợi ý nội dung: vai trò của môi trường tự nhiên, thực trạng ở địa phương, ý nghĩa của việc bảo vệ. Khung báo cáo trang 54 gồm người hoặc nhóm thực hiện, địa điểm, thời gian, ba giải pháp đã thực hiện và kết quả, đánh giá chung.	Bài nói chỉ thuyết phục khi người nghe thấy chuyện đang nói là chuyện của mình; báo cáo chỉ có giá trị khi kèm minh chứng bằng số liệu, ảnh chụp hoặc video.

2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

Ví dụ A – nhiệt kế ngoài hiên đo trực tiếp không khí ngay tại chỗ treo và chỉ báo lại con số đo được. Đây là thiết bị đo thông thường, không suy đoán.

Ví dụ B – ứng dụng ở ví dụ B không có máy đo đặt trong xã. Nó lấy số liệu của vài trạm đo ở xa, kết hợp với dữ liệu thời tiết và dữ liệu quá khứ rồi tự tính ra con số cho cả vùng. Vì là suy ra chứ không phải đo tại chỗ nên kết quả có thể lệch với thực tế trong xã.

Câu hỏi 3 – nhiệt kế sẽ nhích lên vì nó cảm nhận được không khí nóng ngay tại chỗ, còn ứng dụng nhiều khả năng vẫn báo mức tốt vì các trạm đo ở xa chưa ghi nhận được đám khói vừa bùng lên trong xã.

Câu hỏi 4 – cần kiểm ba điều trước khi tin và làm theo: số liệu này đo ở đâu và cách chỗ mình bao xa, đo vào lúc nào, và điều mình đang nhìn thấy hoặc ngửi thấy có khớp với con số đó không. Khi hai bên lệch nhau thì tin vào quan sát tại chỗ và hỏi thêm người có trách nhiệm.

Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):

– Nêu đúng nguồn dữ liệu của mỗi máy và phân biệt được đo trực tiếp với suy ra từ số liệu: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Chỉ ra được hai điểm lệch giữa dự báo và quan sát kèm lí do hợp lí: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Nêu được ba nhóm người chịu thiệt hại và thiệt hại cụ thể của từng nhóm: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Đề xuất được hai việc cần làm để tránh rủi ro, có thể thực hiện được: Đạt hoặc Chưa đạt.

3. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – phiếu khảo sát viết chung chung kiểu môi trường ô nhiễm nặng. Gợi mở: hỏi em nhìn thấy ở đoạn nào, vào buổi nào, dấu hiệu nào khiến em kết luận như vậy.

Lỗi 2 – cột nguyên nhân chỉ ghi do ý thức người dân kém. Gợi mở: yêu cầu tách ra thành họ làm việc gì, làm ở đâu và vì sao họ làm như vậy, có phải vì chưa có chỗ để làm khác đi không.

Lỗi 3 – giải pháp không trị đúng nguyên nhân, ví dụ nguyên nhân là nước thải trại chăn nuôi nhưng giải pháp lại là nhặt rác ven đường. Gợi mở: đặt hai cột cạnh nhau và hỏi làm xong việc này thì nguyên nhân kia có giảm không.

Lỗi 4 – học sinh coi con số ứng dụng đưa ra là kết quả đo thật tại xã mình. Gợi mở: hỏi trạm đo gần nhất nằm ở đâu và cách đây bao xa, ai là người đặt trạm đó.

Lỗi 5 – bài thuyết trình dừng ở khẩu hiệu chung chung. Gợi mở: yêu cầu thay một câu hô hào bằng một chuyện có thật ở xóm mình và một việc người nghe làm được ngay hôm nay.

Lỗi 6 – báo cáo kết quả không có minh chứng, chỉ viết đã thực hiện tốt. Gợi mở: nhắc dòng lưu ý ở sách giáo khoa trang 54 và hỏi số buổi đã làm, số túi rác đã thu, số người đã nghe thuyết trình là bao nhiêu.

4. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Khảo sát và phân tích nguyên nhân	Thực trạng có địa điểm, dấu hiệu quan sát được; nguyên nhân cụ thể, gắn với hoạt động thật.	Nêu được thực trạng và ít nhất hai nguyên nhân chính.	Mô tả chung chung, nguyên nhân quy về ý thức kém.
Giải pháp và sản phẩm thực hiện	Ít nhất ba giải pháp bám đúng nguyên nhân; báo cáo có minh chứng đếm được.	Có giải pháp và báo cáo kết quả cơ bản.	Giải pháp chung chung hoặc báo cáo không có minh chứng.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	Chỉ đúng nguồn dữ liệu, tìm được điểm lệch, phân tích được rủi ro và nêu cách kiểm chứng.	Nêu được điểm lệch và một cách kiểm chứng.	Tin tuyệt đối vào kết quả của máy hoặc bác bỏ hoàn toàn mà không nêu được căn cứ.
Hợp tác, an toàn	Đúng vai, đúng giờ; trung thực và giữ đúng quy định an toàn khi khảo sát.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản.	Thiếu phối hợp hoặc vi phạm quy định an toàn.

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày …… tháng …… năm 2026
GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)

SỞ GD&ĐT: ……
TRƯỜNG: ……
TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 10

BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG — (Năm học 2026 - 2027)

CHỦ ĐỀ 9. TÌM HIỂU NGHỀ NGHIỆP (TIẾP)

(Số tiết: 5 — tiếp theo chủ đề 9, tuần 28 đến tuần 29, tiết 82 đến tiết 86)

Giáo viên: …… | Lớp: …… | Ngày dạy: ……

Vị trí trong phân phối chương trình: chủ đề 9 được chia làm hai chặng. Chặng đầu gồm bảy tiết, từ tiết 74 đến tiết 80, đã dạy xong phần tìm hiểu hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở địa phương và cách thu thập thông tin về nghề. Sau tiết 81 kiểm tra giữa kì II, chủ đề được nối lại bằng năm tiết trong kế hoạch này, đi vào điều kiện bảo đảm an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp rồi tổ chức trải nghiệm nghề.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau năm tiết tiếp theo của chủ đề này, học sinh:

– Trình bày được một số điều kiện bảo đảm an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp trong từng lĩnh vực nghề nghiệp, phân biệt được yếu tố gây hại đến từ môi trường làm việc với yếu tố đến từ thói quen của người lao động.

– Chỉ ra được những yêu cầu về sức khoẻ mà một nghề đặt ra cho người làm nghề và những bệnh nghề nghiệp thường gặp trong lĩnh vực đó.

– Nêu được ba việc giữ sức khoẻ cần làm với nhóm nghề phải ngồi làm việc với máy tính nhiều giờ, gồm tư thế ngồi, thời gian nghỉ mắt và cách bố trí ánh sáng.

– Lập được kế hoạch trải nghiệm một nghề đủ chín mục theo khung gợi ý của sách giáo khoa.

– Thực hiện được kế hoạch trải nghiệm nghề và báo cáo được kết quả theo các nội dung gợi ý, trong đó có phần về điều kiện bảo đảm an toàn và sức khoẻ của nghề.

– Phân tích được phẩm chất và năng lực cần có của người lao động thông qua trải nghiệm một nghề cụ thể và qua yêu cầu của nhà tuyển dụng; xác định được việc rèn luyện của bản thân.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực định hướng nghề nghiệp khi trải nghiệm một nghề cụ thể và đối chiếu yêu cầu của nghề với sức khoẻ, phẩm chất của bản thân; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi lập kế hoạch trải nghiệm nghề và thực hiện kế hoạch đó.

Năng lực chung: tự chủ và tự học khi tự chăm sóc sức khoẻ theo yêu cầu của nghề mình quan tâm; giao tiếp và hợp tác khi liên hệ, ứng xử với người lao động tại nơi trải nghiệm; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi xử lí tình huống phát sinh trong buổi trải nghiệm.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

4.3.NC1a – biết cách bảo vệ sức khoẻ và an sinh của bản thân khi làm việc lâu trong môi trường số. Cụ thể trong chặng này: học sinh ghi vào phiếu tìm hiểu nghề ba việc giữ sức khoẻ khi làm nghề phải ngồi máy tính nhiều giờ, gồm tư thế ngồi đúng, khoảng thời gian phải rời mắt khỏi màn hình và cách bố trí ánh sáng nơi làm việc; sau đó tự kiểm lại góc học tập của mình theo đúng ba việc ấy.

10.C2 – liên hệ được ứng dụng trí tuệ nhân tạo với vấn đề trong thực tế. Cụ thể trong chặng này: giáo viên in sẵn bản tóm tắt yêu cầu của nhà tuyển dụng với một nghề do trợ

lí trí tuệ nhân tạo viết ra, kèm hai tin tuyển dụng thật đã tra cứu; học sinh đối chiếu hai bản và chỉ ra chi tiết mà máy suy đoán sai hoặc bỏ sót.

Minh chứng: phiếu ba việc giữ sức khoẻ khi làm việc với máy tính kèm phần tự kiểm góc học tập; bảng điều kiện an toàn và sức khoẻ của nghề đã trải nghiệm; phiếu đối chiếu bản tóm tắt của máy với tin tuyển dụng thật, có gạch chân chi tiết sai lệch.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm: giữ đúng nội quy nơi trải nghiệm, làm đủ phần việc đã nhận và tự chịu trách nhiệm về an toàn của bản thân.

Trung thực: báo cáo đúng những gì đã làm và đã thấy trong buổi trải nghiệm, không thêm bớt cho báo cáo đẹp hơn.

Nhân ái: biết ơn và tôn trọng người lao động đã dành thời gian hướng dẫn mình.

Chăm chỉ: kiên trì rèn luyện phẩm chất, năng lực theo yêu cầu của nghề mình quan tâm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 55–59 và sách giáo viên; tivi và máy tính của lớp; giấy A3, giấy A4, bút màu; bản in phóng to khung kế hoạch trải nghiệm nghề ở trang 58; bản in tóm tắt yêu cầu của nhà tuyển dụng do một trợ lí trí tuệ nhân tạo viết ra kèm hai tin tuyển dụng thật đã in từ trang chính thống, chuẩn bị cho từng nhóm; bộ thẻ tình huống về tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp ở các lĩnh vực khác nhau; hồ sơ tìm hiểu nghề mà học sinh đã lập ở bảy tiết trước; phiếu học tập ở Phụ lục 1.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút; hồ sơ tìm hiểu nghề đã lập ở chặng trước, gồm phiếu tìm hiểu ba nghề, sơ đồ sáu nhánh và ba câu hỏi đã chuẩn bị; giấy nhớ; sổ ghi chép mang theo khi đi trải nghiệm.

Phương án dự phòng: khi mất điện hoặc không có mạng, giáo viên dùng bản in tóm tắt của máy, bản in hai tin tuyển dụng và bản in khung kế hoạch đã chuẩn bị từ trước; toàn bộ phần đối chiếu và lập kế hoạch vẫn làm được trên phiếu giấy. Nếu buổi trải nghiệm tại cơ sở không thực hiện được vì thời tiết hoặc vì cơ sở bận, giáo viên chuyển sang phương án mời một người lao động đến lớp kể chuyện nghề và trả lời câu hỏi của học sinh.

An toàn: trước buổi trải nghiệm, giáo viên xin phép cơ sở và thông báo cho gia đình; học sinh đi theo nhóm, có người lớn phụ trách, tuyệt đối tuân thủ nội quy và hướng dẫn của cơ sở. Các em không tự ý vận hành máy móc, không lại gần khu vực có điện, hoá chất, vật nặng treo cao hay bộ phận đang quay; mang đủ trang bị bảo hộ mà cơ sở yêu cầu. Khi ghi chép, học sinh không hỏi thu nhập cụ thể của người khác, không chụp ảnh hay quay video khi chưa được đồng ý, không đưa hình ảnh và thông tin của người lao động lên mạng; không đăng nhập tài khoản cá nhân và không nhập tên thật, số điện thoại hay địa chỉ nhà lên bất kì trang nào.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: nối lại mạch tìm hiểu nghề → nhận diện yếu tố gây hại trong từng lĩnh vực → giữ sức khoẻ cho chính mình → lập kế hoạch trải nghiệm → đi trải nghiệm và báo cáo → đối chiếu với yêu cầu tuyển dụng để biết mình cần rèn gì.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
82	Mỗi lĩnh vực nghề có những yếu tố nào đe doạ sức khoẻ người làm nghề?	Bảng yếu tố gây hại và cách phòng tránh theo lĩnh vực	45 phút
83	Nghề ngồi máy tính nhiều giờ thì giữ sức khoẻ bằng cách nào?	Phiếu ba việc giữ sức khoẻ và bản tự kiểm góc học tập	45 phút
84	Một kế hoạch trải nghiệm nghề cần đủ những mục nào?	Kế hoạch trải nghiệm nghề đủ chín mục theo khung SGK	45 phút
85	Đi trải nghiệm về, em thu được gì và thấy nghề ấy đòi hỏi gì?	Báo cáo kết quả trải nghiệm nghề của nhóm	45 phút
86	Nhà tuyển dụng đòi hỏi gì và em cần rèn luyện điều gì?	Phiếu đối chiếu tin tuyển dụng và kế hoạch rèn luyện bản thân	45 phút

TIẾT 82. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN VÀ SỨC KHOẺ NGHỀ NGHIỆP

Hoạt động 1. Mở đầu – Nối lại mạch chủ đề và cái giá của một nghề (8′)

a) Mục tiêu: Nối lại mạch chủ đề sau tiết kiểm tra giữa kì và làm xuất hiện câu hỏi về mặt ít được nói tới của mỗi nghề là an toàn và sức khoẻ của người làm nghề.

b) Nội dung: Giáo viên nhắc lại chặng đường bảy tiết trước, khi lớp đã kể tên nghề ở địa phương, xếp nghề vào ba nhóm hoạt động, dựng sơ đồ sáu nhánh và lập hồ sơ tìm hiểu nghề. Trong sơ đồ ấy có một nhánh hầu như nhóm nào cũng để trống là nhánh điều kiện bảo đảm an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp. Học sinh trả lời ba câu hỏi ở mục A của Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Ba câu trả lời ngắn của mỗi học sinh ở mục A Phụ lục 1; danh sách những vất vả và rủi ro của nghề mà lớp nêu ra được ghi lên bảng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (1′): Giáo viên treo lại các sơ đồ sáu nhánh của tiết trước, chỉ vào nhánh còn trống và phát Phụ lục 1, yêu cầu mỗi em trả lời ba câu hỏi ở mục A trong ba phút.

2. Thực hiện nhiệm vụ (3′): Học sinh nhớ lại nghề của người thân và tự viết câu trả lời. Giáo viên đi một vòng, gợi ý em nào chưa nghĩ ra bằng câu hỏi: sau một ngày làm việc, người ấy thường kêu mỏi ở chỗ nào.

3. Báo cáo, thảo luận (3′): Năm học sinh đọc câu trả lời. Giáo viên ghi lên bảng thành hai cột: những rủi ro xảy ra ngay tức thì và những vấn đề sức khoẻ tích lại dần theo năm tháng.

4. Kết luận, nhận định (1′): GV chốt: Hai cột trên bảng cho thấy nghề nào cũng có cái giá của nó. Biết trước cái giá ấy không phải để sợ mà để biết cách giữ mình, và đó là nội dung năm tiết còn lại của chủ đề.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

a) Mục tiêu: Hoàn tất phần còn lại của chủ đề trong sách giáo khoa, gồm ý thứ ba của hoạt động 1 ở trang 58 về điều kiện bảo đảm an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp, hoạt động 3 ở trang 58 và trang 59 về lập kế hoạch và thực hiện trải nghiệm nghề.

b) Nội dung: Năm nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 82 đến tiết 86, tiếp nối chín nhiệm vụ đã thực hiện ở bảy tiết đầu của chủ đề.

c) Sản phẩm: Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 và bổ sung vào hồ sơ tìm hiểu nghề đã lập từ chặng trước.

d) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 2.1. Nhận diện yếu tố đe doạ an toàn và sức khoẻ theo từng lĩnh vực (37′)

a) Mục tiêu: Trình bày được một số điều kiện bảo đảm an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp trong từng lĩnh vực nghề nghiệp và phân biệt được yếu tố đến từ môi trường làm việc với yếu tố đến từ thói quen của người lao động.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ ba của hoạt động 1 ở sách giáo khoa trang 58, mỗi nhóm nhận một thẻ tình huống về một lĩnh vực nghề khác nhau như trồng trọt và chăn nuôi, xây dựng, chế biến thực phẩm, buôn bán ở chợ, lái xe, làm việc trong văn phòng. Nhóm liệt kê yếu tố đe doạ sức khoẻ trong lĩnh vực ấy rồi ghép mỗi yếu tố với một điều kiện cần có để phòng tránh.

c) Sản phẩm: Bảng ba cột của nhóm trên giấy A3 gồm yếu tố gây hại, hậu quả có thể xảy ra và điều kiện cần có để phòng tránh; mỗi yếu tố được đánh dấu thuộc về môi trường làm việc hay thuộc về thói quen của người lao động.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4′): Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phát mỗi nhóm một thẻ tình huống về một lĩnh vực nghề, phát giấy A3, và giải thích nhánh điều kiện bảo đảm an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp trong sơ đồ ở sách giáo khoa trang 57 với ví dụ về sức khoẻ dẻo dai, không mắc bệnh mãn tính, ít mẫn cảm với các yếu tố thời tiết.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18′): Các nhóm kẻ bảng ba cột và điền. Giáo viên đi từng nhóm, gợi mở bằng bốn hướng: thời tiết và môi trường xung quanh, máy móc và vật liệu đang dùng, tư thế và động tác lặp lại nhiều lần, thời gian làm việc kéo dài.

3. Báo cáo, thảo luận (10′): Ba nhóm treo bảng và trình bày, mỗi nhóm khoảng hai phút. Lớp so sánh các lĩnh vực và chỉ ra yếu tố nào chỉ có ở một lĩnh vực, yếu tố nào lĩnh vực nào cũng gặp.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Mỗi lĩnh vực có kiểu nguy hiểm riêng, nhưng phần lớn đều phòng tránh được bằng hai loại việc: cải thiện môi trường làm việc và sửa thói quen của chính người lao động. Loại thứ hai nằm trong tay mình nên bắt đầu được ngay.

TIẾT 83. GIỮ SỨC KHOẺ KHI LÀM VIỆC VỚI MÁY TÍNH NHIỀU GIỜ

Kết nối hai tiết (3′): Tiết trước lớp đã thấy mỗi lĩnh vực có kiểu nguy hiểm riêng. Tiết này dừng lại ở một lĩnh vực mà ngày càng nhiều nghề rơi vào và chính các em cũng đang sống trong đó, là làm việc lâu trước màn hình.

Nhiệm vụ 2.2. Ba việc giữ sức khoẻ khi ngồi máy tính nhiều giờ (24′)

a) Mục tiêu: Nêu được ba việc cần làm để giữ sức khoẻ khi làm nghề phải ngồi máy tính nhiều giờ, gồm tư thế ngồi, thời gian nghỉ mắt và cách bố trí ánh sáng.

b) Nội dung: Giáo viên nêu tình huống một người làm nghề kế toán ngồi trước màn hình từ sáng đến chiều, sau vài tháng thấy mỏi cổ, khô mắt và đau cổ tay. Học sinh chỉ ra nguyên nhân của từng biểu hiện rồi viết ba việc cần làm; giáo viên chiếu trên tivi hình minh hoạ tư thế ngồi đúng để cả lớp cùng đối chiếu.

c) Sản phẩm: Phiếu ba việc giữ sức khoẻ của mỗi học sinh ở mục C Phụ lục 1, mỗi việc ghi rõ làm như thế nào và làm vào lúc nào, không viết chung chung.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên nêu tình huống, ghi ba biểu hiện mỏi cổ, khô mắt và đau cổ tay lên bảng, yêu cầu mỗi em nối từng biểu hiện với nguyên nhân rồi viết việc cần làm tương ứng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (12′): Học sinh viết phiếu cá nhân rồi trao đổi theo cặp. Giáo viên chiếu hình tư thế ngồi đúng và hỏi những em viết chung chung: nghỉ mắt là nghỉ bao lâu và bao lâu một lần, nhìn ra đâu thì mắt mới được nghỉ thật, đèn để bên nào thì không bị loá màn hình.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Sáu học sinh đọc ba việc của mình theo ba hướng tư thế, mắt và ánh sáng. Lớp gom lại thành ba việc chung viết lên bảng cho cả lớp cùng chép.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Ba việc này nhỏ đến mức ai cũng thấy dễ, nhưng chính vì dễ nên hay bị bỏ qua. Người làm nghề ngồi máy tính giữ được sức khoẻ lâu dài không nhờ điều gì to tát mà nhờ làm đều ba việc ấy mỗi ngày.

Nhiệm vụ 2.3. Tự kiểm góc học tập của chính mình (18′)

a) Mục tiêu: Vận dụng được ba việc vừa rút ra để tự kiểm và điều chỉnh chỗ ngồi học của bản thân ở nhà và ở lớp.

b) Nội dung: Mỗi học sinh dùng ba việc vừa thống nhất làm thước đo, tự chấm góc học tập của mình theo ba mục tư thế ngồi, thời gian nghỉ mắt và ánh sáng, rồi ghi một việc sẽ sửa ngay trong tuần này.

c) Sản phẩm: Bản tự kiểm góc học tập của mỗi học sinh ở mục C Phụ lục 1, có đánh dấu mức đạt cho từng mục và một việc cụ thể sẽ sửa kèm ngày bắt đầu.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên hướng dẫn cách tự chấm ba mục, làm mẫu ngay tại lớp bằng cách cùng học sinh kiểm lại tư thế ngồi và hướng ánh sáng của chính bàn học trong phòng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8′): Học sinh tự chấm và ghi việc sẽ sửa. Giáo viên nhắc các em chọn việc sửa được thật, ví dụ kê cao màn hình bằng chồng sách hoặc đổi vị trí đèn bàn, chứ không viết những việc phải mua sắm mới làm được.

3. Báo cáo, thảo luận (4′): Bốn học sinh chia sẻ việc mình sẽ sửa. Lớp góp ý cách làm đơn giản hơn cho từng trường hợp.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Giữ sức khoẻ nghề nghiệp không đợi đến khi đi làm mới bắt đầu. Thói quen ngồi học hôm nay chính là thói quen các em sẽ mang theo vào nghề sau này.

TIẾT 84. LẬP KẾ HOẠCH TRẢI NGHIỆM NGHỀ

Kết nối hai tiết (3′): Hai tiết vừa qua lớp đã hiểu nghề đòi hỏi gì về sức khoẻ. Tiết này chuẩn bị cho việc quan trọng nhất của chủ đề là bước ra khỏi lớp để chạm vào một nghề thật.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

KẾ HOẠCH TRẢI NGHIỆM NGHỀ/ NHÓM NGHỀ

- **Tên người thực hiện:** ……..
- **Tên nghề/ nhóm nghề trải nghiệm:** ……..
- **Mục tiêu trải nghiệm:** Những điều cần đạt được sau khi trải nghiệm nghề.
- **Nội dung, nhiệm vụ trải nghiệm nghề:**
  – Tham quan: ……..
  – Làm một số công việc của nghề: ……..
- **Thời gian:** ……..
- **Địa điểm:** ……..
- **Cách thức tiến hành:** ……..
- **Phương tiện thực hiện:** ……..
- **Sản phẩm dự kiến:** ……..

Khung gợi ý kế hoạch trải nghiệm nghề hoặc nhóm nghề — SGK trang 58

Nhiệm vụ 2.4. Hoàn thiện kế hoạch trải nghiệm nghề đủ chín mục (42′)

a) Mục tiêu: Lập được kế hoạch trải nghiệm một nghề đủ chín mục theo khung gợi ý của sách giáo khoa, trong đó nêu rõ nội dung, cách thức tiến hành và sản phẩm dự kiến.

b) Nội dung: Học sinh dùng khung kế hoạch ở sách giáo khoa trang 58 gồm tên người thực hiện, tên nghề trải nghiệm, mục tiêu, nội dung và nhiệm vụ, thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, phương tiện thực hiện, sản phẩm dự kiến; mỗi nhóm điền cho nghề mình đã chọn từ chặng trước và cho địa chỉ đã liên hệ được ở tiết 80.

c) Sản phẩm: Kế hoạch trải nghiệm nghề của nhóm ở mục D Phụ lục 1, đủ chín mục, có phần tham quan và phần làm thử một số công việc của nghề, kèm danh mục câu hỏi mang theo và phần ghi rõ trang bị bảo hộ cần chuẩn bị.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên chiếu khung kế hoạch ở sách giáo khoa trang 58, đọc qua chín mục và dừng lại ở mục nội dung để chỉ rõ khung sách chia làm hai phần

là tham quan và làm một số công việc của nghề; nhắc lại toàn bộ quy định an toàn khi ra khỏi nhà trường.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20′): Các nhóm điền kế hoạch. Giáo viên đi từng nhóm, kiểm ba điều: công việc định làm thử có an toàn với học sinh lớp 10 không, thời gian có khớp với giờ làm của cơ sở không, và nhóm đã ghi rõ mang theo gì chưa.

3. Báo cáo, thảo luận (12′): Ba nhóm trình bày kế hoạch. Các nhóm còn lại đóng vai người phụ trách cơ sở và hỏi ba câu: các em đến mấy giờ, các em muốn xem và làm những gì, và ai chịu trách nhiệm về an toàn cho nhóm.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Kế hoạch trải nghiệm càng cụ thể thì buổi đi càng thu được nhiều. Hai mục quyết định là công việc định làm thử và câu hỏi mang theo, vì đó là phần khiến buổi trải nghiệm khác với một chuyến đi xem cho biết.

TIẾT 85. BÁO CÁO KẾT QUẢ TRẢI NGHIỆM NGHỀ

Kết nối hai tiết (3′): Giữa tiết 84 và tiết 85, các nhóm đã đi trải nghiệm theo kế hoạch của mình ngoài giờ học. Tiết này là lúc kể lại và rút ra điều đã học được từ buổi đi ấy.

Hoạt động 3. Luyện tập – Báo cáo kết quả trải nghiệm nghề (42′)

a) Mục tiêu: Báo cáo được kết quả trải nghiệm nghề theo các nội dung gợi ý của sách giáo khoa, trong đó nêu được thông tin cơ bản của nghề, điều kiện bảo đảm an toàn và sức khoẻ, yêu cầu về phẩm chất và năng lực của người lao động.

b) Nội dung: Theo gợi ý ở sách giáo khoa trang 59, mỗi nhóm báo cáo gồm tên nghề, nội dung và nhiệm vụ đã làm, địa điểm và thời gian, những công việc đã thực hiện, kết quả thu hoạch được và cảm nhận sau khi trải nghiệm. Hình thức là thuyết trình kết hợp trưng bày tranh ảnh, vật thật hoặc sản phẩm làm được tại nơi trải nghiệm.

c) Sản phẩm: Báo cáo kết quả trải nghiệm nghề của nhóm đủ các nội dung gợi ý; góc trưng bày của nhóm; phần bổ sung vào nhánh điều kiện an toàn và sức khoẻ trong sơ đồ sáu nhánh đã để trống từ chặng trước.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên nêu các nội dung bắt buộc của báo cáo theo sách giáo khoa trang 59, nhấn mạnh ba phần thu hoạch là thông tin cơ bản của nghề, điều kiện bảo đảm an toàn và sức khoẻ, yêu cầu về phẩm chất và năng lực; giới hạn mỗi nhóm khoảng bốn phút.

2. Thực hiện nhiệm vụ (14′): Các nhóm sắp xếp tư liệu, bày sản phẩm mang về và thống nhất người trình bày. Giáo viên giúp các nhóm chuyển những câu kể lan man thành ba phần thu hoạch, và nhắc các em điền nốt nhánh còn trống trong sơ đồ sáu nhánh.

3. Báo cáo, thảo luận (18′): Các nhóm lần lượt báo cáo kèm trưng bày. Lớp ghi vào vở một điều bất ngờ nhất mình học được từ nghề của nhóm bạn, và một điều khiến mình thấy nghề đó khó hơn mình tưởng.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Điều quý nhất của một buổi trải nghiệm không phải là biết thêm tên công việc mà là hiểu ra nghề nào cũng có phần vất vả ẩn phía sau.

Sơ đồ sáu nhánh đến hôm nay mới thật sự đầy, vì nhánh cuối cùng được điền bằng chính điều các em đã thấy tận mắt.

TIẾT 86. YÊU CẦU CỦA NHÀ TUYỂN DỤNG VÀ KẾ HOẠCH RÈN LUYỆN BẢN THÂN

Kết nối hai tiết (3′): Trải nghiệm đã cho các em thấy nghề đòi hỏi gì. Tiết cuối chủ đề soi thêm một tấm gương nữa là yêu cầu của người tuyển dụng, rồi quay về với câu hỏi mình cần rèn luyện điều gì.

Hoạt động 4. Vận dụng – Đối chiếu yêu cầu tuyển dụng và lập kế hoạch rèn luyện (42′)

a) Mục tiêu: Phân tích được phẩm chất và năng lực cần có của người lao động qua yêu cầu của nhà tuyển dụng, chỉ ra được chi tiết mà máy suy đoán sai, và xác định được việc rèn luyện của bản thân theo yêu cầu của nghề mình quan tâm.

b) Nội dung: Giáo viên phát cho mỗi nhóm hai bản in đã chuẩn bị: một bản tóm tắt yêu cầu của nhà tuyển dụng với nghề nhóm đã chọn do một trợ lí trí tuệ nhân tạo viết ra, và hai tin tuyển dụng thật lấy từ trang chính thống. Học sinh đối chiếu hai bản, gạch chân chi tiết máy suy đoán sai hoặc bỏ sót, rồi tự lập kế hoạch rèn luyện theo yêu cầu ở sách giáo khoa trang 59.

c) Sản phẩm: Phiếu đối chiếu của nhóm ở mục C Phụ lục 1 với ít nhất ba chi tiết đã gạch chân; kế hoạch rèn luyện bản thân của mỗi học sinh ở mục D Phụ lục 1, có ít nhất hai việc kèm thời gian và dấu hiệu nhận biết; phiếu tự đánh giá sáu tiêu chí đã đánh dấu.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên phát hai bản in cho từng nhóm, nói rõ bản của máy được viết ra mà máy chưa hề đọc tin tuyển dụng nào của địa phương mình; nêu nhiệm vụ đối chiếu và giới thiệu sáu tiêu chí tự đánh giá ở sách giáo khoa trang 59.

2. Thực hiện nhiệm vụ (16′): Các nhóm đối chiếu hai bản, gạch chân chi tiết lệch và ghi lí do. Giáo viên gợi ý ba hướng thường lệch: bằng cấp và kinh nghiệm mà tin thật đòi còn máy bỏ qua, yêu cầu về sức khoẻ và ca làm việc, và những kĩ năng cụ thể chỉ nơi tuyển mới biết. Sau đó mỗi em tự viết kế hoạch rèn luyện.

3. Báo cáo, thảo luận (16′): Bốn nhóm trình bày phiếu đối chiếu; lớp gom các chi tiết lệch lên bảng. Tiếp đó học sinh trao đổi kế hoạch rèn luyện theo cặp và hoàn thành phiếu tự đánh giá sáu tiêu chí.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Tin tuyển dụng hoặc thông tin chính thức từ cơ sở sử dụng lao động thường nêu yêu cầu cụ thể cho một vị trí, nhưng vẫn cần kiểm tra ngày đăng và đối chiếu thêm nguồn. Kế hoạch rèn luyện của các em nên bắt đầu từ những yêu cầu đã được kiểm chứng, chọn hai việc nhỏ làm được ngay từ năm lớp 10 chứ không đợi đến lúc đi xin việc mới bắt đầu.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 9 – PHẦN TIẾP (TIẾT 82 ĐẾN TIẾT 86)

Họ và tên: …… Lớp: …… Nhóm: ……

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Người thân của em làm nghề gì? Sau một ngày làm việc, người ấy thường kêu mỏi hoặc khó chịu ở chỗ nào?
2. Theo em, điều gì trong công việc hằng ngày đã gây ra tình trạng ấy?
3. Em thấy người ấy đã làm gì để giữ sức khoẻ? Còn điều gì đáng ra nên làm mà chưa làm?

B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 9 – PHẦN TIẾP

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu minh hoạ	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	*Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.*	*Nêu một ví dụ, số liệu hoặc tư liệu minh hoạ.*	*Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.*
1. Điều kiện bảo đảm an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp			
2. Kế hoạch trải nghiệm nghề			
3. Báo cáo kết quả trải nghiệm nghề			
4. Yêu cầu của nhà tuyển dụng và rèn luyện bản thân			

C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

Ngày càng nhiều nghề phải ngồi lâu trước màn hình, và cũng ngày càng nhiều thông tin về nghề được máy viết ra. Phần này em làm hai việc: học cách giữ sức khoẻ cho chính mình khi làm việc với máy tính, và kiểm lại bản tóm tắt do máy viết trước khi tin.

Ví dụ A: một người làm kế toán ngồi trước màn hình từ sáng đến chiều. Sau vài tháng, người ấy thấy mỏi cổ và vai gáy, mắt khô và mờ vào cuối ngày, cổ tay phải đau âm ỉ.

Ví dụ B: một trợ lí trí tuệ nhân tạo được hỏi nhà tuyển dụng đòi hỏi gì ở người làm nghề này. Nó viết ra một danh sách rất gọn gàng, nhưng khi đọc hai tin tuyển dụng thật thì thấy có những đòi hỏi mà bản của máy không hề nhắc đến.

Trả lời bốn câu hỏi sau:

1. Mỗi biểu hiện ở ví dụ A bắt nguồn từ điều gì trong cách ngồi làm việc?
2. Ba việc cần làm để tránh ba biểu hiện đó là gì? Mỗi việc làm như thế nào và vào lúc nào?
3. Vì sao bản tóm tắt của máy ở ví dụ B lại thiếu những đòi hỏi có trong tin tuyển dụng thật?
4. Khi muốn biết một chỗ làm cụ thể đòi hỏi gì, em nên đọc bản của máy hay tin tuyển dụng thật? Vì sao?

Phiếu ba việc giữ sức khoẻ khi làm việc với máy tính:

Việc cần làm	Làm cụ thể như thế nào	Làm vào lúc nào
Tư thế ngồi		
Nghỉ mắt		
Bố trí ánh sáng		

Bản tự kiểm góc học tập của em (đánh dấu Đạt hoặc Chưa đạt):

– Tư thế ngồi: …… – Nghỉ mắt: …… – Ánh sáng: ……

– Một việc em sẽ sửa ngay: …… Bắt đầu từ ngày: ……

Phiếu đối chiếu bản của máy với tin tuyển dụng thật:

– Nghề được đối chiếu: ……

– Chi tiết máy suy đoán sai hoặc bỏ sót 1: ……

– Chi tiết máy suy đoán sai hoặc bỏ sót 2: ……

– Chi tiết máy suy đoán sai hoặc bỏ sót 3: ……

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

D1. Yếu tố đe doạ an toàn và sức khoẻ trong lĩnh vực nghề nhóm em nhận (làm theo nhóm)

Yếu tố gây hại	Hậu quả có thể xảy ra	Điều kiện cần có để phòng tránh	Do môi trường hay do thói quen

D2. Kế hoạch trải nghiệm nghề (làm theo nhóm, đủ chín mục theo SGK trang 58)

Mục của kế hoạch	Nhóm em điền vào đây
Tên người thực hiện	
Tên nghề hoặc nhóm nghề trải nghiệm	
Mục tiêu trải nghiệm	
Nội dung, nhiệm vụ: tham quan	
Nội dung, nhiệm vụ: làm một số công việc của nghề	
Thời gian	
Địa điểm	
Cách thức tiến hành	
Phương tiện thực hiện và trang bị bảo hộ	
Sản phẩm dự kiến	

D3. Kế hoạch rèn luyện bản thân theo yêu cầu của nghề em quan tâm

Yêu cầu của nghề	Việc em sẽ rèn luyện	Thời gian thực hiện	Dấu hiệu cho thấy em đã tiến bộ

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu	Rút ra điều gì?
1. Điều kiện bảo đảm an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp	SGK trang 58 yêu cầu tìm hiểu những điều kiện bảo đảm an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp trong từng nhóm nghề; đây cũng là một trong sáu nhánh của sơ đồ mô tả nhóm nghề ở trang 57.	Nhánh điều kiện đảm bảo an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp của nhóm nghề sản xuất ở trang 57 nêu yêu cầu có sức khoẻ dẻo dai, không mắc các bệnh mãn tính, ít mẫn cảm với các yếu tố thời tiết. Nhánh điều kiện lao động cho biết nhóm nghề này chủ yếu làm việc ngoài trời, chịu tác động trực tiếp của các yếu tố thời tiết.	Mỗi lĩnh vực có kiểu nguy hiểm riêng nhưng phần lớn phòng tránh được bằng hai loại việc: cải thiện môi trường làm việc và sửa thói quen của người lao động.
2. Kế hoạch trải nghiệm nghề	SGK trang 58 đưa khung kế hoạch trải nghiệm nghề hoặc nhóm nghề để học sinh lập và thực hiện.	Khung gồm chín mục: tên người thực hiện; tên nghề hoặc nhóm nghề trải nghiệm; mục tiêu trải nghiệm; nội dung và nhiệm vụ trải nghiệm nghề, chia làm tham quan và làm một số công việc của nghề; thời gian; địa điểm; cách thức tiến hành; phương tiện thực hiện; sản phẩm dự kiến.	Kế hoạch càng cụ thể thì buổi trải nghiệm càng thu được nhiều; hai mục quyết định là công việc định làm thử và câu hỏi mang theo.
3. Báo cáo kết quả trải nghiệm nghề	SGK trang 59 gợi ý nội dung và hình thức báo cáo kết quả trải nghiệm nghề.	Nội dung báo cáo gồm tên nghề; nội dung, nhiệm vụ, hoạt động; địa điểm, thời gian, cách thức trải nghiệm; những công việc đã thực hiện; kết quả thu hoạch gồm thông tin và yêu cầu cơ bản của nghề, điều kiện bảo đảm an toàn và sức khoẻ, yêu cầu về phẩm chất và năng lực; cảm nhận và mong muốn sau khi trải nghiệm. Hình thức là thuyết trình kết hợp trình chiếu, hoặc báo cáo kết hợp triển lãm tranh ảnh, vật thật, mô hình, video.	Giá trị của buổi trải nghiệm nằm ở chỗ hiểu ra phần vất vả ẩn phía sau mỗi nghề, không chỉ ở việc biết thêm tên công việc.

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu	Rút ra điều gì?
4. Yêu cầu của nhà tuyển dụng và rèn luyện bản thân	SGK trang 59 nêu hai việc: tìm hiểu phẩm chất, năng lực cần có của người lao động qua yêu cầu của nhà tuyển dụng, và rèn luyện phẩm chất, năng lực của bản thân theo yêu cầu của nghề mình quan tâm.	Khung đánh giá ở trang 59 gồm sáu tiêu chí, trong đó có phân tích được ít nhất bốn yêu cầu về năng lực, phẩm chất cần có của người lao động theo nhóm nghề, và trình bày được một số điều kiện đảm bảo an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp trong từng lĩnh vực.	Yêu cầu thật của nhà tuyển dụng cụ thể hơn mọi bản tóm tắt; kế hoạch rèn luyện nên bắt đầu từ hai việc nhỏ làm được ngay từ năm lớp 10.

2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

Câu hỏi 1 – mỏi cổ và vai gáy là do màn hình đặt quá thấp nên phải cúi cổ, và do ngồi một tư thế quá lâu; khô mắt và mờ mắt là do nhìn gần liên tục nhiều giờ, mắt ít chớp và ánh sáng không phù hợp; đau cổ tay là do cổ tay tì lên mặt bàn ở một góc gập trong thời gian dài.

Câu hỏi 2 – ba việc cần làm là: ngồi thẳng lưng, hai bàn chân đặt sát sàn, mép trên màn hình ngang tầm mắt và cách mắt khoảng một sải tay; cứ khoảng hai mươi phút thì rời mắt khỏi màn hình nhìn ra xa vài chục giây, sau mỗi giờ đứng dậy đi lại và vận động vai cổ; đặt bàn sao cho ánh sáng chiếu từ bên cạnh, không để đèn hay cửa sổ ở ngay sau lưng hoặc ngay sau màn hình vì sẽ gây loá và phản chiếu.

Câu hỏi 3 – trợ lí trí tuệ nhân tạo viết dựa trên rất nhiều văn bản chung đã gom được, nên nó chỉ nêu được những đòi hỏi phổ biến của nghề. Nó không đọc tin tuyển dụng cụ thể của các cơ sở ở địa phương, nên không biết nơi ấy đòi bằng cấp gì, cần mấy năm kinh nghiệm, làm ca nào và yêu cầu sức khoẻ ra sao.

Câu hỏi 4 – phải đọc tin tuyển dụng thật, vì đó là điều kiện của một chỗ làm có thật do chính người tuyển đặt ra. Bản của máy vẫn dùng được để nắm nhanh bức tranh chung và để biết mình nên hỏi gì, nhưng không thay được tin tuyển dụng khi cần quyết định.

Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):

– Nêu đúng nguyên nhân của ba biểu hiện mỏi cổ, khô mắt, đau cổ tay: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Ghi được ba việc giữ sức khoẻ đủ cụ thể về cách làm và thời điểm: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Tự kiểm góc học tập và chọn được một việc sửa được thật: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Chỉ ra được ít nhất ba chi tiết lệch giữa bản của máy và tin tuyển dụng thật: Đạt hoặc Chưa đạt.

3. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – bảng yếu tố gây hại chỉ ghi được rủi ro xảy ra ngay như ngã, đứt tay, mà bỏ qua những vấn đề tích lại dần. Gợi mở: hỏi làm nghề này mười năm liền thì hay đau ở đâu, vì sao lại đau chỗ đó.

Lỗi 2 – ba việc giữ sức khoẻ viết chung chung kiểu ngồi đúng tư thế, nghỉ ngơi hợp lí. Gợi mở: hỏi màn hình đặt cao ngang đâu, bao lâu thì nghỉ mắt một lần và nhìn ra đâu, đèn để bên nào thì không loá.

Lỗi 3 – kế hoạch trải nghiệm thiếu mục cách thức tiến hành hoặc sản phẩm dự kiến, hoặc đặt việc làm thử quá sức và không an toàn với học sinh lớp 10. Gợi mở: đối chiếu lại chín mục ở sách giáo khoa trang 58 và hỏi việc này có ai hướng dẫn trực tiếp không.

Lỗi 4 – báo cáo trải nghiệm kể lại diễn biến buổi đi mà không rút ra ba phần thu hoạch. Gợi mở: yêu cầu tách riêng ba mục thông tin cơ bản của nghề, điều kiện an toàn và sức khoẻ, yêu cầu về phẩm chất và năng lực.

Lỗi 5 – coi bản tóm tắt của máy là yêu cầu tuyển dụng chính thức. Gợi mở: hỏi bản này do ai viết ra, người tuyển ở cơ sở kia đã đọc nó bao giờ chưa.

Lỗi 6 – kế hoạch rèn luyện đặt ra việc quá lớn hoặc quá xa như học giỏi ngoại ngữ. Gợi mở: yêu cầu đổi thành việc làm được trong bốn tuần và nêu dấu hiệu người khác nhìn vào là biết em đã tiến bộ.

4. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
An toàn và sức khoẻ nghề nghiệp	Nêu được yếu tố gây hại của lĩnh vực kèm hậu quả và điều kiện phòng tránh; phân biệt được yếu tố do môi trường với yếu tố do thói quen.	Nêu được một số yếu tố gây hại và cách phòng tránh cơ bản.	Chỉ kể được rủi ro tức thì hoặc nêu chung chung, không gắn với lĩnh vực nào.
Kế hoạch và báo cáo trải nghiệm nghề	Kế hoạch đủ chín mục, việc làm thử an toàn và khả thi; báo cáo có đủ ba phần thu hoạch kèm minh chứng mang về.	Kế hoạch đủ mục chính, báo cáo nêu được kết quả cơ bản.	Thiếu nhiều mục hoặc báo cáo chỉ kể lại diễn biến, không rút ra thu hoạch.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	Ba việc giữ sức khoẻ cụ thể về cách làm và thời điểm, có tự kiểm góc học tập; chỉ ra được chi tiết máy suy đoán sai kèm lí giải.	Nêu được ba việc giữ sức khoẻ và một chi tiết lệch.	Viết chung chung hoặc coi bản tóm tắt của máy là yêu cầu tuyển dụng chính thức.
Hợp tác, an toàn	Đúng vai, đúng giờ; tuân thủ nội quy cơ sở, ứng xử lịch sự với người lao động, ghi chép trung thực.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản.	Thiếu phối hợp hoặc vi phạm quy định an toàn tại nơi trải nghiệm.

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày …… tháng …… năm 2026
GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)

SỞ GD&ĐT: ……
TRƯỜNG: ……

TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 10

BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG — (Năm học 2026 - 2027)

CHỦ ĐỀ 9. TÌM HIỂU NGHỀ NGHIỆP

(Số tiết: 7 — tuần 25 đến tuần 27, tiết 74 đến tiết 80)

Giáo viên: …… | Lớp: …… | Ngày dạy: ……

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau bảy tiết đầu của chủ đề này, học sinh:

– Kể được tên các nghề đang có ở địa phương và xác định được nghề nào thuộc hoạt động sản xuất, nghề nào thuộc hoạt động kinh doanh, nghề nào thuộc hoạt động dịch vụ, có nêu căn cứ để nhận định.

– Nêu được ít nhất bốn thông tin và yêu cầu cơ bản của một nhóm nghề ở địa phương theo sáu nhánh mà sách giáo khoa gợi ý.

– Nêu được ít nhất bốn thông tin của nghề mà bản thân quan tâm, gồm đối tượng lao động, mục đích lao động, công việc chính, dụng cụ lao động và điều kiện lao động.

– Nêu được ba cách tìm hiểu, thu thập thông tin cần thiết về nghề và chỉ ra được cách nào cho thông tin chính xác, hiệu quả hơn.

– Phân tích được ít nhất bốn yêu cầu về năng lực và phẩm chất cần có của người lao động theo nhóm nghề đã tìm hiểu.

– Ghi lại được thông tin về nghề vào phiếu tìm hiểu nghề, có ghi rõ nguồn và ngày tìm hiểu.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực định hướng nghề nghiệp khi nhận diện các nhóm nghề ở địa phương và đối chiếu yêu cầu của nghề với bản thân; năng lực thích ứng với cuộc sống khi hình dung được công việc thật phía sau tên gọi của một nghề.

Năng lực chung: tự chủ và tự học khi chủ động hỏi người lớn và ghi chép thông tin về nghề; giao tiếp và hợp tác khi phỏng vấn người đang làm nghề và làm việc nhóm; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi xử lí những thông tin không khớp nhau giữa các nguồn.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

1.1.NC1b – áp dụng được kĩ thuật tìm kiếm để lấy dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Cụ thể trong chủ đề này: giáo viên tra cứu trên máy của lớp và chiếu lên tivi, học sinh chọn từ khoá cho giáo viên gõ, so kết quả của ba từ khoá khác nhau rồi ghi vào phiếu tìm hiểu nghề mô tả công việc, nơi làm việc và dụng cụ thường dùng của ba nghề đang có ở địa phương, kèm tên nguồn và ngày tìm hiểu.

10.C2 – liên hệ được ứng dụng trí tuệ nhân tạo với vấn đề trong thực tế. Cụ thể trong chủ đề này: giáo viên hỏi một trợ lí trí tuệ nhân tạo về công việc hằng ngày của một nghề rồi in kết quả phát cho các nhóm; học sinh đối chiếu bản in ấy với lời kể của người đang làm nghề đó ở địa phương và chỉ ra những điểm khác biệt.

Minh chứng: phiếu tìm hiểu nghề ghi đủ từ khoá – nguồn – ngày tìm hiểu cho ba nghề; bảng so sánh kết quả của ba từ khoá; phiếu đối chiếu bản in của máy với lời kể của người làm nghề, có gạch chân điểm khác biệt.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm: làm đủ phần việc được giao khi tìm hiểu nghề theo nhóm; giữ đúng lời hẹn khi xin gặp người lao động để hỏi chuyện.

Trung thực: ghi đúng lời người được hỏi, không sửa cho khớp với điều mình đã nghĩ sẵn; nói rõ thông tin nào lấy từ đâu.

Chăm chỉ: kiên trì tìm đủ thông tin về nghề, không dừng lại ở kết quả tra cứu đầu tiên.

Nhân ái: trân trọng mọi nghề chân chính ở địa phương và người đang làm nghề đó.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 55–59 và sách giáo viên; tivi và máy tính của lớp có kết nối Internet; giấy A3, giấy A4, bút màu; bản in phóng to sơ đồ nhóm nghề kinh doanh và sơ đồ nhóm nghề sản xuất ở trang 57; bản in kết quả một trợ lí trí tuệ nhân tạo mô tả công việc hằng ngày của hai nghề phổ biến ở địa phương, đã chuẩn bị từ trước; một video ngắn giới thiệu nghề trên kênh chính thống; phiếu học tập ở Phụ lục 1.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút; giấy nhớ; danh sách các nghề mà người thân trong gia đình và trong xóm đang làm, đã hỏi và ghi trước ở nhà.

Phương án dự phòng: khi mất điện hoặc không có mạng, giáo viên dùng bản in kết quả tra cứu, bản in mô tả nghề của trợ lí trí tuệ nhân tạo và hai sơ đồ đã in phóng to; phần so sánh từ khoá chuyển sang làm trên ba bản in kết quả đã chuẩn bị sẵn. Nếu không chiếu được video giới thiệu nghề thì thay bằng lời kể của một phụ huynh được mời đến lớp.

An toàn: mọi thao tác tra cứu do giáo viên thực hiện trên máy của lớp; học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân, không nhập tên thật, số điện thoại hay địa chỉ nhà lên bất kì trang nào. Khi hỏi chuyện người đang làm nghề, các em xin phép trước, đi theo nhóm và có người lớn biết; không chụp ảnh hay ghi âm nếu người được hỏi chưa đồng ý; không hỏi về thu nhập cụ thể của gia đình người khác.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: gọi tên nghề quanh mình → xếp nghề vào ba nhóm hoạt động → đọc kĩ một nhóm nghề → chọn từ khoá tra cứu cho đúng → so lời máy với lời người làm nghề → chốt cách tìm hiểu nghề của riêng mình.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
74	Quanh nơi em sống đang có những nghề	Danh sách nghề ở địa phương do cả	45 phút

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
	nào?	lớp góp lại	
75	Nghề nào là sản xuất, nghề nào là kinh doanh, nghề nào là dịch vụ?	Bảng ba nhóm hoạt động kèm căn cứ phân loại	45 phút
76	Một nhóm nghề cần được mô tả bằng những thông tin nào?	Sơ đồ sáu nhánh cho một nhóm nghề của địa phương	45 phút
77	Gõ từ khoá thế nào để ra đúng nghề mình cần tìm?	Bảng so sánh kết quả của ba từ khoá và phiếu tìm hiểu nghề	45 phút
78	Máy tả nghề có giống lời người đang làm nghề ấy không?	Phiếu đối chiếu bản in của máy với lời kể của người làm nghề	45 phút
79	Có mấy cách tìm hiểu nghề và cách nào đáng tin hơn?	Bảng ba cách tìm hiểu nghề kèm ưu điểm và hạn chế	45 phút
80	Nghề em quan tâm đòi hỏi người làm nghề những gì?	Phiếu bốn yêu cầu về năng lực, phẩm chất của nghề em quan tâm	45 phút

TIẾT 74. KHỞI ĐỘNG CHỦ ĐỀ VÀ KỂ TÊN CÁC NGHỀ Ở ĐỊA PHƯƠNG

Hoạt động 1. Mở đầu – Một ngày của em đi qua bao nhiêu nghề (8′)

a) Mục tiêu: Khơi lên sự chú ý tới thế giới nghề nghiệp đang hiện diện ngay quanh mình và làm xuất hiện nhu cầu tìm hiểu nghề một cách có hệ thống.

b) Nội dung: Giáo viên nêu một hành trình quen thuộc: từ lúc thức dậy đến khi vào lớp, các em đã dùng đến sản phẩm hoặc dịch vụ của bao nhiêu người làm nghề khác nhau. Học sinh trả lời ba câu hỏi mở đầu ở mục A của Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Ba câu trả lời ngắn của mỗi học sinh ở mục A Phụ lục 1; danh sách nghề đầu tiên của lớp được ghi lên bảng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (1′): Giáo viên dẫn hành trình một buổi sáng, phát Phụ lục 1 và yêu cầu mỗi em trả lời ba câu hỏi ở mục A trong ba phút.

2. Thực hiện nhiệm vụ (3′): Học sinh lần theo buổi sáng của mình và liệt kê các nghề đã gặp. Giáo viên đi một vòng, gợi ý em nào bí bằng câu hỏi: chiếc bánh em ăn sáng đi qua tay những ai trước khi đến tay em.

3. Báo cáo, thảo luận (3′): Sáu học sinh đọc danh sách của mình. Giáo viên ghi các nghề lên bảng, gạch chân những nghề xuất hiện ở nhiều em.

4. Kết luận, nhận định (1′): GV chốt: Chỉ trong một buổi sáng các em đã đi qua hàng chục nghề mà lâu nay không để ý. Chủ đề này sẽ giúp các em nhìn kĩ những nghề ấy, bắt đầu từ những nghề ngay tại địa phương mình.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

a) Mục tiêu: Đi hết hai hoạt động đầu của chủ đề trong sách giáo khoa trang 57 và trang 58, từ tìm hiểu hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở địa phương đến cách tìm hiểu và thu thập thông tin về nghề mà bản thân quan tâm.

b) Nội dung: Chín nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 74 đến tiết 80, bám hoạt động 1 và hoạt động 2 của sách giáo khoa cùng định hướng nội dung ở trang 56.

c) Sản phẩm: Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 2.1. Kể tên các nghề đang có ở địa phương em (37′)

a) Mục tiêu: Kể được tên các nghề đang có ở địa phương, gồm cả những nghề ít được nhắc đến, và mô tả được ngắn gọn người làm nghề đó làm việc gì.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ nhất ở sách giáo khoa trang 57, học sinh gom danh sách nghề đã hỏi được ở nhà, bổ sung những nghề quan sát thấy quanh trường và quanh chợ, rồi mô tả mỗi nghề bằng một câu về công việc chính.

c) Sản phẩm: Danh sách nghề của nhóm trên giấy A3, ít nhất mười lăm nghề, mỗi nghề kèm một câu mô tả công việc chính và nơi làm việc.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4′): Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phát giấy A3 và nêu yêu cầu: liệt kê nghề có thật ở địa bàn mình, mỗi nghề kèm một câu về công việc chính, không chép tên nghề trong sách.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18′): Các nhóm gom danh sách đã chuẩn bị ở nhà và bổ sung cho nhau. Giáo viên đi từng nhóm, gợi mở bằng cách hỏi về những nghề dễ bị bỏ quên: người sửa xe đầu ngõ, người thu mua nông sản, người trông trẻ, người làm thợ xây theo mùa.

3. Báo cáo, thảo luận (10′): Các nhóm treo danh sách. Lớp đi xem một vòng rồi cùng gom lại thành một danh sách chung trên bảng, gạch bỏ tên trùng và bổ sung nghề mà chỉ một nhóm nghĩ ra.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Địa phương mình có nhiều nghề hơn ta tưởng. Có những nghề rất quen mắt nhưng chưa bao giờ được gọi tên. Danh sách chung trên bảng sẽ là nguyên liệu cho các tiết sau.

TIẾT 75. PHÂN LOẠI NGHỀ THEO BA NHÓM HOẠT ĐỘNG

Kết nối hai tiết (3′): Tiết trước lớp đã có một danh sách nghề khá dài. Tiết này sắp xếp lại danh sách ấy, vì nhìn vào một đống tên nghề thì khó thấy điều gì, còn xếp thành nhóm thì quy luật bắt đầu hiện ra.

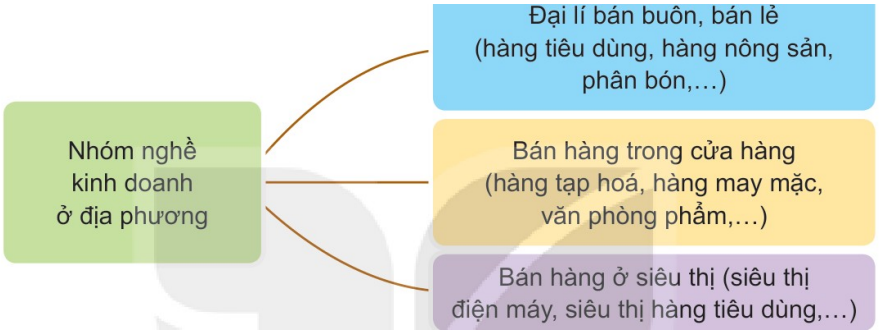

Sơ đồ gợi ý nhóm nghề kinh doanh ở địa phương — SGK trang 57

Nhiệm vụ 2.2. Xếp nghề vào ba nhóm sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (24′)

a) Mục tiêu: Xác định được nghề nào thuộc hoạt động sản xuất, nghề nào thuộc hoạt động kinh doanh, nghề nào thuộc hoạt động dịch vụ và nêu được căn cứ để nhận định như vậy.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ nhất ở sách giáo khoa trang 57, các nhóm lấy danh sách nghề chung của lớp và xếp vào ba cột, mỗi nghề phải kèm một dòng ngắn nói rõ vì sao xếp vào cột đó; sơ đồ nhóm nghề kinh doanh ở trang 57 dùng làm mẫu để hiểu cách một nhóm nghề được chia nhỏ.

c) Sản phẩm: Bảng ba cột của nhóm trên giấy A3, mỗi cột ít nhất bốn nghề, mỗi nghề kèm căn cứ phân loại viết ngắn gọn.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên chiếu sơ đồ nhóm nghề kinh doanh ở sách giáo khoa trang 57, chỉ ra ba nhánh đại lí bán buôn bán lẻ, bán hàng trong cửa hàng và bán hàng ở siêu thị; sau đó nêu ba câu hỏi làm căn cứ phân loại: nghề này làm ra vật mới, mua đi bán lại, hay phục vụ một nhu cầu của người khác.

2. Thực hiện nhiệm vụ (12′): Các nhóm kẻ ba cột và xếp nghề. Giáo viên đi từng nhóm, dừng lại ở những nghề khó xếp như quán ăn hay tiệm bánh, gợi ý các em tách ra: phần làm ra món ăn là sản xuất, phần phục vụ khách tại chỗ là dịch vụ.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Ba nhóm trình bày, tập trung vào những nghề mình thấy khó xếp nhất. Lớp tranh luận và thống nhất căn cứ chung cho các trường hợp còn phân vân.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Ranh giới ba nhóm không phải lúc nào cũng rạch ròi, nhiều nghề nằm ở giữa. Điều quan trọng không phải xếp cho đúng ô mà là nói được vì sao mình xếp như vậy.

Nhiệm vụ 2.3. Chọn một nhóm nghề tiêu biểu của địa phương (18′)

a) Mục tiêu: Chọn được một nhóm nghề tiêu biểu của địa phương để tìm hiểu sâu và nêu được lí do nhóm nghề đó đáng chú ý ở địa bàn mình.

b) Nội dung: Từ bảng ba cột vừa lập, mỗi nhóm chọn một nhóm nghề mà địa phương có nhiều người theo làm hoặc đang phát triển, rồi viết ba lí do vì sao chọn: số người làm, nhu cầu của địa phương và khả năng học sinh tiếp cận để tìm hiểu.

c) Sản phẩm: Thẻ đăng kí của nhóm ghi tên nhóm nghề đã chọn, ba lí do lựa chọn và tên hai người đang làm nghề đó mà nhóm có thể hỏi chuyện.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên phát thẻ đăng kí, nêu ba lí do cần viết và lưu ý nhóm nghề được chọn phải là nghề các em tiếp cận được để hỏi chuyện chứ không phải nghề chỉ nghe nói tới.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8′): Các nhóm bàn bạc và viết thẻ. Giáo viên nhắc các nhóm tránh chọn trùng nhau để lớp có đủ nhiều nhóm nghề, và nhắc phần ghi tên người sẽ hỏi chuyện phải là người thật, có thể xin phép được.

3. Báo cáo, thảo luận (4′): Các nhóm đọc thẻ đăng kí. Lớp đối chiếu để tránh trùng lặp và góp ý cho nhóm nào chọn nghề khó tiếp cận.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Nhóm nghề các em vừa chọn sẽ theo suốt phần còn lại của chủ đề. Chọn được nghề có người quen đang làm là một lợi thế vì có thêm góc nhìn thực tế; tuy vậy, lời kể cần được đối chiếu với tài liệu chính thức và ít nhất một nguồn khác.

TIẾT 76. THÔNG TIN VÀ YÊU CẦU CƠ BẢN CỦA MỘT NHÓM NGHỀ

Kết nối hai tiết (3′): Nhóm nghề đã chọn xong. Tiết này học cách mô tả một nhóm nghề cho đầy đủ, vì nếu chỉ biết tên nghề thì chưa thể nói mình đã hiểu nghề ấy.

Sơ đồ sáu nhánh mô tả nhóm nghề sản xuất — SGK trang 57

Nhiệm vụ 2.4. Dựng sơ đồ sáu nhánh cho nhóm nghề của mình (42′)

a) Mục tiêu: Nêu được ít nhất bốn thông tin và yêu cầu cơ bản của nhóm nghề đã chọn theo sáu nhánh mà sách giáo khoa gợi ý.

b) Nội dung: Học sinh đọc sơ đồ nhóm nghề sản xuất ở sách giáo khoa trang 57 với sáu nhánh gồm yêu cầu cơ bản đối với người lao động, điều kiện đảm bảo an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp, đối tượng lao động, điều kiện lao động, mục đích lao động, công cụ và phương tiện lao động; sau đó dựng sơ đồ tương tự cho nhóm nghề mình đã chọn, dựa vào điều đã biết và lời kể của người thân.

c) Sản phẩm: Sơ đồ sáu nhánh của nhóm trên giấy A3, điền được ít nhất bốn nhánh bằng nội dung của chính nhóm nghề đã chọn, các nhánh còn thiếu ghi rõ cần hỏi thêm ai.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên chiếu sơ đồ nhóm nghề sản xuất ở sách giáo khoa trang 57, đọc qua sáu nhánh và giải thích khác biệt giữa đối tượng lao động là thứ người ta tác động vào, với công cụ lao động là thứ người ta dùng để tác động; phát giấy A3.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20′): Các nhóm vẽ sơ đồ và điền nội dung cho nhóm nghề mình chọn. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi lại nhóm nào chép nguyên nội dung trong sách: nghề

nhóm em chọn có làm việc với đất đai cây trồng không, nếu không thì đối tượng lao động của nghề ấy là gì.

3. Báo cáo, thảo luận (12′): Ba nhóm treo sơ đồ và trình bày. Lớp phản biện bằng hai câu hỏi: nhánh này em lấy thông tin từ đâu, và nhánh nào nhóm em thấy khó điền nhất.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Sáu nhánh này là bộ khung để hiểu bất kì nghề nào. Nhánh nào còn trống không phải là thất bại mà là câu hỏi các em mang đi hỏi người trong nghề ở các tiết sau.

TIẾT 77. CHỌN TỪ KHOÁ VÀ LẬP PHIẾU TÌM HIỂU NGHỀ

Kết nối hai tiết (3′): Sơ đồ tiết trước còn nhánh để trống. Tiết này lớp học cách lấp những chỗ trống ấy bằng tra cứu, và điều đầu tiên phải học là gõ từ khoá thế nào cho ra đúng thứ mình cần.

Nhiệm vụ 2.5. So ba từ khoá và ghi phiếu tìm hiểu nghề (42′)

a) Mục tiêu: Chọn được từ khoá phù hợp để tìm thông tin về nghề và ghi lại được mô tả công việc, nơi làm việc, dụng cụ thường dùng của ba nghề ở địa phương kèm tên nguồn và ngày tìm hiểu.

b) Nội dung: Giáo viên tra cứu trên máy của lớp và chiếu lên tivi; học sinh là người quyết định gõ từ khoá nào. Lớp thử ba từ khoá cho cùng một nghề: một từ khoá quá rộng chỉ có tên nghề, một từ khoá thêm địa danh, một từ khoá thêm cụm mô tả công việc hằng ngày. Sau đó cả lớp cùng xem một đoạn video giới thiệu nghề trên kênh chính thống và ghi phiếu.

c) Sản phẩm: Bảng so sánh ba từ khoá của mỗi nhóm, ghi rõ từ khoá nào cho kết quả sát nhất và vì sao; phiếu tìm hiểu nghề ở mục C Phụ lục 1 điền đủ ba nghề với mô tả công việc, nơi làm việc, dụng cụ thường dùng, tên nguồn và ngày tìm hiểu.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên nêu cách làm: các nhóm đề xuất từ khoá, giáo viên gõ trên máy của lớp và chiếu kết quả lên tivi cho cả lớp cùng đọc; phát bảng so sánh ba từ khoá và nhắc mọi thông tin chép về đều phải ghi kèm tên nguồn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20′): Lớp lần lượt thử ba từ khoá cho nghề đầu tiên, các nhóm ghi nhận xét vào bảng so sánh; sau đó xem đoạn video giới thiệu nghề và điền phiếu tìm hiểu nghề cho ba nghề. Giáo viên dừng ở mỗi trang kết quả đủ lâu để các nhóm kịp ghi và nhắc các em phân biệt trang giới thiệu nghề với trang quảng cáo tuyển sinh.

3. Báo cáo, thảo luận (12′): Bốn nhóm trình bày bảng so sánh: đọc ba từ khoá, nói từ khoá nào cho kết quả sát nhất và bỏ hai từ khoá kia vì lí do gì. Lớp kiểm tra chéo phiếu tìm hiểu nghề xem thông tin nào còn thiếu tên nguồn hoặc ngày tìm hiểu.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Từ khoá càng cụ thể thì kết quả càng ít lẫn; thêm địa danh và thêm cụm mô tả công việc là hai cách làm hẹp kết quả nhanh nhất. Một thông tin về nghề chỉ dùng được khi ghi rõ lấy ở đâu và lấy ngày nào, vì thông tin nghề nghiệp thay đổi theo thời gian.

TIẾT 78. SO LỜI MÁY VỚI LỜI NGƯỜI ĐANG LÀM NGHỀ

Kết nối hai tiết (3′): Tiết trước lớp đã tra cứu được khá nhiều thông tin. Tiết này thêm một nguồn nữa là lời của máy, và quan trọng hơn, học cách kiểm lại nguồn ấy bằng người thật.

Nhiệm vụ 2.6. Đối chiếu bản mô tả nghề của máy với lời kể của người trong nghề (42′)

a) Mục tiêu: Chỉ ra được những điểm khác biệt giữa bản mô tả công việc do một trợ lí trí tuệ nhân tạo đưa ra với lời kể của người đang làm nghề đó ở địa phương, và giải thích được vì sao có khác biệt.

b) Nội dung: Giáo viên phát bản in đã chuẩn bị từ trước, là kết quả một trợ lí trí tuệ nhân tạo mô tả công việc hằng ngày của hai nghề phổ biến ở địa phương. Học sinh đối chiếu bản in ấy với lời kể đã ghi được từ người thân hoặc người quen đang làm nghề đó, gạch chân chỗ khác biệt và xếp các khác biệt thành hai loại.

c) Sản phẩm: Phiếu đối chiếu của nhóm ở mục C Phụ lục 1, gồm ít nhất ba điểm khác biệt đã gạch chân, mỗi điểm kèm một dòng lí giải và được xếp vào loại máy nói chung chung hay loại máy nói sai với thực tế địa phương.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên phát bản in cho từng nhóm, nói rõ đây là kết quả máy trả về cho câu hỏi về công việc hằng ngày của nghề, và máy chưa từng đến địa phương mình; nêu nhiệm vụ đối chiếu với lời người thật đã hỏi được.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20′): Các nhóm đọc bản in, gạch chân chỗ khác với lời người trong nghề rồi viết lí giải. Giáo viên gợi ý bằng ba câu hỏi: máy có nói đúng dụng cụ mà bác ấy dùng không, máy có biết mùa vụ hay giờ giấc thật ở đây không, và máy có nhắc tới khó khăn mà bác ấy kể không.

3. Báo cáo, thảo luận (12′): Bốn nhóm trình bày phiếu đối chiếu. Lớp gom các điểm khác biệt lên bảng thành hai cột và nhận xét cột nào nhiều hơn, vì sao lại như vậy.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Máy viết trôi chảy vì nó gom từ rất nhiều nơi, nhưng chính vì thế nó chỉ nói được cái chung, không biết nghề ấy ở xã mình làm ra sao. Lời người đang làm nghề mới cho các em chi tiết thật. Cách dùng đúng là lấy bản của máy làm câu hỏi rồi mang đi hỏi lại người trong nghề.

TIẾT 79. BA CÁCH TÌM HIỂU VÀ THU THẬP THÔNG TIN VỀ NGHỀ

Kết nối hai tiết (3′): Năm tiết vừa qua lớp đã dùng nhiều cách khác nhau để biết về nghề mà chưa gọi tên chúng. Tiết này ngồi lại tổng kết: ta đã dùng những cách nào và cách nào đáng tin hơn.

Nhiệm vụ 2.7. Chia sẻ cách em đã dùng để tìm hiểu về nghề (20′)

a) Mục tiêu: Nêu được những cách bản thân đã thực hiện khi tìm hiểu thông tin về nghề và chỉ ra được cách nào giúp thu thập được thông tin chính xác, hiệu quả.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ nhất của hoạt động 2 ở sách giáo khoa trang 58, mỗi học sinh nhìn lại năm tiết vừa qua và liệt kê những cách mình đã dùng, sau đó đánh dấu cách nào cho thông tin đáng tin nhất và giải thích ngắn gọn.

c) Sản phẩm: Danh sách cách tìm hiểu nghề của mỗi học sinh, có đánh dấu cách được cho là đáng tin nhất kèm một câu giải thích.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′): Giáo viên yêu cầu mỗi em nhìn lại chuỗi tiết đã học và tự liệt kê những cách mình đã dùng để biết về một nghề, không cần theo thứ tự.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Học sinh viết cá nhân rồi trao đổi theo cặp để bổ sung cho nhau. Giáo viên gợi ý những cách dễ bị bỏ sót như hỏi người thân, quan sát trực tiếp nơi làm việc, xem video giới thiệu nghề, đọc tài liệu, hỏi trợ lí trí tuệ nhân tạo rồi kiểm lại.

3. Báo cáo, thảo luận (5′): Sáu học sinh đọc danh sách và nói cách mình tin nhất. Giáo viên gom lên bảng thành các nhóm cách làm giống nhau.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Không có cách nào tự nó đáng tin tuyệt đối. Cách đáng tin là cách cho phép các em kiểm tra lại khi nghi ngờ; người đang làm nghề là một nguồn quan trọng, bên cạnh thông tin từ cơ sở đào tạo, tuyển dụng và cơ quan quản lí.

Nhiệm vụ 2.8. Xác định ba cách thu thập thông tin về đặc điểm của nghề (22′)

a) Mục tiêu: Xác định được ba cách tìm hiểu, thu thập thông tin về những đặc điểm cơ bản của nghề mà bản thân quan tâm và nêu được ưu điểm, hạn chế của từng cách.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 2 ở sách giáo khoa trang 58, các nhóm chọn ba cách từ danh sách chung trên bảng và phân tích từng cách theo ba mục: thu được thông tin gì, ưu điểm, hạn chế; năm đặc điểm cần thu thập là đối tượng lao động, mục đích lao động, công việc chính, dụng cụ lao động và điều kiện lao động.

c) Sản phẩm: Bảng ba cách tìm hiểu nghề của nhóm, mỗi cách có ưu điểm, hạn chế và ghi rõ cách đó hợp để thu thập đặc điểm nào trong năm đặc điểm cơ bản.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên nêu năm đặc điểm cơ bản của nghề cần thu thập theo sách giáo khoa trang 58, phát bảng ba cột và giao mỗi nhóm chọn ba cách để phân tích.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Các nhóm điền bảng. Giáo viên nhắc phần hạn chế là phần hay bị bỏ trống, và gợi ý bằng câu hỏi: cách này có cho em biết điều kiện lao động thật không, hay chỉ cho em biết công việc trên giấy.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Ba nhóm trình bày bảng của mình. Lớp so sánh và chỉ ra đặc điểm nào chỉ có thể biết được bằng quan sát trực tiếp hoặc hỏi người trong nghề.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Mỗi cách chỉ mạnh ở một vài đặc điểm. Muốn hiểu đủ năm đặc điểm của một nghề thì phải phối hợp ít nhất hai cách, trong đó nên có một cách tiếp xúc với người thật.

TIẾT 80. YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC VÀ PHẨM CHẤT CỦA NGHỀ EM QUAN TÂM

Kết nối hai tiết (3′): Sáu tiết qua lớp đã biết cách tìm hiểu nghề. Tiết cuối của giai đoạn này chuyển câu hỏi về phía bản thân: nghề em đang để ý đòi hỏi người làm nghề những gì.

Hoạt động 3. Luyện tập – Phân tích yêu cầu về năng lực và phẩm chất của nghề (22′)

a) Mục tiêu: Phân tích được ít nhất bốn yêu cầu về năng lực và phẩm chất cần có của người lao động theo nhóm nghề đã tìm hiểu.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 2 ở sách giáo khoa trang 58, mỗi học sinh chọn một nghề mình quan tâm trong danh sách chung của lớp, rồi viết bốn yêu cầu về năng lực và phẩm chất, mỗi yêu cầu kèm một biểu hiện cụ thể trong công việc hằng ngày của nghề đó.

c) Sản phẩm: Phiếu bốn yêu cầu của mỗi học sinh ở mục D Phụ lục 1, mỗi yêu cầu có một biểu hiện cụ thể và ghi rõ thông tin lấy từ nguồn nào.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên lấy lại nhánh yêu cầu cơ bản đối với người lao động trong sơ đồ ở sách giáo khoa trang 57 làm mẫu, chỉ ra ba yêu cầu kiên trì, chăm chỉ, khéo tay đều đi kèm biểu hiện cụ thể; phát phiếu và nêu yêu cầu viết bốn dòng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Học sinh điền phiếu cá nhân. Giáo viên đi một vòng, hỏi lại em nào viết chung chung kiểu cần chăm chỉ: người làm nghề này chăm chỉ thể hiện ở việc gì, vào lúc mấy giờ, làm trong bao lâu.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Học sinh trao đổi phiếu theo cặp, mỗi em góp ý cho bạn theo một câu hỏi duy nhất: yêu cầu này có riêng cho nghề ấy không, hay nghề nào cũng cần.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Yêu cầu của một nghề chỉ rõ nét khi nó gắn với công việc thật của nghề ấy. Những phẩm chất nghề nào cũng cần thì nói ra không giúp các em phân biệt được nghề này với nghề khác.

Hoạt động 4. Vận dụng – Hoàn thiện hồ sơ tìm hiểu nghề và chuẩn bị trải nghiệm (20′)

a) Mục tiêu: Hoàn thiện hồ sơ tìm hiểu nghề của bản thân và chuẩn bị điều kiện để bước vào giai đoạn trải nghiệm nghề ở các tiết tiếp theo của chủ đề.

b) Nội dung: Mỗi học sinh rà lại toàn bộ Phụ lục 1, bổ sung những chỗ còn trống, đặc biệt là các nhánh chưa điền được trong sơ đồ sáu nhánh; sau đó viết ba câu hỏi mình sẽ mang đi hỏi người đang làm nghề và liên hệ trước một địa chỉ có thể đến tìm hiểu.

c) Sản phẩm: Hồ sơ tìm hiểu nghề của mỗi học sinh gồm phiếu tìm hiểu ba nghề, phiếu đối chiếu, phiếu bốn yêu cầu và ba câu hỏi chuẩn bị; danh sách địa chỉ mà các nhóm đã liên hệ được.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên nêu danh mục những gì phải có trong hồ sơ, nhắc lại toàn bộ quy định an toàn khi đi hỏi chuyện người lao động và yêu cầu mỗi nhóm liên hệ trước một địa chỉ.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8′): Học sinh rà lại phiếu, bổ sung chỗ trống và viết ba câu hỏi chuẩn bị. Giáo viên giúp các em sửa những câu hỏi chỉ trả lời được bằng có hoặc không thành câu hỏi mở.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Mỗi nhóm báo cáo nhanh địa chỉ đã liên hệ và ba câu hỏi được nhóm cho là hay nhất. Lớp góp ý để câu hỏi sát với nghề hơn.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Hồ sơ các em vừa hoàn thiện là hành trang cho phần sau của chủ đề, khi lớp bước ra khỏi tài liệu để trải nghiệm nghề thật. Ba câu hỏi chuẩn bị tốt sẽ quyết định buổi gặp ấy thu được gì.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 9 – PHẦN ĐẦU (TIẾT 74 ĐẾN TIẾT 80)

Họ và tên: …… Lớp: …… Nhóm: ……

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Từ lúc thức dậy đến khi vào lớp sáng nay, em đã dùng đến công việc của những ai?
2. Trong gia đình và trong xóm em, mọi người đang làm những nghề gì?
3. Có nghề nào em muốn biết rõ hơn không? Em muốn biết điều gì về nghề ấy?

B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 9 – PHẦN ĐẦU

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu minh hoạ	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	*Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.*	*Nêu một ví dụ, số liệu hoặc tư liệu minh hoạ.*	*Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.*
1. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở địa phương			
2. Thông tin và yêu cầu cơ bản của một nhóm nghề			
3. Cách tìm hiểu, thu thập thông tin về nghề			
4. Yêu cầu về năng lực, phẩm chất của người lao động			

C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

Trong phần đầu chủ đề này em làm hai việc: chọn từ khoá để tìm thông tin về nghề, và đọc lại bản mô tả nghề do máy viết trước khi tin. Hai ví dụ dưới đây giúp em thấy vì sao cùng một câu hỏi lại cho những câu trả lời khác nhau.

Ví dụ A: cả lớp cùng tìm về nghề trồng và chăm sóc cây ăn quả. Bạn thứ nhất gõ hai chữ tên nghề, kết quả hiện ra hàng loạt trang của các tỉnh khác. Bạn thứ hai gõ thêm tên huyện mình, kết quả thu hẹp lại còn vài trang gần đúng.

Ví dụ B: một trợ lí trí tuệ nhân tạo được hỏi người làm nghề này mỗi ngày làm những việc gì. Nó trả lời rất mạch lạc, nhưng khi em hỏi lại bác đang làm nghề ấy thì bác kể nhiều việc mà bản của máy không hề nhắc tới.

Trả lời bốn câu hỏi sau:

1. Vì sao cùng một nghề mà hai từ khoá ở ví dụ A lại cho kết quả khác nhau nhiều đến vậy?
2. Ngoài tên huyện, em còn có thể thêm gì vào từ khoá để kết quả sát hơn nữa?
3. Vì sao bản mô tả của máy ở ví dụ B lại thiếu những việc mà bác trong nghề kể ra?
4. Khi thông tin của máy khác với lời người đang làm nghề, em tin bên nào và vì sao?

Phiếu tìm hiểu nghề của em (ghi cho ba nghề ở địa phương):

Tên nghề	Mô tả công việc	Nơi làm việc	Dụng cụ thường dùng	Nguồn và ngày tìm hiểu

Bảng so sánh ba từ khoá của nhóm em:

– Từ khoá 1: …… Kết quả ra sao: ……

– Từ khoá 2: …… Kết quả ra sao: ……

– Từ khoá 3: …… Kết quả ra sao: ……

– Từ khoá cho kết quả sát nhất và lí do: ……

Phiếu đối chiếu lời máy với lời người trong nghề:

– Nghề được đối chiếu: …… Người kể: ……

– Điểm khác biệt 1: …… Vì sao khác: ……

– Điểm khác biệt 2: …… Vì sao khác: ……

– Điểm khác biệt 3: …… Vì sao khác: ……

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

D1. Phân loại nghề ở địa phương em (làm theo nhóm)

Hoạt động sản xuất	Hoạt động kinh doanh	Hoạt động dịch vụ	Căn cứ em dùng để phân loại

D2. Bốn yêu cầu về năng lực, phẩm chất của nghề em quan tâm

Yêu cầu về năng lực hoặc phẩm chất	Biểu hiện cụ thể trong công việc của nghề	Thông tin này lấy từ đâu

D3. Ba câu hỏi em sẽ mang đi hỏi người đang làm nghề

1. ……

2. ……

3. ……

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu	Rút ra điều gì?
1. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở địa phương	SGK trang 57 yêu cầu kể tên các nghề đang có ở địa phương, xác định nghề nào thuộc hoạt động sản xuất, kinh doanh hay dịch vụ và nêu căn cứ nhận định.	Sơ đồ gợi ý ở trang 57 chia nhóm nghề kinh doanh ở địa phương thành ba nhánh: đại lí bán buôn bán lẻ hàng tiêu dùng, hàng nông sản, phân bón; bán hàng trong cửa hàng tạp hoá, may mặc, văn phòng phẩm; bán hàng ở siêu thị điện máy và siêu thị hàng tiêu dùng.	Ranh giới ba nhóm không phải lúc nào cũng rạch ròi; điều quan trọng là nêu được căn cứ phân loại chứ không phải xếp đúng ô.
2. Thông tin và yêu cầu cơ bản của một nhóm nghề	SGK trang 57 đưa sơ đồ nhóm nghề sản xuất với sáu nhánh mô tả đầy đủ một nhóm nghề.	Sáu nhánh gồm: yêu cầu cơ bản đối với người lao động là kiên trì, chăm chỉ, khéo tay, thích và có khả năng làm việc với vật cụ thể, có kiến thức kĩ năng về kĩ thuật sản xuất; điều kiện đảm bảo an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp; đối tượng lao động là đất đai, cây trồng, vật nuôi; điều kiện lao động là chủ yếu làm việc ngoài trời; mục đích lao động là làm ra sản phẩm phục vụ nhu cầu ăn, mặc, ở, đi lại; công cụ và phương tiện lao động là các dụng cụ, máy móc.	Sáu nhánh là bộ khung dùng được cho bất kì nghề nào; nhánh nào còn trống chính là câu hỏi cần mang đi hỏi người trong nghề.
3. Cách tìm hiểu, thu thập thông tin về nghề	SGK trang 58 yêu cầu chia sẻ những cách đã thực hiện khi tìm hiểu thông tin về nghề, chỉ ra cách nào cho thông tin chính xác, hiệu quả, rồi thảo luận xác định cách thu thập thông tin về đặc điểm cơ bản của nghề và yêu cầu đối với người lao động.	Năm đặc điểm cơ bản cần thu thập theo trang 58: đối tượng lao động, mục đích lao động, công việc chính, dụng cụ lao động, điều kiện lao động. Khung đánh giá trang 59 yêu cầu nêu được ba cách tìm hiểu, thu thập thông tin về nghề.	Mỗi cách chỉ mạnh ở một vài đặc điểm; nên phối hợp ít nhất hai cách, trong đó có một cách tiếp xúc với người đang làm nghề.
4. Yêu cầu về năng lực, phẩm	SGK trang 58 yêu cầu thảo luận cách thu thập	Nhánh yêu cầu cơ bản trong sơ đồ trang 57 nêu	Yêu cầu của nghề chỉ rõ nét khi gắn với công

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu	Rút ra điều gì?
chất của người lao động	thông tin về yêu cầu năng lực, phẩm chất của nghề đối với người lao động; khung đánh giá trang 59 đặt mức cần đạt là phân tích được ít nhất bốn yêu cầu theo nhóm nghề.	ba yêu cầu mẫu cho nhóm nghề sản xuất: kiên trì, chăm chỉ, khéo tay; thích và có khả năng làm việc với vật cụ thể, cây trồng, vật nuôi; có kiến thức, kĩ năng về kĩ thuật sản xuất.	việc thật; phẩm chất nghề nào cũng cần thì không giúp phân biệt nghề này với nghề khác.

2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

Câu hỏi 1 – hai chữ tên nghề là từ khoá quá rộng, máy tìm trả về mọi trang có chứa cụm ấy trên cả nước. Thêm tên huyện là thêm một điều kiện lọc, nên kết quả thu hẹp lại và sát với địa phương hơn.

Câu hỏi 2 – có thể thêm cụm mô tả công việc hằng ngày, thêm tên loại cây hoặc loại sản phẩm cụ thể của địa phương, hoặc thêm năm để loại bớt những trang đã quá cũ.

Câu hỏi 3 – trợ lí trí tuệ nhân tạo viết dựa trên rất nhiều văn bản đã gom được từ khắp nơi, nên nó chỉ nói được phần chung của nghề. Nó không biết mùa vụ, giờ giấc, thời tiết hay cách làm riêng ở xã mình, cũng không biết những việc lặt vặt mà người trong nghề phải làm mỗi ngày.

Câu hỏi 4 – tin lời người đang làm nghề khi nói về công việc cụ thể ở địa phương, vì đó là điều họ trực tiếp trải qua. Bản của máy vẫn dùng được, nhưng dùng theo cách khác: lấy nó làm danh sách câu hỏi để hỏi lại cho đầy đủ, không lấy làm câu trả lời cuối cùng.

Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):

– Giải thích được vì sao hai từ khoá cho kết quả khác nhau: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Ghi đủ tên nguồn và ngày tìm hiểu cho cả ba nghề trong phiếu: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Chỉ ra được ít nhất ba điểm khác biệt giữa lời máy và lời người trong nghề: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Nêu được cách xử lí khi hai nguồn thông tin không khớp nhau: Đạt hoặc Chưa đạt.

3. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – danh sách nghề chỉ toàn những nghề nghe sang như bác sĩ, kĩ sư mà bỏ qua nghề ngay trong xóm. Gợi mở: hỏi sáng nay em mua đồ ăn của ai, xe hỏng thì em mang đến đâu, nhà em thu hoạch xong bán cho ai.

Lỗi 2 – phân loại nghề mà không nêu được căn cứ, xếp theo cảm tính. Gợi mở: hỏi ba câu — nghề này làm ra vật mới, mua đi bán lại, hay phục vụ một nhu cầu của người khác.

Lỗi 3 – chép nguyên nội dung sơ đồ nhóm nghề sản xuất trong sách vào sơ đồ nhóm nghề của mình. Gợi mở: hỏi nghề nhóm em chọn có làm việc với đất đai cây trồng không, nếu không thì đối tượng lao động là gì.

Lỗi 4 – phiếu tìm hiểu nghề ghi thông tin nhưng bỏ trống cột nguồn hoặc ngày. Gợi mở: hỏi nếu sang năm thông tin này thay đổi thì em mở lại ở đâu để kiểm.

Lỗi 5 – coi bản mô tả nghề của máy là chuẩn rồi sửa lời người trong nghề cho khớp. Gợi mở: hỏi ai là người trực tiếp làm việc đó mỗi ngày, và máy đã đến xã mình bao giờ chưa.

Lỗi 6 – yêu cầu về năng lực, phẩm chất viết chung chung kiểu cần chăm chỉ, cần cẩn thận. Gợi mở: hỏi người làm nghề này cẩn thận ở khâu nào, nếu không cẩn thận ở khâu đó thì hỏng chuyện gì.

4. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Nhận diện và phân loại nghề	Kể được nhiều nghề có thật ở địa phương; phân loại đúng và nêu được căn cứ cho từng nghề.	Kể và phân loại được các nghề phổ biến.	Danh sách nghèo nàn hoặc phân loại theo cảm tính, không nêu được căn cứ.
Thông tin về nghề và yêu cầu với người lao động	Điền được ít nhất bốn nhánh bằng nội dung riêng của nghề; bốn yêu cầu đều có biểu hiện cụ thể.	Nêu được thông tin cơ bản và bốn yêu cầu của nghề.	Chép lại nội dung trong sách hoặc viết chung chung, nghề nào cũng đúng.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	So được ba từ khoá và giải thích khác biệt; phiếu đủ nguồn và ngày; chỉ ra được điểm khác biệt giữa lời máy và lời người trong nghề kèm lí giải.	Chọn được từ khoá phù hợp và ghi được nguồn cho phần lớn thông tin.	Chép thông tin không rõ xuất xứ hoặc coi bản mô tả của máy là chuẩn duy nhất.
Hợp tác, an toàn	Đúng vai, đúng giờ; xin phép lịch sự khi hỏi chuyện người lao động, ghi đúng lời người kể.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản.	Thiếu phối hợp hoặc không giữ quy định khi tiếp xúc với người ngoài nhà trường.

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày …… tháng …… năm 2026
GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)

SỞ GD&ĐT: ……
TRƯỜNG: ……
TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 10

BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG — (Năm học 2026 - 2027)

CHỦ ĐỀ 10. HIỂU BẢN THÂN ĐỂ CHỌN NGHỀ PHÙ HỢP

(Số tiết: 9 — tuần 29 đến tuần 32, tiết 87 đến tiết 95)

Giáo viên: …… | Lớp: …… | Ngày dạy: ……

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

– Nêu được ba yêu cầu của việc chọn nghề phù hợp theo ba thẻ gợi ý ở sách giáo khoa trang 62: chọn nghề bản thân yêu thích và có khả năng đáp ứng, chọn nghề bản thân hiểu biết đầy đủ, chọn nghề xã hội có nhu cầu.

– Phân biệt được năm mức độ giữa sự yêu thích và khả năng của bản thân đối với một nghề, từ rất thích và có khả năng đến không thích và không có khả năng.

– Nêu được lợi ích của việc chọn nghề phù hợp đối với bản thân và đối với gia đình.

– Đưa ra được lí lẽ ủng hộ hoặc phản đối hai quan điểm chọn nghề nêu ở sách giáo khoa trang 63 và đưa được lời khuyên chọn nghề cho bốn tình huống của Hoàng, Hồng, Mai và Minh.

– Xác định được ít nhất một nghề hoặc nhóm nghề dự định lựa chọn, ghi rõ nghề đó thuộc nhóm nghề sản xuất, nhóm nghề kinh doanh hay nhóm nghề dịch vụ.

– Đánh giá được ít nhất ba đặc điểm của bản thân phù hợp và chưa phù hợp với nghề hoặc nhóm nghề định lựa chọn, bằng cách đối chiếu đặc điểm của mình với yêu cầu của nhóm nghề.

– Xây dựng được kế hoạch rèn luyện bản thân theo định hướng nghề nghiệp đủ ba cột: những đặc điểm cần rèn luyện, biện pháp rèn luyện và kết quả mong đợi.

– Lựa chọn và thực hiện được cách rèn luyện phù hợp để có được phẩm chất, năng lực cần thiết cho nghề hoặc nhóm nghề định lựa chọn.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực định hướng nghề nghiệp khi tự đánh giá sự phù hợp của bản thân với nhóm nghề định chọn; năng lực thích ứng với cuộc sống khi nhận ra chỗ mình còn thiếu so với yêu cầu của nghề và bắt tay vào rèn luyện; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi lập kế hoạch rèn luyện có biện pháp và kết quả mong đợi.

Năng lực chung: tự chủ và tự học khi tự soi lại sở thích, khả năng, tính cách của mình; giao tiếp và hợp tác khi tranh biện về quan điểm chọn nghề và khi cho bạn lời khuyên; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi tìm cách bù chỗ chưa phù hợp giữa mình và nghề mong muốn.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

6.3.NC1a – đánh giá độ chính xác và độ tin cậy của hệ thống trí tuệ nhân tạo. Cụ thể trong chủ đề này: học sinh làm một phiếu trắc nghiệm hướng nghiệp do giáo viên in sẵn ra giấy, tự chấm trên phiếu để ra nhóm nghề được máy gợi ý, sau đó đối chiếu kết quả ấy với bảng tự đánh giá đặc điểm bản thân đã làm ở tiết trước; mỗi em chỉ ra ít nhất hai chỗ khớp và hai chỗ lệch, kèm lí do vì sao công cụ gợi ý chưa đúng về mình.

10.B3 – đạo đức trong vận hành và sáng tạo trí tuệ nhân tạo. Cụ thể trong chủ đề này: học sinh đọc bản in kết quả một phần mềm trí tuệ nhân tạo gợi ý nghề riêng cho nam và riêng cho nữ, chỉ ra chỗ gợi ý thiên vị theo giới tính, đối chiếu với những nghề có thật ở địa phương đang do cả nam và nữ làm, rồi giải thích vì sao không nên phó mặc cho máy quyết định nghề của mình.

Minh chứng: phiếu trắc nghiệm hướng nghiệp đã tự chấm kèm bảng đối chiếu hai cột khớp và lệch; phiếu nhận xét gợi ý thiên vị giới tính có cột nghề thật ở địa phương; kế hoạch rèn luyện bản thân theo định hướng nghề nghiệp.

3. Phẩm chất

Trung thực: nhìn đúng sở thích và khả năng của mình, không tô hồng cũng không hạ thấp bản thân khi tự đánh giá.

Chăm chỉ: kiên trì thực hiện kế hoạch rèn luyện đã lập, không bỏ dở khi thấy chậm kết quả.

Trách nhiệm: chủ động lo cho tương lai của mình, không đẩy việc chọn nghề cho người khác quyết định thay.

Nhân ái: tôn trọng lựa chọn nghề của bạn, không chê nghề nào là thấp kém và không gán nghề theo giới tính.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 60–65 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có nối mạng; giấy A3, giấy A4 và bút màu; bản in ba thẻ gợi ý yêu cầu chọn nghề ở trang 62; bản in năm thẻ mức độ thích và khả năng ở trang 62; bản in bốn tình huống ở trang 63; bản in bảng ba cột kế hoạch rèn luyện ở trang 64; PHIẾU TRẮC NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP in sẵn trên giấy kèm bảng quy đổi điểm để học sinh tự chấm; BẢN IN KẾT QUẢ phần mềm trí tuệ nhân tạo gợi ý nghề riêng cho nam và riêng cho nữ, chuẩn bị từ trước; danh sách nghề có thật ở địa phương do giáo viên sưu tầm; phiếu học tập ở Phụ lục 1; một đoạn video hoặc bài hát ngắn về nghề nghiệp để khởi động.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút; bảng tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu đã làm ở chủ đề Khám phá bản thân; hiểu biết về nghề của người thân trong gia đình và của người làm nghề ở nơi mình ở.

Phương án dự phòng: trường chỉ có tivi và một máy tính của giáo viên, học sinh không có thiết bị riêng và cũng không có phòng máy, nên phiếu trắc nghiệm hướng nghiệp được in ra giấy cho từng em, hoặc chiếu chung trên tivi để cả lớp ghi đáp án vào phiếu rồi tự chấm bằng bảng quy đổi điểm in kèm. Toàn bộ phần đối chiếu kết quả làm trên giấy. Khi mất điện hoặc không có mạng, giáo viên dùng bản in phiếu trắc nghiệm, bản in bảng quy đổi và bản in kết quả gợi ý nghề đã chuẩn bị từ trước; mọi nhiệm vụ vẫn chạy đủ.

An toàn: học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân, không nhập họ tên thật, ngày sinh, số điện thoại hay địa chỉ nhà vào bất kì trang trắc nghiệm hướng nghiệp nào. Kết quả trắc nghiệm của mỗi em là chuyện riêng, chỉ chia sẻ khi em ấy đồng ý; lớp không lấy kết quả của bạn ra bình phẩm. Khi nói về nghề của người thân, học sinh chỉ nêu tên nghề, không nêu thu nhập hay chuyện riêng của gia đình.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: biết thế nào là nghề phù hợp → cân sở thích với khả năng → tranh biện và khuyên bạn → soi lại chính mình → thử công cụ gợi ý nghề rồi kiểm lại nó → nhìn ra chỗ máy thiên vị → lập kế hoạch rèn luyện → làm thật.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
87	Thế nào là một nghề phù hợp với mình?	Bảng ba yêu cầu chọn nghề phù hợp trên giấy A3 kèm ví dụ nghề ở địa phương	45 phút
88	Thích và có khả năng — hai điều này lệch nhau thì sao?	Phiếu xếp nghề vào năm mức độ và danh sách lợi ích của việc chọn nghề phù hợp	45 phút
89	Chọn nghề theo số đông hay theo đặc điểm của mình?	Biên bản tranh biện hai quan điểm, mỗi bên ba lí lẽ có dẫn chứng	45 phút
90	Bốn bạn trong sách nên được khuyên thế nào?	Bốn lời khuyên chọn nghề, mỗi lời khuyên bám một yêu cầu chọn nghề phù hợp	45 phút
91	Em là người thế nào và nghề em muốn đòi hỏi những gì?	Bảng tự đánh giá: danh sách nghề ưu tiên và ba đặc điểm phù hợp, ba đặc điểm chưa phù hợp	45 phút
92	Công cụ gợi ý nghề nói đúng về em đến đâu?	Phiếu trắc nghiệm đã tự chấm kèm bảng đối chiếu hai cột khớp và lệch	45 phút
93	Vì sao máy gợi ý nghề khác nhau cho nam và cho nữ?	Phiếu nhận xét gợi ý thiên vị giới tính kèm cột nghề thật ở địa phương	45 phút
94	Em cần rèn gì để đủ sức với nghề mình chọn?	Kế hoạch rèn luyện bản thân đủ ba cột theo mẫu sách giáo khoa trang 64	45 phút
95	Rèn được đến đâu và mang gì lên lớp 11?	Nhật kí rèn luyện, hồ sơ hướng nghiệp cá nhân và phiếu tự đánh giá chủ đề	45 phút

TIẾT 87. YÊU CẦU CỦA VIỆC CHỌN NGHỀ PHÙ HỢP

Hoạt động 1. Mở đầu – Bốn nghề trong đầu bạn ấy (8′)

a) Mục tiêu: Khơi lên nhu cầu tìm hiểu thế nào là nghề phù hợp và làm xuất hiện câu hỏi lớn của chủ đề: nghề mình thích có phải nghề hợp với mình không.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu tranh mở đầu chủ đề ở sách giáo khoa trang 60: một bạn nam đứng nghĩ, quanh bạn là bốn hình dung về nghề gồm người hái cam trong vườn, thợ sửa xe máy, kĩ sư cầm bản vẽ đội mũ bảo hộ và thợ cơ khí giữa kim loại trên ê tô. Học sinh trả lời ba câu hỏi mở đầu ở mục A của Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Ba câu trả lời ngắn của mỗi học sinh ở mục A Phụ lục 1; danh sách nghề mà cả lớp đang nghĩ tới được ghi lên bảng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (1′): Giáo viên chiếu tranh trang 60 lên tivi, phát Phụ lục 1 và yêu cầu mỗi em trả lời ba câu hỏi ở mục A trong ba phút, viết thật ngắn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (3′): Học sinh nhìn tranh, tự viết câu trả lời. Giáo viên đi một vòng, nhắc em nào mới viết được tên nghề mà chưa trả lời câu hỏi vì sao.

3. Báo cáo, thảo luận (3′): Bốn đến năm học sinh đọc câu trả lời. Giáo viên ghi tên các nghề lên bảng thành hai cột: nghề em thích và nghề em thấy mình làm được.

4. Kết luận, nhận định (1′): GV chốt: Hai cột trên bảng không trùng nhau, và khoảng cách giữa chúng chính là việc chủ đề này phải làm rõ trước khi các em bước vào lớp 11.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

a) Mục tiêu: Đi hết bốn định hướng nội dung của chủ đề ở sách giáo khoa trang 61, từ yêu cầu chọn nghề phù hợp đến đánh giá sự phù hợp của bản thân và kế hoạch rèn luyện.

b) Nội dung: Mười nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 87 đến tiết 94, bám năm hoạt động của sách giáo khoa trang 62 đến trang 65.

c) Sản phẩm: Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

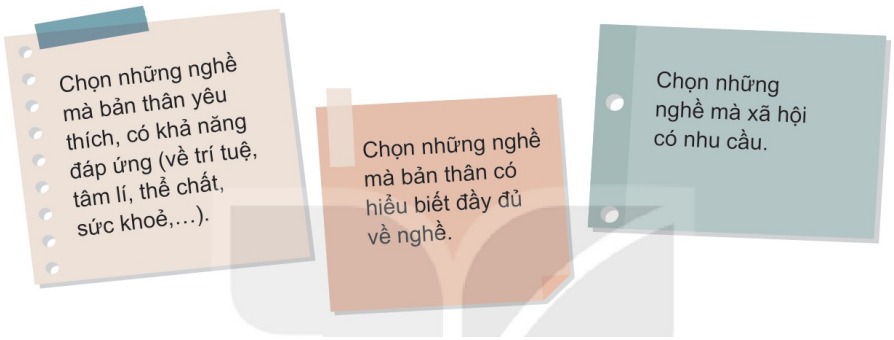

Ba thẻ gợi ý yêu cầu của việc chọn nghề phù hợp — SGK trang 62

Nhiệm vụ 2.1. Ba yêu cầu của việc chọn nghề phù hợp (37′)

a) Mục tiêu: Nêu được ba yêu cầu của việc chọn nghề phù hợp và giải thích được vì sao thiếu một trong ba yêu cầu ấy thì lựa chọn dễ hỏng.

b) Nội dung: Học sinh đọc ba thẻ gợi ý ở sách giáo khoa trang 62 gồm chọn nghề bản thân yêu thích và có khả năng đáp ứng về trí tuệ, tâm lí, thể chất, sức khoẻ; chọn nghề bản thân hiểu biết đầy đủ về nghề; chọn nghề xã hội có nhu cầu. Mỗi nhóm tìm cho từng yêu cầu một ví dụ nghề có thật ở địa phương và một hậu quả khi bỏ qua yêu cầu đó.

c) Sản phẩm: Bảng ba yêu cầu chọn nghề phù hợp trên giấy A3 của nhóm. Mỗi yêu cầu có một ví dụ nghề ở địa phương và một câu nói rõ chuyện gì xảy ra nếu bỏ qua yêu cầu ấy.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4′): Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phát mỗi nhóm bản in ba thẻ gợi ý trang 62, một tờ giấy A3 và bút màu; nói rõ sản phẩm phải nộp là bảng ba yêu cầu có ví dụ ở địa phương.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18′): Các nhóm chép ba yêu cầu rồi tìm ví dụ và hậu quả. Giáo viên đi từng nhóm, gợi ý nhóm nào bí bằng hai câu hỏi: ở xã ta ai đang làm nghề này, và người bỏ nghề giữa chừng thường vì thiếu điều gì trong ba điều trên.

3. Báo cáo, thảo luận (10′): Ba nhóm treo bảng và trình bày, mỗi nhóm khoảng hai phút. Ba nhóm còn lại nêu ví dụ khác và chỉ ra yêu cầu nào hay bị bỏ qua nhất ở lứa tuổi các em.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Cần cân nhắc đồng thời cả ba yêu cầu. Nếu yêu thích nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của nghề thì phải có kế hoạch rèn luyện thêm; nếu có khả năng nhưng chưa hiểu nghề thì dễ chọn lệch; nếu phù hợp với bản thân nhưng nhu cầu xã hội hạn chế thì cơ hội việc làm có thể thấp. Vì vậy, quyết định chọn nghề cần dựa trên thông tin cập nhật và được xem xét lại theo thời gian.

TIẾT 88. CÂN SỞ THÍCH VỚI KHẢ NĂNG VÀ LỢI ÍCH CỦA VIỆC CHỌN NGHỀ PHÙ HỢP

Kết nối hai tiết (3′): Tiết trước lớp đã có ba yêu cầu của việc chọn nghề phù hợp. Tiết này soi kĩ vào hai yêu cầu đầu, vì đúng chỗ đó là nơi sở thích và khả năng của mỗi người thường lệch nhau.

Năm thẻ mức độ giữa sự yêu thích và khả năng của bản thân — SGK trang 62

Nhiệm vụ 2.2. Xếp nghề vào năm mức độ thích và khả năng (20′)

a) Mục tiêu: Phân biệt được năm mức độ giữa sự yêu thích và khả năng của bản thân đối với một nghề; nêu được ý kiến nên chọn nghề ở mức độ nào.

b) Nội dung: Học sinh dùng năm thẻ ở sách giáo khoa trang 62 gồm rất thích nhưng không có khả năng, rất thích và có khả năng, không thích và không có khả năng, có khả năng nhưng không thích, tương đối có khả năng và tương đối thích; mỗi em xếp ba nghề mình từng nghĩ tới vào đúng thẻ và nói ý kiến của mình về việc chọn nghề ở từng mức độ.

c) Sản phẩm: Phiếu năm mức độ của mỗi học sinh, có ít nhất ba nghề đã xếp và một dòng ý kiến riêng về mức độ nào đáng chọn nhất, mức độ nào không nên chọn.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′): Giáo viên phát bản in năm thẻ, nhắc học sinh xếp bằng nghề thật mình từng nghĩ tới chứ không xếp nghề chung chung.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Học sinh làm cá nhân rồi trao đổi theo cặp. Giáo viên nhắc em nào xếp toàn bộ vào thẻ rất thích và có khả năng hãy tự hỏi lại mình đã biết nghề đó cần gì chưa.

3. Báo cáo, thảo luận (5′): Bốn học sinh đọc phiếu và nói ý kiến về mức độ nên chọn. Lớp tranh luận ngắn quanh thẻ rất thích nhưng không có khả năng, xem còn cách nào cứu được không.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Thẻ đáng chọn nhất là rất thích và có khả năng, nhưng phần đông các em đang ở thẻ tương đối. Từ thẻ tương đối đi lên được là nhờ rèn luyện, còn thẻ rất thích mà không có khả năng thì phải xem khả năng ấy rèn được hay không rèn được.

Nhiệm vụ 2.3. Lợi ích của việc chọn nghề phù hợp (22′)

a) Mục tiêu: Nêu được lợi ích của việc chọn nghề phù hợp đối với bản thân và đối với gia đình, kèm dẫn chứng từ người thật mình biết.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ ba của sách giáo khoa trang 62, các nhóm liệt kê lợi ích theo hai hướng là đối với bản thân và đối với gia đình, mỗi hướng ít nhất ba lợi ích, mỗi lợi ích kèm một dẫn chứng lấy từ một người đang làm nghề mà nhóm biết.

c) Sản phẩm: Bảng hai cột lợi ích của nhóm, mỗi cột ba lợi ích kèm dẫn chứng; những lợi ích trùng nhau ở nhiều nhóm được gom lên bảng lớp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên kẻ hai cột lên bảng, nêu yêu cầu mỗi lợi ích phải kèm một dẫn chứng và nhắc chỉ nói tên nghề, không nói thu nhập hay chuyện riêng của gia đình ai.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Các nhóm thảo luận và ghi bảng. Giáo viên hỏi nhóm nào viết lợi ích chung chung: người đó khác gì so với người làm nghề không hợp, các em nhìn vào đâu mà biết.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Ba nhóm trình bày. Lớp gom lợi ích trùng nhau lên bảng và chỉ ra lợi ích nào chỉ thấy được sau nhiều năm, lợi ích nào thấy được ngay.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Chọn nghề phù hợp thì đi làm đỡ mệt, học tiếp đỡ nản và ít phải làm lại từ đầu. Gia đình cũng đỡ tốn công và tốn tiền cho việc học lại một nghề khác.

TIẾT 89. TRANH BIỆN VỀ HAI QUAN ĐIỂM CHỌN NGHỀ

Kết nối hai tiết (3′): Hai tiết đầu đã dựng xong khung lí thuyết. Tiết này đem khung ấy ra thử lửa bằng một cuộc tranh biện, vì hai quan điểm sắp nêu đang được rất nhiều người tin theo.

Nhiệm vụ 2.4. Tranh biện hai quan điểm chọn nghề (42′)

a) Mục tiêu: Đưa ra được lí lẽ ủng hộ hoặc phản đối hai quan điểm chọn nghề nêu ở sách giáo khoa trang 63 và bảo vệ được lí lẽ ấy bằng dẫn chứng.

b) Nội dung: Lớp tranh biện hai quan điểm nguyên văn trong sách. Quan điểm thứ nhất: không cần phải chọn nghề phù hợp với đặc điểm của bản thân, chỉ cần chọn nghề được nhiều người trong xã hội ưa chuộng. Quan điểm thứ hai: chọn nghề phù hợp là yếu tố quyết định sự thành công trong hoạt động nghề nghiệp. Mỗi quan điểm chia lớp thành phe ủng hộ và phe phản đối.

c) Sản phẩm: Biên bản tranh biện của lớp cho hai quan điểm, mỗi phe ghi ba lí lẽ kèm dẫn chứng và một câu kết luận chung mà cả lớp thống nhất được sau khi nghe hai phía.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên viết hai quan điểm lên bảng, chia lớp thành bốn phe theo bốn tổ, nêu luật tranh biện: nói về lí lẽ, không nói về người; mỗi lượt nói không quá một phút.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20′): Các phe chuẩn bị lí lẽ và dẫn chứng. Giáo viên đi từng phe, yêu cầu mỗi lí lẽ phải kèm một ví dụ nghề có thật, đồng thời nhắc phe phản đối quan điểm thứ hai tìm cho được trường hợp hợp nghề mà vẫn chưa thành công vì thiếu chăm chỉ hoặc thiếu cơ hội.

3. Báo cáo, thảo luận (12′): Hai vòng tranh biện, mỗi vòng cho một quan điểm. Sau mỗi vòng, học sinh không thuộc hai phe ghi lại lí lẽ mình thấy thuyết phục nhất và nói vì sao.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Nghề được nhiều người ưa chuộng hôm nay chưa chắc còn được ưa chuộng khi các em ra trường, mà đặc điểm của mỗi người thì đi theo mình suốt đời. Chọn nghề phù hợp là điều kiện cần, còn thành công thì phải cộng thêm chăm chỉ và cơ hội.

TIẾT 90. LỜI KHUYÊN CHỌN NGHỀ CHO BỐN TÌNH HUỐNG

Kết nối hai tiết (3′): Tranh biện xong lớp đã có lí lẽ. Tiết này dùng lí lẽ ấy để khuyên bốn bạn trong sách, vì khuyên người khác cho đúng cũng là cách tập nhìn lại chính mình.

Nhiệm vụ 2.5. Đưa lời khuyên chọn nghề cho bốn tình huống (42′)

a) Mục tiêu: Đưa được lời khuyên chọn nghề phù hợp cho bốn tình huống ở sách giáo khoa trang 63, mỗi lời khuyên bám vào một trong ba yêu cầu chọn nghề đã học.

b) Nội dung: Bốn tình huống nguyên văn trong sách: Hoàng học giỏi Ngữ văn, thích đọc tiểu thuyết và xem phim tâm lí xã hội, mơ làm nhà biên kịch hoặc đạo diễn nhưng băn khoăn vì không bạn nào trong lớp có nguyện vọng giống mình; Hồng ngưỡng mộ cô Lan làm bác sĩ nên chọn nghề bác sĩ dù học Khoa học tự nhiên không tốt, rất sợ nhìn thấy máu và thiếu hiểu biết về công việc của nghề; Mai rất thích ca hát, mơ thành ca sĩ nhưng giọng hát yếu và không hay; Minh học tốt tiếng Anh, thích giao tiếp và thích đi đây đi đó, mơ làm hướng dẫn viên du lịch nhưng sức khoẻ không tốt.

c) Sản phẩm: Bốn phiếu lời khuyên của lớp, mỗi phiếu gồm: nhân vật đang vướng ở yêu cầu nào trong ba yêu cầu chọn nghề, lời khuyên cụ thể và một việc nhân vật nên làm ngay trong năm học này.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên phát bản in bốn tình huống, giao mỗi cặp nhóm một tình huống và nêu ba phần bắt buộc của phiếu lời khuyên.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20′): Các nhóm phân tích tình huống rồi viết lời khuyên. Giáo viên nhắc phân biệt hai loại khó khăn: loại rèn được như thiếu hiểu biết về nghề, và loại khó rèn như sợ nhìn thấy máu hay giọng hát bẩm sinh; hai loại này dẫn tới hai lời khuyên khác nhau.

3. Báo cáo, thảo luận (12′): Bốn nhóm trình bày bốn tình huống theo thứ tự. Sau mỗi lời khuyên, lớp hỏi một câu duy nhất: nếu bạn ấy nghe theo thì tuần sau bạn ấy làm gì khác đi.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Không lời khuyên nào là bảo bạn bỏ hẳn ước mơ. Với Hoàng, cái vướng chỉ là không ai giống mình, điều đó không phải trở ngại thật. Với Hồng, chỗ vướng là chưa hiểu nghề và sợ máu nên cần đi tìm hiểu nghề trước đã. Với Mai và Minh, nên giữ đam mê nhưng chuyển sang những nghề gần đó mà mình đủ sức.

TIẾT 91. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP CỦA BẢN THÂN VỚI NHÓM NGHỀ ĐỊNH CHỌN

Kết nối hai tiết (3′): Bốn tiết vừa qua lớp đã khuyên được người khác. Tiết này quay lại với chính mình, và đây là tiết quan trọng nhất của chủ đề vì mọi việc sau đó đều dựa vào bảng làm hôm nay.

Nhiệm vụ 2.6. Lập bảng tự đánh giá sự phù hợp với nghề định chọn (42′)

a) Mục tiêu: Xác định được ít nhất một nghề hoặc nhóm nghề dự định lựa chọn và đánh giá được ít nhất ba đặc điểm của bản thân phù hợp, ba đặc điểm chưa phù hợp với nghề ấy.

b) Nội dung: Học sinh đi đúng ba bước ở hoạt động 3 sách giáo khoa trang 63 và trang 64: ghi tên những nghề định chọn theo thứ tự ưu tiên từ ba đến sáu nghề và ghi rõ nghề đó thuộc nhóm nghề sản xuất, kinh doanh hay dịch vụ; tập hợp đặc điểm của bản thân gồm sở thích, khả năng về học tập, sức khoẻ, thể lực, giao tiếp, tính cách, điểm mạnh, điểm yếu đã xác định ở chủ đề Khám phá bản thân; đối chiếu hai bên để đánh giá sự phù hợp. Ba bước này ứng với hai bóng thoại trong tranh trang 64: yêu cầu của nhóm nghề mình định chọn là gì và những đặc điểm của mình là gì.

c) Sản phẩm: Bảng tự đánh giá của mỗi học sinh ở mục B Phụ lục 1: danh sách nghề theo thứ tự ưu tiên kèm nhóm nghề, ít nhất ba đặc điểm phù hợp và ba đặc điểm chưa phù hợp, mỗi đặc điểm kèm một dẫn chứng từ việc mình đã làm.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên hướng dẫn ba bước theo trang 63 và trang 64, nhắc mỗi em mở lại bảng điểm mạnh, điểm yếu đã làm ở chủ đề Khám phá bản thân; nêu rõ bảng hôm nay sẽ được dùng lại ở tiết sau nên phải làm thật.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20′): Học sinh làm bảng cá nhân, giữ im lặng cho mỗi em tự nghĩ. Giáo viên đi một vòng, giúp em nào chưa gọi được tên nhóm nghề bằng một câu hỏi: công việc ấy làm ra vật phẩm, bán hàng hay phục vụ người khác.

3. Báo cáo, thảo luận (12′): Học sinh trao đổi theo cặp, mỗi em nghe bạn đọc bảng rồi hỏi lại một câu về đặc điểm mà mình thấy bạn tự đánh giá chưa đúng. Ba em xung phong chia sẻ trước lớp, phần chia sẻ hoàn toàn tự nguyện.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Bảng này chỉ có giá trị khi các em viết thật. Cột đặc điểm chưa phù hợp không phải để tự chê mà là danh sách việc cần rèn ở các tiết sau, nên viết càng cụ thể càng dễ rèn.

TIẾT 92. THỬ CÔNG CỤ GỢI Ý NGHỀ VÀ ĐỐI CHIẾU VỚI BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Kết nối hai tiết (3′): Tiết trước mỗi em đã có bảng tự đánh giá do chính mình viết. Tiết này thử một công cụ gợi ý nghề rồi đem kết quả của máy đặt cạnh bảng của mình xem hai bên nói giống nhau đến đâu.

Nhiệm vụ 2.7. Làm phiếu trắc nghiệm hướng nghiệp và tự chấm (20′)

a) Mục tiêu: Làm được một phiếu trắc nghiệm hướng nghiệp trên giấy và tự chấm ra nhóm nghề mà công cụ gợi ý cho mình.

b) Nội dung: Giáo viên phát phiếu trắc nghiệm hướng nghiệp đã in sẵn cho từng em, kèm bảng quy đổi điểm ra nhóm nghề. Lớp nào không đủ bản in thì giáo viên chiếu phiếu lên tivi, học sinh ghi đáp án vào Phụ lục 1. Mỗi em tự chấm bằng bảng quy đổi và ghi lại nhóm nghề công cụ gợi ý cùng số điểm từng nhóm.

c) Sản phẩm: Phiếu trắc nghiệm đã làm và đã tự chấm của mỗi học sinh, ghi rõ nhóm nghề đứng đầu, nhóm nghề đứng thứ hai và số điểm của từng nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′): Giáo viên phát phiếu trắc nghiệm và bảng quy đổi, dặn làm nhanh theo cảm nhận đầu tiên, không cân nhắc lâu và không nhìn bài bạn; nhắc kết quả là chuyện riêng của mỗi em.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Học sinh làm phiếu rồi tự chấm theo bảng quy đổi. Giáo viên đi một vòng giúp em nào cộng điểm nhầm và nhắc ghi cả nhóm đứng thứ hai chứ không chỉ nhóm đứng đầu.

3. Báo cáo, thảo luận (5′): Giáo viên hỏi cả lớp giơ tay theo từng nhóm nghề để đếm nhanh, ghi số lượng lên bảng. Ba học sinh tự nguyện đọc kết quả của mình kèm cảm nhận thấy đúng hay thấy lạ.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Kết quả vừa rồi mới là gợi ý dựa trên mấy chục câu trả lời của các em, nó chưa biết em học thế nào, sức khoẻ ra sao và nhà em ở đâu. Tiết sau lớp sẽ kiểm lại xem nó nói đúng về em đến đâu.

Nhiệm vụ 2.8. Đối chiếu kết quả công cụ với bảng tự đánh giá của bản thân (22′)

a) Mục tiêu: Đánh giá được độ chính xác và độ tin cậy của công cụ gợi ý nghề bằng cách đối chiếu kết quả của nó với bảng tự đánh giá của chính mình, chỉ ra chỗ khớp và chỗ lệch kèm lí do.

b) Nội dung: Mỗi học sinh đặt cạnh nhau hai thứ: nhóm nghề mà phiếu trắc nghiệm gợi ý ở nhiệm vụ trước và bảng tự đánh giá đã lập ở tiết 91. Em điền vào bảng đối chiếu ở mục C Phụ lục 1 với hai cột: chỗ công cụ nói khớp với mình và chỗ công cụ nói lệch, mỗi chỗ phải ghi lí do vì sao khớp hoặc vì sao lệch. Sau đó cả lớp bàn xem điều gì khiến công cụ nói lệch.

c) Sản phẩm: Bảng đối chiếu hai cột của mỗi học sinh ở mục C Phụ lục 1, có ít nhất hai chỗ khớp và hai chỗ lệch kèm lí do; danh sách chung của lớp gồm ba nguyên nhân khiến công cụ gợi ý chưa đúng về người làm.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên hướng dẫn cách điền bảng đối chiếu, làm mẫu một dòng trên bảng lớp bằng một trường hợp giả định để học sinh thấy cách viết lí do.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Học sinh điền bảng đối chiếu. Giáo viên nhắc em nào chỉ ghi thấy đúng hoặc thấy sai mà không có lí do: em hãy chỉ vào một dòng cụ thể trong bảng tự đánh giá của mình để chứng minh.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Sáu học sinh đọc một chỗ lệch của mình. Lớp gom nguyên nhân lên bảng: câu hỏi không hỏi tới sức khoẻ, không hỏi tới điều kiện gia đình, trả lời theo tâm trạng lúc làm bài, hoặc bản thân chưa hiểu hết câu hỏi.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Một công cụ gợi ý nghề chỉ đọc được những gì các em khai vào nó. Nó không đo được sức khoẻ, không biết hoàn cảnh nhà em và không theo dõi em suốt ba năm học. Vì vậy kết quả của nó nên dùng làm gợi ý để tự hỏi lại mình, không dùng làm quyết định.

TIẾT 93. KHI MÁY GỢI Ý NGHỀ THEO GIỚI TÍNH

Kết nối hai tiết (3′): Tiết trước lớp đã thấy công cụ gợi ý nghề có chỗ nói lệch về từng người. Tiết này nhìn một kiểu lệch khác, kiểu lệch không thuộc về riêng ai mà thuộc về thói quen của cả xã hội.

Nhiệm vụ 2.9. Nhận xét gợi ý nghề thiên vị giới tính và đối chiếu nghề thật ở địa phương (42′)

a) Mục tiêu: Chỉ ra được chỗ một phần mềm trí tuệ nhân tạo gợi ý nghề thiên vị theo giới tính, đối chiếu với nghề thật ở địa phương và giải thích được vì sao không nên phó mặc máy chọn nghề.

b) Nội dung: Giáo viên phát bản in đã chuẩn bị từ trước, gồm hai danh sách nghề mà một phần mềm trí tuệ nhân tạo trả về cho cùng một câu hỏi nhưng một lần hỏi cho bạn nam và một lần hỏi cho bạn nữ, tuy hai bạn có sở thích và học lực giống hệt nhau. Các nhóm so hai danh sách, khoanh những nghề chỉ xuất hiện ở một bên, rồi đối chiếu với danh sách nghề có thật ở địa phương do giáo viên sưu tầm để tìm những nghề mà cả nam và nữ đều đang làm.

c) Sản phẩm: Phiếu nhận xét của nhóm ở mục C Phụ lục 1, gồm: những nghề chỉ gợi ý cho nam, những nghề chỉ gợi ý cho nữ, ít nhất ba nghề ở địa phương do cả nam và nữ cùng làm, và một đoạn ba đến năm câu giải thích vì sao không nên để máy quyết định nghề của mình.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên phát hai bản in danh sách nghề cho từng nhóm, nói rõ hai danh sách này là kết quả cho cùng một câu hỏi, chỉ khác nhau ở chỗ ghi giới tính của người hỏi; giao nhiệm vụ so hai danh sách và đối chiếu với nghề thật ở địa phương.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20′): Các nhóm khoanh nghề lệch nhau rồi tìm nghề thật ở địa phương. Giáo viên đi từng nhóm, gợi ý nhìn quanh xã mình: ai đang lái xe tải, ai đang dạy học, ai đang mở tiệm sửa xe, ai đang làm kế toán hợp tác xã; đồng thời nhắc không chê nghề nào và không nhắc tên người cụ thể.

3. Báo cáo, thảo luận (12′): Ba nhóm trình bày phiếu nhận xét, mỗi nhóm khoảng ba phút. Lớp bổ sung nghề thật còn thiếu và cùng trả lời câu hỏi: nếu một bạn tin theo danh sách của máy thì bạn ấy mất cơ hội gì.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Máy học từ chuyện đã có trong quá khứ, mà quá khứ thì đầy thói quen cũ về việc nghề nào dành cho nam, nghề nào dành cho nữ. Nó lặp lại thói quen ấy chứ không biết em là ai. Người dùng phải nhìn ra chỗ thiên vị đó và giữ quyền quyết định cho mình, vì hậu quả của việc chọn nghề thì máy không gánh thay được.

TIẾT 94. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH RÈN LUYỆN BẢN THÂN THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP

Kết nối hai tiết (3′): Bảy tiết vừa qua lớp đã biết mình đang ở đâu so với nghề mình muốn. Tiết này biến khoảng cách đó thành một kế hoạch rèn luyện có thể bắt tay làm ngay từ hè này.

Những đặc điểm cần rèn luyện	Biện pháp rèn luyện	Kết quả mong đợi
1. Thiếu tính kiên trì	– Xác định mục tiêu cụ thể về học tập, công việc của bản thân và quyết tâm thực hiện được mục tiêu. – Rèn luyện ý chí làm việc đến cùng, dù gặp khó khăn, trở ngại. – Kiên định với những điều mình cho là đúng, nên làm. – Chủ động nhận và thực hiện những công việc đòi hỏi tính kiên trì.	Rèn luyện được đức tính kiên trì trong học tập và công việc.
...	– …	...

Bảng gợi ý kế hoạch rèn luyện bản thân theo định hướng nghề nghiệp — SGK trang 64

Nhiệm vụ 2.10. Hoàn thiện kế hoạch rèn luyện bản thân (42′)

a) Mục tiêu: Xây dựng được kế hoạch rèn luyện bản thân theo định hướng nghề nghiệp đủ ba cột và lựa chọn được cách rèn luyện phù hợp cho từng đặc điểm cần rèn.

b) Nội dung: Học sinh dùng bảng ba cột ở sách giáo khoa trang 64 làm khuôn: cột những đặc điểm cần rèn luyện, cột biện pháp rèn luyện và cột kết quả mong đợi. Dòng mẫu trong sách là thiếu tính kiên trì với bốn biện pháp gồm xác định mục tiêu cụ thể về học tập và công việc rồi quyết tâm thực hiện, rèn ý chí làm việc đến cùng dù gặp khó khăn trở ngại, kiên định với những điều mình cho là đúng nên làm, chủ động nhận và thực hiện những công việc đòi hỏi tính kiên trì; kết quả mong đợi là rèn luyện được đức tính kiên trì trong học tập và công việc. Mỗi em lấy ba đặc điểm chưa phù hợp trong bảng tự đánh giá ở tiết 91 làm ba dòng của kế hoạch mình.

c) Sản phẩm: Kế hoạch rèn luyện của mỗi học sinh ở mục D Phụ lục 1, có ít nhất ba dòng, mỗi dòng đủ ba cột, mỗi đặc điểm có ít nhất hai biện pháp làm được ngay và một kết quả mong đợi nhìn ra được.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên chiếu bảng mẫu trang 64, phân tích dòng thiếu tính kiên trì để học sinh thấy biện pháp phải là việc làm được chứ không phải lời hứa; nhắc mỗi em mở lại bảng tự đánh giá tiết 91.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20′): Học sinh điền kế hoạch vào mục D Phụ lục 1. Giáo viên đi từng bàn, kiểm hai điều: biện pháp đã bắt đầu bằng một động từ làm được chưa, và kết quả mong đợi có nhìn ra được không.

3. Báo cáo, thảo luận (12′): Học sinh đổi phiếu theo nhóm bốn người, mỗi em góp ý cho kế hoạch của bạn theo hai câu hỏi: biện pháp này bạn làm được trong tuần này không, và làm xong thì ai nhìn vào đâu để biết bạn đã làm. Hai em trình bày kế hoạch trước lớp.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Kế hoạch rèn luyện khác lời hứa ở chỗ nó ghi rõ việc làm và dấu hiệu nhận ra. Ba dòng vừa viết là hành trang các em mang lên lớp 11, nơi chủ đề hướng nghiệp sẽ đi sâu hơn nữa.

TIẾT 95. RÈN LUYỆN THEO KẾ HOẠCH VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

Kết nối hai tiết (3′): Kế hoạch đã có trong tay mỗi em. Tiết cuối chủ đề và cũng là tiết cuối phần hướng nghiệp lớp 10 dành để chia sẻ kết quả rèn luyện, gói lại hồ sơ hướng nghiệp cá nhân và tự đánh giá.

Hoạt động 3. Luyện tập – Chia sẻ kết quả rèn luyện theo kế hoạch (22′)

a) Mục tiêu: Thực hiện được cách rèn luyện phù hợp đã chọn trong kế hoạch và chia sẻ được kết quả rèn luyện năng lực, phẩm chất của bản thân.

b) Nội dung: Theo bốn gợi ý ở sách giáo khoa trang 65, học sinh báo cáo phần đã làm trong thời gian giữa hai tiết: đã tham gia hoạt động nào trong hoặc ngoài nhà trường, đã làm thêm công việc nào liên quan tới nghề mình quan tâm, đã thực hiện biện pháp rèn luyện nào trong kế hoạch và kết quả đến đâu, chỗ nào cần điều chỉnh lại kế hoạch.

c) Sản phẩm: Nhật kí rèn luyện của mỗi học sinh gồm ít nhất ba dòng, mỗi dòng ghi ngày, việc đã làm và điều mình nhận ra; kèm phần ghi rõ dòng nào trong kế hoạch cần sửa lại và sửa thế nào.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên nêu bốn gợi ý trang 65, phát lại kế hoạch rèn luyện của từng em và nhắc phần đáng nói nhất là chỗ kế hoạch chạy không đúng như dự tính.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Học sinh viết nhật kí rèn luyện và đánh dấu dòng cần điều chỉnh. Giáo viên đi một vòng, giúp em nào chưa làm được gì bằng cách chọn lại một biện pháp nhỏ hơn thay cho biện pháp cũ.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Sáu học sinh chia sẻ theo cặp trước lớp, mỗi cặp một em nói kết quả và một em nói chỗ phải sửa. Lớp góp ý cho phần điều chỉnh.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Điều chỉnh kế hoạch không phải là thất bại mà là dấu hiệu các em đang làm thật. Kế hoạch nào chạy trơn tru ngay từ tuần đầu thường là kế hoạch đặt ra quá dễ.

Hoạt động 4. Vận dụng – Hồ sơ hướng nghiệp cá nhân và tự đánh giá chủ đề (20′)

a) Mục tiêu: Gói lại toàn bộ sản phẩm của chủ đề thành hồ sơ hướng nghiệp cá nhân để dùng tiếp ở lớp 11 và tự đánh giá kết quả trải nghiệm theo năm tiêu chí của sách giáo khoa.

b) Nội dung: Mỗi học sinh sắp xếp thành một tập hồ sơ gồm bảng tự đánh giá sự phù hợp ở tiết 91, bảng đối chiếu kết quả công cụ gợi ý nghề ở tiết 92, phiếu nhận xét gợi ý thiên vị giới tính ở tiết 93, kế hoạch rèn luyện ở tiết 94 và nhật kí rèn luyện; sau đó hoàn thành phiếu tự đánh giá theo năm tiêu chí ở phần Đánh giá sách giáo khoa trang 65 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt. Học sinh tiếp tục rèn luyện theo kế hoạch trong hè và mang hồ sơ này lên lớp 11.

c) Sản phẩm: Hồ sơ hướng nghiệp cá nhân gồm năm phần đã sắp thứ tự và phiếu tự đánh giá năm tiêu chí đã đánh dấu, mỗi tiêu chí chọn mức Đạt phải ghi kèm tên sản phẩm chứng minh.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên chiếu năm tiêu chí ở trang 65, giải thích từng tiêu chí bằng đúng sản phẩm lớp đã làm trong chủ đề và hướng dẫn cách sắp hồ sơ.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8′): Học sinh sắp hồ sơ theo thứ tự và đánh dấu phiếu tự đánh giá, ghi kèm tên sản phẩm chứng minh cho mỗi tiêu chí chọn mức Đạt.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Ba học sinh chia sẻ tiêu chí mình chưa đạt và dự định làm tiếp trong hè. Lớp góp ý cách làm cho từng trường hợp.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Hồ sơ này chưa phải là quyết định cuối cùng về nghề của các em, nhưng nó là chỗ dựa để lớp 11 đi tiếp mà không phải làm lại từ đầu. Hè này các em giữ lấy nó và bổ sung mỗi khi biết thêm điều gì về nghề mình quan tâm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 10 – DÙNG XUYÊN SUỐT CHỦ ĐỀ

Họ và tên: …… Lớp: …… Nhóm: ……

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Nếu phải nói ngay một nghề em muốn làm sau này, em nói nghề nào?
2. Vì sao em muốn làm nghề ấy: vì em thích, vì em thấy mình làm được, hay vì lí do khác?
3. Em đã biết nghề ấy đòi hỏi những gì ở người làm chưa? Em biết được từ đâu?

B. PHIẾU KIẾN THỨC VÀ BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ 10

B1. Phiếu kiến thức

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ nghề em biết	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	*Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.*	*Nêu một nghề có thật ở địa phương hoặc trong gia đình em.*	*Viết một câu kết luận hoặc liên hệ với bản thân.*
1. Yêu cầu của việc chọn nghề phù hợp			
2. Mức độ thích và khả năng đối với một nghề			
3. Đánh giá sự phù hợp của bản thân với nhóm nghề			
4. Kế hoạch rèn luyện theo định hướng nghề nghiệp			

B2. Bảng tự đánh giá sự phù hợp của em với nghề định chọn (làm ở tiết 91)

Bước 1. Những nghề em dự định chọn, xếp theo thứ tự ưu tiên (ghi từ 3 đến 6 nghề):

Thứ tự ưu tiên	Tên nghề	Thuộc nhóm nghề nào (sản xuất / kinh doanh / dịch vụ)
1		
2		
3		
4		

Bước 2 và bước 3. Đối chiếu đặc điểm của em với yêu cầu của nhóm nghề đã chọn:

Yêu cầu của nhóm nghề em định chọn	Đặc điểm của em (sở thích, khả năng, tính cách)	Phù hợp hay chưa phù hợp	Dẫn chứng từ việc em đã làm

Yêu cầu của nhóm nghề em định chọn	Đặc điểm của em (sở thích, khả năng, tính cách)	Phù hợp hay chưa phù hợp	Dẫn chứng từ việc em đã làm

C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

Trong chủ đề này em làm hai việc với máy. Việc thứ nhất: làm một phiếu trắc nghiệm hướng nghiệp trên giấy, tự chấm rồi đem kết quả máy gợi ý đặt cạnh bảng tự đánh giá của chính em. Việc thứ hai: đọc hai danh sách nghề mà một phần mềm trí tuệ nhân tạo trả về cho một bạn nam và một bạn nữ có sở thích, học lực giống hệt nhau. Em viết trên giấy, thầy cô là người thao tác trên máy tính của lớp và chiếu lên tivi.

C1. Kết quả phiếu trắc nghiệm hướng nghiệp của em

– Nhóm nghề đứng đầu và số điểm:

……

– Nhóm nghề đứng thứ hai và số điểm:

……

– Nghề em đã ghi ưu tiên số 1 ở bảng B2:

……

C2. Đối chiếu kết quả của công cụ với bảng tự đánh giá của em

Chỗ công cụ nói KHỚP với em	Vì sao em cho là khớp	Chỗ công cụ nói LỆCH với em	Vì sao em cho là lệch

– Theo em, vì sao công cụ này chưa nói đúng hết về em?

……

– Em sẽ dùng kết quả của nó như thế nào: làm quyết định hay làm gợi ý? Vì sao?

……

C3. Hai danh sách nghề máy gợi ý cho một bạn nam và một bạn nữ

	Nghề máy chỉ gợi ý cho bạn nam	Nghề máy chỉ gợi ý cho bạn nữ	Nghề máy gợi ý cho cả hai
Ghi lại từ bản in			

– Ba nghề ở địa phương em mà cả nam và nữ đều đang làm:

……

– Nếu một bạn tin hẳn vào danh sách của máy, bạn ấy có thể mất cơ hội gì?

……

– Vì sao không nên để máy quyết định thay em việc chọn nghề? (viết 3 đến 5 câu)

……

.....

.....

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

D1. Kế hoạch rèn luyện bản thân theo định hướng nghề nghiệp

Những đặc điểm cần rèn luyện	Biện pháp rèn luyện	Kết quả mong đợi
1.		
2.		
3.		

D2. Nhật kí rèn luyện (ghi trong thời gian giữa hai tiết và trong hè)

Ngày	Việc em đã làm theo kế hoạch	Kết quả và điều em nhận ra	Dòng nào trong kế hoạch cần sửa

D3. Hồ sơ hướng nghiệp cá nhân mang lên lớp 11

Em sắp các sản phẩm sau theo đúng thứ tự rồi kẹp lại thành một tập:

1. Bảng tự đánh giá sự phù hợp của em với nghề định chọn (mục B2).
2. Kết quả phiếu trắc nghiệm và bảng đối chiếu (mục C1, C2).
3. Phiếu nhận xét về hai danh sách nghề máy gợi ý (mục C3).
4. Kế hoạch rèn luyện bản thân (mục D1).
5. Nhật kí rèn luyện (mục D2).

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ	Rút ra điều gì?
1. Yêu cầu của việc chọn nghề phù hợp	SGK trang 62 yêu cầu thảo luận về yêu cầu của việc chọn nghề phù hợp, gợi ý bằng ba thẻ giấy nhớ; sau đó thảo luận đưa ra ý kiến về việc chọn nghề phù hợp và nêu lợi ích của việc chọn nghề phù hợp đối với bản thân, gia đình.	Ba thẻ gợi ý: chọn những nghề mà bản thân yêu thích, có khả năng đáp ứng về trí tuệ, tâm lí, thể chất, sức khoẻ; chọn những nghề mà bản thân có hiểu biết đầy đủ về nghề; chọn những nghề mà xã hội có nhu cầu.	Ba yêu cầu phải có đủ cùng lúc; thiếu một yêu cầu thì lựa chọn dễ hỏng ở một khâu khác nhau.
2. Mức độ thích và khả năng đối với một nghề	SGK trang 62 đưa năm thẻ màu ghi các mức độ giữa sự yêu thích và khả năng để học sinh thảo luận và đưa ra ý kiến về việc chọn nghề phù hợp.	Năm thẻ: rất thích nhưng không có khả năng; rất thích và có khả năng; không thích và không có khả năng; có khả năng nhưng không thích; tương đối có khả năng và tương đối thích.	Mức đáng chọn nhất là rất thích và có khả năng; phần đông học sinh đang ở mức tương đối, và từ mức tương đối đi lên được là nhờ rèn luyện.
3. Đánh giá sự phù hợp của bản thân với nhóm nghề	SGK trang 63 và trang 64 nêu trình tự đánh giá gồm ba gạch đầu dòng: ghi tên những nghề định chọn theo thứ tự ưu tiên và ghi rõ thuộc nhóm nghề nào; tập hợp đặc điểm của bản thân; đối chiếu đặc điểm bản thân với đặc điểm của nhóm nghề. Trước đó trang 63 có phần tranh biện hai quan điểm và bốn tình huống Hoàng, Hồng, Mai, Minh.	Có thể ghi từ 3 đến 6 nghề theo thứ tự ưu tiên, phân vào nhóm nghề sản xuất, kinh doanh hoặc dịch vụ. Đặc điểm bản thân gồm sở thích, khả năng về học tập, sức khoẻ, thể lực, giao tiếp, tính cách, điểm mạnh, điểm yếu đã xác định ở chủ đề Khám phá bản thân. Tranh minh hoạ trang 64 có hai bóng thoại: yêu cầu của nhóm nghề mình định chọn là gì và những đặc điểm của mình là gì.	Đánh giá sự phù hợp là đặt hai danh sách cạnh nhau chứ không phải chấm điểm bản thân; chỗ lệch giữa hai danh sách chính là nội dung của kế hoạch rèn luyện.
4. Kế hoạch rèn luyện theo định hướng nghề nghiệp	SGK trang 64 đưa bảng gợi ý ba cột gồm những đặc điểm cần rèn luyện, biện pháp rèn luyện và kết quả mong đợi. Trang 65 yêu cầu tham gia hoạt động trong và ngoài nhà trường, làm thêm một số công việc liên quan đến nghề quan tâm, thực hiện cách rèn luyện đã chọn, thường xuyên đánh giá để điều chỉnh và chia sẻ	Dòng mẫu trong sách: đặc điểm cần rèn luyện là thiếu tính kiên trì; bốn biện pháp gồm xác định mục tiêu cụ thể về học tập, công việc và quyết tâm thực hiện được mục tiêu; rèn luyện ý chí làm việc đến cùng dù gặp khó khăn, trở ngại; kiên định với những điều mình cho là đúng, nên làm; chủ động nhận và thực hiện những công việc đòi hỏi	Biện pháp phải là việc làm được ngay, kết quả mong đợi phải nhìn ra được; kế hoạch cần được xem lại thường xuyên để điều chỉnh.

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ	Rút ra điều gì?
	kết quả. Khung Đánh giá trang 65 gồm 5 tiêu chí, hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.	tính kiên trì. Kết quả mong đợi là rèn luyện được đức tính kiên trì trong học tập và công việc.	

2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

Phần C1 – học sinh phải ghi cả nhóm đứng đầu và nhóm đứng thứ hai kèm số điểm. Nhiều em chỉ ghi nhóm đứng đầu rồi coi đó là kết luận; nhóm thứ hai thường cách nhóm đầu rất ít điểm, chỉ ra điều đó giúp các em thấy kết quả không dứt khoát như vẻ ngoài của nó.

Phần C2 – đây là phần được chấm chính của chủ đề. Bảng đối chiếu đạt khi có ít nhất hai chỗ khớp và hai chỗ lệch, mỗi chỗ đều dẫn được về một dòng cụ thể trong bảng tự đánh giá ở mục B2. Câu trả lời chỉ ghi thấy đúng hoặc thấy sai mà không có dẫn chứng thì chưa đạt. Những nguyên nhân học sinh thường tìm ra và đều chấp nhận được: bộ câu hỏi không hỏi tới sức khoẻ và thể lực; không hỏi tới điều kiện gia đình và nơi ở; câu trả lời phụ thuộc tâm trạng lúc làm bài; bản thân chưa hiểu rõ vài câu hỏi nên chọn bừa; công cụ chỉ đo sở thích mà không đo được kết quả học tập thật.

Phần C3 – hai danh sách thường lệch nhau ở các nghề kĩ thuật, lái xe, xây dựng thì gợi ý cho nam, còn giáo viên mầm non, kế toán, chăm sóc sắc đẹp thì gợi ý cho nữ. Học sinh đạt khi khoanh được ít nhất ba nghề lệch và nêu được ít nhất ba nghề ở địa phương do cả nam và nữ cùng làm, ví dụ giáo viên, nhân viên bán hàng, kế toán hợp tác xã, lái xe, chủ tiệm sửa xe. Đoạn giải thích đạt khi nói được ba ý: máy học từ chuyện đã có trong quá khứ nên lặp lại thói quen cũ; máy không biết gì về đặc điểm riêng của em; hậu quả của việc chọn nghề thì em chịu chứ máy không chịu.

Phiếu đánh giá phần này (dùng hai mức):

– Ghi đủ nhóm nghề đứng đầu, nhóm thứ hai và số điểm của phiếu trắc nghiệm: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Nêu được ít nhất hai chỗ khớp và hai chỗ lệch, mỗi chỗ có dẫn chứng từ bảng tự đánh giá: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Giải thích được vì sao công cụ chưa nói đúng hết về mình: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Chỉ ra được chỗ gợi ý thiên vị theo giới tính và nêu được ba nghề thật ở địa phương do cả nam và nữ làm: Đạt hoặc Chưa đạt.

3. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – bảng ba yêu cầu chọn nghề chép nguyên ba thẻ trong sách mà không có ví dụ nghề nào ở địa phương. Gợi mở: hỏi ở xã ta ai đang làm nghề này, nếu không kể ra được thì đổi sang nghề khác mà nhóm biết người thật.

Lỗi 2 – học sinh xếp toàn bộ nghề vào thẻ rất thích và có khả năng. Gợi mở: hỏi nghề ấy đòi hỏi những gì, đọc lại yêu cầu rồi tự chấm lại; phần lớn sẽ chuyển xuống thẻ tương đối.

Lỗi 3 – khi khuyên bốn tình huống, học sinh khuyên bạn bỏ hẳn ước mơ. Gợi mở: phân biệt khó khăn rèn được với khó khăn khó rèn, rồi tìm nghề gần ước mơ mà bạn đủ sức, ví dụ Mai vẫn ở trong lĩnh vực âm nhạc bằng công việc khác.

Lỗi 4 – bảng tự đánh giá ở mục B2 viết đặc điểm chung chung như em hiền, em chăm. Gợi mở: yêu cầu mỗi đặc điểm phải kèm một việc đã làm và thời điểm làm, không viết được thì gạch đi.

Lỗi 5 – học sinh coi kết quả phiếu trắc nghiệm là kết luận cuối cùng về mình, kể cả khi nó ngược hẳn với bảng tự đánh giá. Gợi mở: hỏi bộ câu hỏi ấy có hỏi em điều gì về sức khoẻ, về học lực và về hoàn cảnh nhà em không; nếu không hỏi thì nó lấy đâu ra căn cứ.

Lỗi 6 – phần nhận xét gợi ý thiên vị giới tính biến thành chuyện chê máy dở. Gợi mở: kéo về câu hỏi đúng là vì sao máy lại gợi ý như vậy và người dùng phải làm gì, không dừng ở việc khen chê công cụ.

Lỗi 7 – kế hoạch rèn luyện ghi biện pháp là những lời hứa như em sẽ cố gắng hơn. Gợi mở: yêu cầu mỗi biện pháp bắt đầu bằng một việc làm được trong tuần và nói rõ ai nhìn vào đâu thì biết em đã làm.

4. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Kiến thức, quy trình	Đúng và đủ ý; giải thích hoặc thao tác có dẫn chứng.	Đúng các ý hoặc bước chính.	Sai hoặc thiếu ý, bước cốt lõi.
Sản phẩm và dữ liệu	Rõ ràng, kiểm tra lại được nguồn; có nêu giới hạn và sai số.	Có sản phẩm và dẫn chứng cơ bản.	Chung chung, thiếu dẫn chứng hoặc đơn vị.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	Đủ dữ liệu – chức năng – kết quả – người kiểm chứng.	Nêu đúng ứng dụng và bước kiểm tra.	Nhầm thiết bị thông thường là trí tuệ nhân tạo, hoặc tin tuyệt đối vào kết quả của máy.
Hợp tác, an toàn	Đúng vai, đúng giờ; trung thực và an toàn.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản.	Thiếu phối hợp hoặc vi phạm an toàn.

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày …… tháng …… năm 2026
GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)

SỞ GD&ĐT: ……
TRƯỜNG: ……
TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 10

BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG — (Năm học 2026 - 2027)

CHỦ ĐỀ 11. LẬP KẾ HOẠCH HỌC TẬP, RÈN LUYỆN THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP

(Số tiết: 9 — tuần 32 đến tuần 35, tiết 96 đến tiết 104)

Giáo viên: …… | Lớp: …… | Ngày dạy: ……

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

– Nêu được những điều đã biết về hệ thống trường đào tạo nghề ở nước ta và kể được ít nhất hai cách để có được thông tin về trường đào tạo nghề mình quan tâm.

– Trình bày được ít nhất năm thông tin cơ bản về hệ thống trường đào tạo nghề định chọn, theo bảy thẻ gợi ý ở sách giáo khoa trang 69.

– Chỉ ra được trong các cách tìm hiểu thông tin, cách nào phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng của bản thân, cách nào khó thực hiện và vì sao.

– Viết được một báo cáo ngắn về hệ thống trường đào tạo nghề mình định chọn và chia sẻ được báo cáo ấy trước lớp.

– Biết cách xin ý kiến tham vấn của thầy cô, gia đình, bạn bè về dự định lựa chọn nghề và định hướng học tập của bản thân, gồm bước xác định vấn đề đang vướng và bước chuẩn bị câu hỏi.

– Xin được ý kiến tham vấn của ít nhất hai thầy cô hoặc người thân trong gia đình về dự định lựa chọn nghề và định hướng học tập.

– Xây dựng được kế hoạch học tập, rèn luyện theo nghề hoặc nhóm nghề đã lựa chọn, đủ chín mục theo khung ở sách giáo khoa trang 71, trong đó bảng nhiệm vụ có cả nhiệm vụ học tập và nhiệm vụ rèn luyện kèm biện pháp thực hiện.

– Thực hiện được kế hoạch học tập, rèn luyện đã lập và ghi lại được cách thực hiện cùng kết quả đạt được.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực định hướng nghề nghiệp khi tìm hiểu hệ thống trường đào tạo và lập kế hoạch học tập theo nghề mình chọn; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi dựng bản kế hoạch chín mục có nhiệm vụ và biện pháp cụ thể; năng lực thích ứng với cuộc sống khi biết tìm người để hỏi lúc mình còn vướng.

Năng lực chung: tự chủ và tự học khi tự đặt ra nhiệm vụ học tập cho hai năm còn lại; giao tiếp và hợp tác khi chuẩn bị câu hỏi và xin ý kiến tham vấn của thầy cô, người thân; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi so sánh nhiều trường để chọn nơi hợp với mình.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

1.3.NC1a – quản lí dữ liệu, thông tin và nội dung số. Cụ thể trong chủ đề này: mỗi học sinh lập trên phiếu giấy một bảng so sánh ba trường đào tạo nghề mình quan tâm theo ba cột là ngành đào tạo, nơi học và điều kiện tuyển sinh; ghi rõ mỗi thông tin lấy từ nguồn nào; sắp xếp ba trường theo mức độ phù hợp với bản thân rồi giữ bảng ấy trong hồ sơ cá

nhân để mang đi tham vấn thầy cô. Giáo viên là người mở trang tuyển sinh trên máy tính của lớp và chiếu lên tivi cho cả lớp cùng đọc.

10.A2 – rủi ro đối với con người và dự án trí tuệ nhân tạo. Cụ thể trong chủ đề này: học sinh đọc bản in danh sách những nghề mà một phần mềm trí tuệ nhân tạo nêu là có nguy cơ bị máy móc thay thế, đối chiếu danh sách ấy với những nghề thật đang có ở địa phương mình, rồi ghi lại những nghề máy nêu nhưng thực tế vẫn đang cần người làm và nói được vì sao vẫn cần.

Minh chứng: bảng so sánh ba trường đào tạo nghề trên phiếu, có cột nguồn và có thứ tự phù hợp; phiếu đối chiếu danh sách nghề máy nêu với nghề thật ở địa phương; báo cáo về hệ thống trường đào tạo nghề và bản kế hoạch học tập, rèn luyện chín mục.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm: chủ động lo cho việc học của mình, không chờ đến lớp 12 mới bắt đầu tìm hiểu trường và ngành.

Chăm chỉ: bền bỉ theo đuổi các nhiệm vụ học tập đã đặt ra trong kế hoạch, kể cả khi kết quả đến chậm.

Trung thực: ghi đúng thông tin tìm được về các trường, không thêm bớt cho hợp ý mình và luôn ghi rõ nguồn.

Nhân ái: biết ơn thầy cô và người thân đã dành thời gian tham vấn cho mình; tôn trọng lựa chọn của bạn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 66–72 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có nối mạng; giấy A3, giấy A4 và bút màu; bản in bốn bóng thoại gợi ý thông tin cần tìm hiểu ở trang 68; bản in bảy thẻ gợi ý nội dung báo cáo ở trang 69; bản in khung kế hoạch học tập, rèn luyện chín mục ở trang 71; BẢN IN THÔNG TIN TUYỂN SINH của ít nhất sáu trường đào tạo nghề trong tỉnh và các tỉnh lân cận, chuẩn bị từ trước để tổ nào không tra được vẫn làm được bảng so sánh; BẢN IN DANH SÁCH nghề mà một phần mềm trí tuệ nhân tạo nêu là có nguy cơ bị máy móc thay thế; danh sách nghề có thật ở địa phương do giáo viên sưu tầm; phiếu học tập ở Phụ lục 1; một đoạn video ngắn giới thiệu một trường nghề để khởi động.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút; hồ sơ hướng nghiệp cá nhân đã lập ở chủ đề trước gồm bảng tự đánh giá sự phù hợp và kế hoạch rèn luyện; những gì đã hỏi được từ anh chị, người thân về trường nghề; tờ rơi hoặc thông tin tuyển sinh sưu tầm được nếu có.

Phương án dự phòng: trường chỉ có tivi và một máy tính của giáo viên, học sinh không có thiết bị riêng và cũng không có phòng máy, nên toàn bộ bảng so sánh trường và bản kế hoạch đều làm trên giấy. Khi cần tra một trường cụ thể, học sinh viết tên trường và câu hỏi ra giấy, giáo viên mở trang tuyển sinh trên máy của lớp và chiếu lên tivi cho cả lớp cùng đọc. Khi mất điện hoặc không có mạng, giáo viên dùng bản in thông tin tuyển sinh sáu trường và bản in danh sách nghề đã chuẩn bị từ trước; mọi nhiệm vụ vẫn chạy đủ.

An toàn: học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân, không khai họ tên thật, ngày sinh, số điện thoại hay địa chỉ nhà vào biểu mẫu đăng kí nào trên mạng. Trong giờ học, học sinh

không tự liên hệ với trung tâm tư vấn tuyển sinh nào qua điện thoại hoặc mạng xã hội. Khi xin ý kiến tham vấn của người ngoài nhà trường, học sinh phải báo trước với gia đình và chỉ gặp ở nơi công khai. Việc lựa chọn nghề của mỗi bạn là chuyện riêng, lớp không đem ra bình phẩm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: biết học nghề ở đâu → biết cần hỏi những gì → so ba trường rồi xếp thứ tự → viết báo cáo → biết hỏi ai và hỏi thế nào → nhìn ra rủi ro nghề bị máy thay → biết cách lập kế hoạch → dựng kế hoạch chín mục → làm thật và mang lên lớp 11.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
96	Ở nước ta học nghề thì học ở những loại trường nào?	Sơ đồ hệ thống trường đào tạo nghề trên giấy A3 kèm tên trường có thật	45 phút
97	Cần hỏi những gì về một trường và hỏi bằng cách nào?	Phiếu bốn nhóm thông tin cần tìm và bảng xếp các cách tìm theo mức khả thi	45 phút
98	Ba trường em quan tâm khác nhau ở chỗ nào?	Bảng so sánh ba trường có cột nguồn và thứ tự phù hợp	45 phút
99	Trình bày hiểu biết của em về trường mình định chọn ra sao?	Báo cáo về hệ thống trường đào tạo nghề theo bảy thẻ gợi ý	45 phút
100	Vướng mắc chuyện chọn nghề thì hỏi ai và hỏi thế nào?	Bộ câu hỏi tham vấn và biên bản một cuộc tham vấn sắm vai	45 phút
101	Nghề nào máy nói sẽ bị thay thế mà thực tế vẫn cần người?	Phiếu đối chiếu danh sách nghề của máy với nghề thật ở địa phương	45 phút
102	Một kế hoạch học tập, rèn luyện theo nghề gồm những gì?	Bảng nội dung và các bước lập kế hoạch do lớp thống nhất	45 phút
103	Kế hoạch của riêng em gồm những nhiệm vụ nào?	Bản kế hoạch học tập, rèn luyện đủ chín mục theo mẫu trang 71	45 phút
104	Kế hoạch chạy đến đâu và mang gì lên lớp 11?	Nhật kí thực hiện, biên bản tham vấn hai người và phiếu tự đánh giá chủ đề	45 phút

TIẾT 96. HỆ THỐNG TRƯỜNG ĐÀO TẠO NGHỀ Ở NƯỚC TA

Hoạt động 1. Mở đầu – Bốn biển chỉ đường còn để trống (8′)

a) Mục tiêu: Khơi lên nhu cầu tìm hiểu hệ thống trường đào tạo nghề và làm xuất hiện câu hỏi lớn của chủ đề: biết mình hợp nghề gì rồi thì học nghề ấy ở đâu.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu tranh mở đầu chủ đề ở sách giáo khoa trang 66: một bạn nữ đứng giữa bãi cỏ chống cằm suy nghĩ, quanh bạn là bốn biển chỉ đường bằng gỗ để trống chỉ về bốn hướng. Học sinh trả lời ba câu hỏi mở đầu ở mục A của Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Ba câu trả lời ngắn của mỗi học sinh ở mục A Phụ lục 1; danh sách những điều lớp chưa biết về trường nghề được ghi lên bảng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (1′): Giáo viên chiếu tranh trang 66 lên tivi, phát Phụ lục 1 và yêu cầu mỗi em trả lời ba câu hỏi ở mục A trong ba phút.

2. Thực hiện nhiệm vụ (3′): Học sinh nhìn tranh và tự viết câu trả lời. Giáo viên đi một vòng, nhắc em nào bỏ trống câu thứ ba là câu hỏi về điều mình chưa biết.

3. Báo cáo, thảo luận (3′): Bốn đến năm học sinh đọc câu trả lời. Giáo viên ghi lên bảng những điều lớp chưa biết, gom thành hai cột: chưa biết có những loại trường nào và chưa biết vào trường đó cần gì.

4. Kết luận, nhận định (1′): GV chốt: Chủ đề trước các em đã biết mình hợp với nghề nào. Bốn biển chỉ đường trong tranh còn để trống vì phải chính các em điền vào, và chủ đề cuối cùng của lớp 10 này làm đúng việc ấy.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

a) Mục tiêu: Đi hết bốn định hướng nội dung của chủ đề ở sách giáo khoa trang 67, từ tìm hiểu hệ thống trường đào tạo nghề và tham vấn chọn nghề đến xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập, rèn luyện.

b) Nội dung: Mười nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 96 đến tiết 104, bám bảy hoạt động của sách giáo khoa trang 68 đến trang 72.

c) Sản phẩm: Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 2.1. Dựng sơ đồ hệ thống trường đào tạo nghề (37′)

a) Mục tiêu: Nêu được những điều đã tìm hiểu và biết được về hệ thống trường đào tạo nghề ở nước ta; kể được tên một số trường có thật gắn với nghề mình định chọn.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ nhất của sách giáo khoa trang 68, học sinh chia sẻ hiểu biết của mình về hệ thống trường đào tạo nghề ở nước ta và nêu thông tin đã biết về trường đào tạo nghề liên quan tới nghề mình định chọn, đồng thời nói rõ mình có được thông tin đó bằng cách nào. Các nhóm gom lại thành sơ đồ hệ thống trường đào tạo nghề trên giấy A3.

c) Sản phẩm: Sơ đồ hệ thống trường đào tạo nghề của nhóm trên giấy A3, có các nhánh theo trình độ đào tạo, mỗi nhánh kèm ít nhất một tên trường có thật và một dòng ghi thông tin ấy lấy từ đâu.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4′): Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phát giấy A3 và bút màu; nêu rõ mỗi tên trường ghi lên sơ đồ đều phải kèm một dòng ghi mình biết trường đó qua ai hoặc qua đâu.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18′): Các nhóm gom hiểu biết của từng thành viên rồi dựng sơ đồ. Giáo viên đi từng nhóm, gợi ý bằng hai câu hỏi: anh chị khoá trước của trường ta đang học ở đâu, và trong nhà em có ai từng học nghề không.

3. Báo cáo, thảo luận (10′): Ba nhóm treo sơ đồ và trình bày, mỗi nhóm khoảng hai phút. Ba nhóm còn lại bổ sung tên trường còn thiếu và chỉ ra nhánh nào cả lớp còn trống thông tin.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Hệ thống trường đào tạo nghề rộng hơn nhiều so với hình dung ban đầu của các em, và mỗi trình độ đào tạo có điều kiện tuyển sinh riêng. Điều quan trọng nhất từ tiết này là mọi thông tin về trường đều phải biết mình lấy ở đâu ra.

TIẾT 97. CẦN HỎI GÌ VỀ MỘT TRƯỜNG VÀ HỎI BẰNG CÁCH NÀO

Kết nối hai tiết (3′): Tiết trước lớp đã có sơ đồ hệ thống trường đào tạo nghề nhưng nhiều nhánh còn trống thông tin. Tiết này xác định rõ cần hỏi những gì và cách nào hỏi được, để tiết sau bắt tay đi tìm.

Bốn bóng thoại gợi ý thông tin cơ bản cần tìm hiểu về trường đào tạo nghề — SGK trang 68

Nhiệm vụ 2.2. Xác định những thông tin cơ bản cần tìm hiểu về trường (20′)

a) Mục tiêu: Nêu được những thông tin cơ bản cần tìm hiểu về hệ thống trường đào tạo nghề liên quan tới nghề mình định lựa chọn.

b) Nội dung: Từ bốn bóng thoại gợi ý ở sách giáo khoa trang 68 gồm thông tin tuyển sinh; học phí và điều kiện sinh hoạt; các ngành hoặc nghề đào tạo; và một bóng để trống, mỗi nhóm điền tiếp bóng trống rồi biến bốn nhóm thông tin ấy thành bốn câu hỏi cụ thể để đem đi hỏi.

c) Sản phẩm: Phiếu bốn nhóm thông tin của nhóm ở mục B Phụ lục 1, mỗi nhóm thông tin kèm ít nhất một câu hỏi cụ thể có thể đem hỏi được, ví dụ trường xét học bạ hay xét điểm thi.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′): Giáo viên phát bản in bốn bóng thoại, nêu rõ bóng cuối để trống chính là chỗ dành cho nhóm tự thêm nhóm thông tin mà nhóm thấy cần.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Các nhóm điền bóng trống và viết câu hỏi. Giáo viên nhắc câu hỏi phải hỏi được một người cụ thể trả lời, không viết những câu hỏi chung chung như trường đó thế nào.

3. Báo cáo, thảo luận (5′): Ba nhóm trình bày. Lớp gom các nhóm thông tin lên bảng, giữ lại những nhóm xuất hiện ở nhiều tổ và bỏ những nhóm chỉ có một tổ nêu mà không giải thích được vì sao cần.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Bốn nhóm thông tin trong sách là phần tối thiểu. Nhiều bạn chỉ hỏi điểm chuẩn mà quên hỏi học phí và chỗ ở, trong khi hai điều sau mới quyết định gia đình có lo được cho em học tiếp hay không.

Nhiệm vụ 2.3. Xếp các cách tìm hiểu thông tin theo mức khả thi (22′)

a) Mục tiêu: Nêu được các cách tìm hiểu thông tin về trường đào tạo nghề và chỉ ra được cách nào phù hợp với điều kiện thực tế của bản thân, cách nào khó thực hiện và vì sao.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ ba của sách giáo khoa trang 68, học sinh liệt kê các cách tìm hiểu, bắt đầu từ hai cách gợi ý trong sách là gặp gỡ các anh chị đã học ở trường đó để hỏi và đọc thông tin tuyển sinh của các trường đào tạo ngành nghề đó, rồi bổ sung thêm ít nhất ba cách nữa. Sau đó mỗi em xếp các cách ấy vào ba mức: em làm được ngay, em làm được nếu có người giúp, em khó làm được.

c) Sản phẩm: Bảng ba mức khả thi của mỗi học sinh ở mục B Phụ lục 1, có ít nhất năm cách đã xếp, mỗi cách ở mức khó làm được kèm một dòng nói rõ khó ở chỗ nào.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên kẻ ba cột mức khả thi lên bảng, nêu rõ mức khả thi phụ thuộc hoàn cảnh từng em nên không có đáp án chung cho cả lớp.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Học sinh liệt kê và xếp cách vào ba mức, làm cá nhân rồi trao đổi theo cặp. Giáo viên gợi ý những cách còn thiếu như hỏi thầy cô chủ nhiệm, xem chương trình tư vấn tuyển sinh trên truyền hình, nhờ giáo viên mở trang tuyển sinh trên máy của lớp.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Sáu học sinh có hoàn cảnh khác nhau đọc bảng của mình. Lớp so sánh và chỉ ra cùng một cách nhưng với bạn này là làm được ngay còn với bạn kia lại là khó làm được.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Cách khả thi nhất với hầu hết các em là hỏi anh chị khoá trước và nhờ thầy cô tra giúp trên máy của lớp. Cách khó nhất là tự đi đến tận trường, nên nếu chọn cách ấy thì phải có người lớn đi cùng.

TIẾT 98. SO SÁNH BA TRƯỜNG ĐÀO TẠO NGHỀ EM QUAN TÂM

Kết nối hai tiết (3′): Tiết trước lớp đã biết cần hỏi gì và hỏi bằng cách nào. Tiết này bắt tay tìm thật, và kết quả phải được sắp thành một bảng để về sau còn mang đi hỏi thầy cô.

Nhiệm vụ 2.4. Lập bảng so sánh ba trường và sắp theo mức độ phù hợp (42′)

a) Mục tiêu: Lập được trên phiếu một bảng so sánh ba trường đào tạo nghề mình quan tâm theo ngành đào tạo, nơi học và điều kiện tuyển sinh; ghi rõ nguồn từng thông tin và sắp xếp ba trường theo mức độ phù hợp với bản thân.

b) Nội dung: Mỗi học sinh chọn ba trường liên quan tới nghề mình đã ưu tiên ở chủ đề trước. Học sinh viết tên trường và câu hỏi ra giấy, giáo viên mở trang tuyển sinh của trường trên máy tính của lớp và chiếu lên tivi để cả lớp cùng đọc; em nào không tra được thì dùng bản in thông tin tuyển sinh sáu trường mà giáo viên đã chuẩn bị. Học sinh điền bảng ở mục C Phụ lục 1, ghi rõ mỗi thông tin lấy từ nguồn nào, rồi đánh số thứ tự ba trường theo mức độ phù hợp với chính mình.

c) Sản phẩm: Bảng so sánh ba trường của mỗi học sinh ở mục C Phụ lục 1, đủ ba cột thông tin và một cột nguồn, kèm thứ tự phù hợp từ 1 đến 3 và một dòng giải thích vì sao trường xếp thứ nhất lại hợp với em nhất. Bảng được kẹp vào hồ sơ hướng nghiệp cá nhân.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên hướng dẫn cách điền bảng, làm mẫu một dòng trên tivi bằng một trường trong tỉnh: mở trang tuyển sinh, chỉ chỗ ghi ngành đào tạo, chỗ ghi điều kiện tuyển sinh, rồi ghi lại tên trang vào cột nguồn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20′): Học sinh điền bảng. Giáo viên lần lượt mở trang tuyển sinh theo tên trường mà các em viết ra giấy, mỗi trường chiếu khoảng hai phút; em nào chưa đến lượt thì dùng bản in sáu trường. Giáo viên nhắc dòng nào chưa tìm được thì để trống và ghi lí do, không được đoán.

3. Báo cáo, thảo luận (12′): Sáu học sinh trình bày bảng của mình: đọc thứ tự ba trường và giải thích căn cứ. Lớp kiểm tra chéo theo một câu hỏi duy nhất: dòng nào trong bảng bạn chưa ghi được nguồn.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Một bảng thông tin chỉ dùng được về sau nếu mỗi dòng đều biết lấy ở đâu, vì thông tin tuyển sinh có thể thay đổi theo từng năm và phải tra lại được. Bảng này các em giữ trong hồ sơ để mang đi hỏi thầy cô ở tiết sau, đừng để rơi mất.

TIẾT 99. VIẾT VÀ CHIA SẺ BÁO CÁO VỀ HỆ THỐNG TRƯỜNG ĐÀO TẠO NGHỀ

Kết nối hai tiết (3′): Bảng so sánh ở tiết trước mới là số liệu rời. Tiết này gom thành một báo cáo có đầu có cuối để chia sẻ được cho người khác nghe và hiểu.

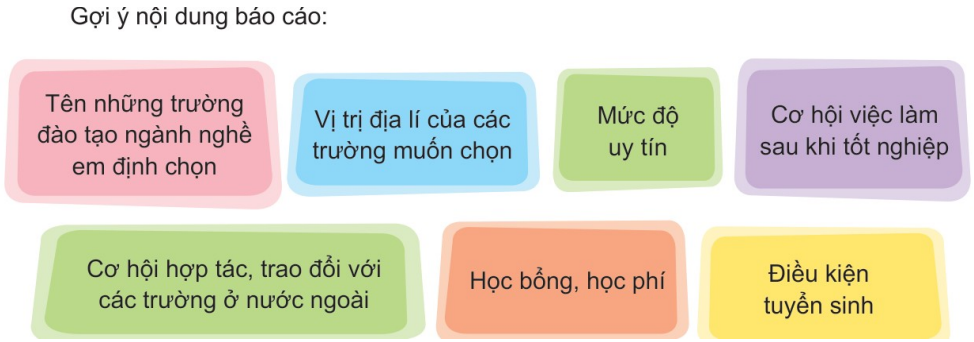

Bảy thẻ gợi ý nội dung báo cáo về hệ thống trường đào tạo nghề — SGK trang 69

Nhiệm vụ 2.5. Viết báo cáo về hệ thống trường đào tạo nghề em định chọn (42′)

a) Mục tiêu: Trình bày được ít nhất năm thông tin cơ bản về hệ thống trường đào tạo nghề mình định chọn và chia sẻ được báo cáo ấy trước lớp.

b) Nội dung: Theo hoạt động 4 của sách giáo khoa trang 69 và trang 70, mỗi học sinh chia sẻ về nghề mình sẽ lựa chọn gồm tên nghề, những thông tin đã thu thập được và mong muốn của mình; sau đó tập hợp thông tin đã tìm kiếm được thành báo cáo theo bảy thẻ gợi ý ở trang 69 là tên những trường đào tạo ngành nghề định chọn, vị trí địa lí của các trường muốn chọn, mức độ uy tín, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp, cơ hội hợp tác và trao đổi với các trường ở nước ngoài, học bổng và học phí, điều kiện tuyển sinh.

c) Sản phẩm: Báo cáo một trang của mỗi học sinh ở mục C Phụ lục 1, có ít nhất năm trong bảy thẻ gợi ý được điền, mỗi thông tin ghi kèm nguồn, và một đoạn kết nói rõ mong muốn của bản thân về nghề sẽ chọn.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên phát bản in bảy thẻ gợi ý trang 69, nêu rõ báo cáo cần điền ít nhất năm thẻ và thẻ nào không có thông tin thì ghi rõ chưa tìm được chứ không bỏ trống.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20′): Học sinh viết báo cáo, lấy số liệu từ bảng so sánh đã lập ở tiết trước. Giáo viên đi một vòng, giúp em nào lúng túng với thẻ mức độ uy tín bằng cách gợi ý căn cứ vào số năm hoạt động của trường và ý kiến của anh chị đã học ở đó.

3. Báo cáo, thảo luận (12′): Sáu học sinh chia sẻ báo cáo trước lớp, mỗi em khoảng hai phút. Lớp ghi lại một thông tin học được từ báo cáo của bạn mà mình chưa có, đồng thời hỏi lại bạn nguồn của thông tin ấy.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Báo cáo tốt không phải báo cáo dài mà là báo cáo có thể tra lại được từng dòng. Thẻ cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp là thẻ khó tìm nhất nhưng cũng là thẻ đáng để công tìm nhất.

TIẾT 100. THAM VẤN CHỌN NGHỀ VÀ ĐỊNH HƯỚNG HỌC TẬP

Kết nối hai tiết (3′): Báo cáo đã xong nhưng có thể vẫn còn chỗ các em tự mình chưa gỡ được. Tiết này học cách mang đúng câu hỏi đến đúng người, tức là học cách xin ý kiến tham vấn.

Nhiệm vụ 2.6. Cách tham vấn và ý nghĩa của việc tham vấn (20′)

a) Mục tiêu: Biết cách tham vấn chọn nghề và định hướng học tập, nêu được mục đích, ý nghĩa của việc xin ý kiến thầy cô, gia đình và bạn bè.

b) Nội dung: Theo hoạt động 2 của sách giáo khoa trang 68 và trang 69, học sinh tìm hiểu hai bước chuẩn bị là xác định vấn đề bản thân đang gặp khó khăn trong chọn nghề và định hướng học tập, rồi chuẩn bị câu hỏi về vấn đề khó khăn, vướng mắc cùng cách tháo gỡ. Sau đó lớp chia sẻ về mục đích, ý nghĩa của việc tham vấn và những việc mà người xin tham vấn cùng người tham vấn đã làm.

c) Sản phẩm: Phiếu chuẩn bị tham vấn của mỗi học sinh ở mục C Phụ lục 1, gồm một vấn đề mình đang vướng viết thành một câu rõ ràng, ba câu hỏi cụ thể sẽ đem đi hỏi, và tên người mình định hỏi kèm lí do chọn người ấy.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′): Giáo viên nêu hai bước chuẩn bị theo trang 68, nhấn mạnh việc gọi đúng tên vấn đề mình vướng khó hơn việc hỏi, và phần lớn cuộc tham vấn hỏng ở bước này.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Học sinh viết phiếu chuẩn bị. Giáo viên đi một vòng, giúp em nào viết vấn đề chung chung như em chưa biết chọn nghề gì bằng câu hỏi: em đang phân vân giữa hai nghề nào và điều gì khiến em chưa quyết được.

3. Báo cáo, thảo luận (5′): Bốn học sinh đọc phiếu chuẩn bị của mình. Lớp góp ý cho từng câu hỏi theo tiêu chí: câu hỏi này người được hỏi trả lời được không, và trả lời xong thì bạn quyết định được chưa.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Tham vấn không phải là nhờ người khác chọn nghề hộ mình mà là mượn hiểu biết của họ để mình quyết định cho chắc. Muốn vậy phải mang đến một câu hỏi cụ thể, không mang đến một nỗi băn khoăn chung chung.

Nhiệm vụ 2.7. Thực hành tham vấn bằng sắm vai (22′)

a) Mục tiêu: Thực hành được một cuộc tham vấn chọn nghề và định hướng học tập; nhận xét và rút kinh nghiệm được sau khi quan sát cuộc tham vấn.

b) Nội dung: Theo hoạt động 5 của sách giáo khoa trang 70, học sinh chọn vấn đề đang gặp khó khăn trong việc chọn nghề và định hướng học tập, xung phong sắm vai người xin tham vấn. Tranh minh hoạ trong sách gợi lời thoại mở đầu: người tham vấn hỏi vì sao em muốn được tham vấn, người xin tham vấn đáp rằng em thích nhiều nghề nhưng đến bây giờ vẫn chưa biết mình nên chọn nghề gì. Sau mỗi lượt sắm vai, lớp nhận xét về sự chuẩn bị, thái độ khi được tham vấn và nội dung cuộc tham vấn.

c) Sản phẩm: Biên bản của hai cuộc tham vấn sắm vai, mỗi biên bản ghi vấn đề được nêu, ba câu hỏi đã hỏi, lời khuyên nhận được và một điều người quan sát rút kinh nghiệm.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên phân vai gồm người xin tham vấn, người tham vấn và hai người quan sát; nêu ba điểm mà người quan sát phải ghi lại là sự chuẩn bị, thái độ và nội dung.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Hai lượt sắm vai diễn ra trước lớp, mỗi lượt khoảng bốn phút, dùng chính phiếu chuẩn bị đã viết ở nhiệm vụ trước. Người quan sát ghi biên bản. Giáo viên chỉ can thiệp khi cuộc trao đổi đi lệch sang chuyện riêng của gia đình.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Người quan sát đọc biên bản. Lớp nhận xét theo ba điểm đã nêu và chỉ ra lượt nào người xin tham vấn hỏi được câu khiến người tham vấn phải suy nghĩ mới trả lời được.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Người xin tham vấn chuẩn bị kĩ thì cuộc trao đổi mới đi tới đâu. Thái độ cần có là lắng nghe hết rồi mới cân nhắc, không gạt ngay ý kiến trái với điều mình đang nghĩ, nhưng quyết định cuối cùng vẫn thuộc về các em.

TIẾT 101. MÁY NÓI NGHỀ NÀO SẼ BỊ THAY THẾ VÀ THỰC TẾ Ở ĐỊA PHƯƠNG

Kết nối hai tiết (3′): Khi hỏi ý kiến người lớn, các em sẽ nghe nhắc tới lo lắng nghề này nghề kia sắp bị máy làm thay. Tiết này nhìn thẳng vào lo lắng ấy bằng cách đối chiếu với nghề thật ở quê mình.

Nhiệm vụ 2.8. Đối chiếu danh sách nghề máy nêu với nghề thật ở địa phương (42′)

a) Mục tiêu: Nhận diện được rủi ro mà trí tuệ nhân tạo và máy móc đặt ra với một số nghề; đối chiếu được danh sách nghề máy nêu với nghề thật ở địa phương và chỉ ra được những nghề máy nêu nhưng thực tế vẫn đang cần người.

b) Nội dung: Giáo viên phát bản in đã chuẩn bị từ trước: danh sách những nghề mà một phần mềm trí tuệ nhân tạo trả lời là có nguy cơ bị máy móc thay thế. Mỗi nhóm đối chiếu danh sách ấy với danh sách nghề có thật đang hoạt động ở xã, huyện mình do giáo viên sưu

tầm, đánh dấu ba loại: nghề máy nêu và ở địa phương cũng đang giảm dần, nghề máy nêu nhưng địa phương vẫn cần người làm, nghề địa phương đang cần mà máy không nhắc tới. Ở lớp 10 nhiệm vụ dừng ở mức nhận diện và đối chiếu, không dùng lời máy để sửa kế hoạch học tập của mình.

c) Sản phẩm: Phiếu đối chiếu ba loại của nhóm ở mục C Phụ lục 1, trong đó phần nghề máy nêu nhưng địa phương vẫn cần người có ít nhất ba nghề, mỗi nghề kèm một câu nói rõ vì sao vẫn cần người.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên phát bản in danh sách nghề của phần mềm và danh sách nghề ở địa phương, nói rõ danh sách của máy là câu trả lời chung cho cả nước, còn danh sách kia là chuyện đang xảy ra ở xã ta; nhiệm vụ hôm nay là đặt hai danh sách cạnh nhau.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20′): Các nhóm đối chiếu và đánh dấu ba loại. Giáo viên đi từng nhóm, gợi ý bằng những câu hỏi cụ thể: thợ may ở chợ ta còn đông khách không, tiệm sửa xe có vắng đi không, ai đang trông trẻ ở nhóm trẻ thôn ta, ai chăm người bệnh ở trạm y tế.

3. Báo cáo, thảo luận (12′): Ba nhóm trình bày phiếu đối chiếu. Lớp gom lại thành một danh sách chung trên bảng và cùng trả lời câu hỏi: những nghề vẫn cần người thì có điểm gì chung mà máy khó thay được.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Máy trả lời đúng xu hướng chung nhưng không biết ở xã ta ai đang làm gì. Những nghề vẫn cần người thường có điểm chung là phải chạm tay vào việc, phải hiểu người trước mặt hoặc phải xử lí tình huống không giống nhau lần nào. Danh sách hôm nay là thứ để các em suy nghĩ tiếp, chưa phải căn cứ để đổi nghề mình đã chọn.

TIẾT 102. CÁCH LẬP KẾ HOẠCH HỌC TẬP, RÈN LUYỆN THEO NGHỀ LỰA CHỌN

Kết nối hai tiết (3′): Đến đây các em đã biết học ở đâu, đã hỏi được người cần hỏi và đã nhìn ra rủi ro. Tiết này học cách gom tất cả những thứ ấy thành một bản kế hoạch cho hai năm còn lại.

Nhiệm vụ 2.9. Thảo luận nội dung và cách lập kế hoạch học tập, rèn luyện (42′)

a) Mục tiêu: Giải thích được vì sao cần lập kế hoạch học tập, rèn luyện theo nghề lựa chọn; nêu được những thông tin cần thu thập và các nội dung cơ bản của kế hoạch.

b) Nội dung: Theo hoạt động 3 của sách giáo khoa trang 69, lớp thảo luận ba câu hỏi: vì sao cần phải lập kế hoạch học tập, rèn luyện theo nghề hoặc nhóm nghề lựa chọn; cần thu thập, xử lí, tập hợp những thông tin cơ bản nào để có cơ sở lập kế hoạch; nội dung và cách lập kế hoạch gồm những gì. Học sinh dùng chính các sản phẩm đã có gồm bảng tự đánh giá ở chủ đề trước, bảng so sánh ba trường và phiếu tham vấn để trả lời câu hỏi thứ hai.

c) Sản phẩm: Bảng thống nhất của lớp trên bảng lớp và trong vở mỗi em, gồm ba phần: bốn lí do cần lập kế hoạch, bốn loại thông tin cần thu thập kèm nơi lấy, và các bước lập kế hoạch xếp theo thứ tự.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên viết ba câu hỏi lên bảng, chia mỗi câu cho hai nhóm và nhắc phần trả lời câu thứ hai phải chỉ được vào sản phẩm cụ thể lớp đã làm chứ không kể tên chung chung.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20′): Các nhóm thảo luận và ghi ra giấy A3. Giáo viên đi từng nhóm, nhắc nhóm trả lời câu thứ nhất tránh những lí do sáo rỗng, hãy nói cụ thể không có kế hoạch thì hai năm tới sẽ trôi qua thế nào.

3. Báo cáo, thảo luận (12′): Sáu nhóm lần lượt trình bày theo ba câu hỏi. Lớp gom thành bảng thống nhất trên bảng lớp, gạch bỏ những ý trùng và sắp các bước lập kế hoạch theo đúng thứ tự trước sau.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Kế hoạch học tập theo nghề khác kế hoạch học tập thông thường ở chỗ nó chọn ra những môn liên quan tới điều kiện tuyển sinh của trường mình muốn vào để dồn sức, đồng thời gắn thêm phần rèn luyện phẩm chất, năng lực mà nghề ấy đòi hỏi.

TIẾT 103. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH HỌC TẬP, RÈN LUYỆN CỦA RIÊNG EM

Kết nối hai tiết (3′): Cách làm đã rõ từ tiết trước. Tiết này mỗi em dựng bản kế hoạch của riêng mình, bản kế hoạch sẽ theo các em suốt hai năm còn lại của bậc trung học phổ thông.

KẾ HOẠCH HỌC TẬP, RÈN LUYỆN
THEO NGHỀ/ NHÓM NGHỀ LỰA CHỌN

1. Họ và tên ……..…….. Nam/ nữ ……..…..
2. Ngày tháng năm sinh: ……..……
3. Nơi ở hiện tại: ……..……
4. Đang học lớp ……. trường ……..……
5. Những nghề em dự định chọn: ……..……
6. Yêu cầu về phẩm chất, năng lực của những nghề em định chọn:
7. Đặc điểm của em. Ghi rõ những điểm mạnh, điểm hạn chế về năng lực, phẩm chất, sở thích, khả năng (học lực, khả năng nổi trội, thể chất, sức khoẻ, vận động,…) của bản thân.
8. Yêu cầu của các trường đào tạo nghề em định chọn.
9. Kế hoạch học tập, rèn luyện cụ thể:

Nhiệm vụ	Biện pháp thực hiện
1. Nâng cao kết quả học tập môn Ngữ văn	– Đọc sách văn học mỗi ngày – Nhờ thầy, cô giáo dạy văn hướng dẫn cách học – Viết nhật kí hằng ngày – ...
2. Rèn luyện tính chăm chỉ	– Chủ động học bài, làm bài tập – Nỗ lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập – Tích cực, chủ động tham gia các công việc ở nhà, ở trường, lớp – ...
3. Rèn luyện khả năng giao tiếp	– Học cách lắng nghe tích cực – Chủ động làm quen người khác – Mạnh dạn nói ra suy nghĩ của bản thân – Quan tâm đến cảm xúc của người khác – Học cách động viên, khích lệ người khác

Lưu ý: Đối với các nhiệm vụ học tập, cần tập trung nêu rõ các biện pháp cần thực hiện để nâng cao kết quả học tập đối với những môn học liên quan đến điều kiện, yêu cầu tuyển sinh vào các ngành nghề, trường đào tạo em muốn chọn. Đối với các nhiệm vụ rèn luyện, cần tập trung nêu rõ biện pháp rèn luyện những năng lực, phẩm chất của nghề/ nhóm nghề em định chọn (ví dụ: rèn luyện khả năng giao tiếp, đức tính chăm chỉ,…).

Khung gợi ý Kế hoạch học tập, rèn luyện theo nghề hoặc nhóm nghề lựa chọn — SGK trang 71

Nhiệm vụ 2.10. Hoàn thiện bản kế hoạch học tập, rèn luyện chín mục (42′)

a) Mục tiêu: Xây dựng được kế hoạch học tập, rèn luyện theo nghề hoặc nhóm nghề đã lựa chọn, đủ chín mục theo khung ở sách giáo khoa trang 71, có cả nhiệm vụ học tập và nhiệm vụ rèn luyện.

b) Nội dung: Học sinh điền khung kế hoạch chín mục ở mục D Phụ lục 1, gồm họ tên và giới tính; ngày tháng năm sinh; nơi ở hiện tại; lớp và trường đang học; những nghề dự định chọn; yêu cầu về phẩm chất, năng lực của những nghề định chọn; đặc điểm của bản thân gồm điểm mạnh và điểm hạn chế; yêu cầu của các trường đào tạo nghề định chọn; và cuối cùng là bảng hai cột nhiệm vụ và biện pháp thực hiện. Ba dòng mẫu trong sách là nâng cao kết quả học tập môn Ngữ văn, rèn luyện tính chăm chỉ và rèn luyện khả năng giao tiếp. Học sinh lấy mục 6 và mục 8 từ báo cáo tiết 99, lấy mục 7 từ bảng tự đánh giá của chủ đề trước.

c) Sản phẩm: Bản kế hoạch học tập, rèn luyện của mỗi học sinh đủ chín mục, trong đó bảng nhiệm vụ có ít nhất hai nhiệm vụ học tập gắn với môn liên quan tới điều kiện tuyển

sinh và ít nhất hai nhiệm vụ rèn luyện phẩm chất, năng lực, mỗi nhiệm vụ kèm ít nhất ba biện pháp thực hiện.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên chiếu khung kế hoạch trang 71, đi qua chín mục và lưu ý học sinh: mục 6 trong sách in không có dòng chấm để điền, nhưng vẫn phải viết, nên các em ghi vào phiếu ở Phụ lục 1 đã chừa sẵn chỗ. Giáo viên cũng đọc phần lưu ý cuối trang 71 về cách chọn nhiệm vụ học tập và nhiệm vụ rèn luyện.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20′): Học sinh điền kế hoạch, mở lại báo cáo tiết 99 và bảng tự đánh giá của chủ đề trước. Giáo viên đi từng bàn, kiểm hai điều: nhiệm vụ học tập đã trúng môn liên quan tới điều kiện tuyển sinh chưa, và biện pháp đã là việc làm được hằng tuần chưa.

3. Báo cáo, thảo luận (12′): Học sinh đổi phiếu theo nhóm bốn người và góp ý cho nhau theo hai câu hỏi: nhiệm vụ này có giúp bạn vào được trường bạn xếp thứ nhất không, và biện pháp này bạn bắt đầu từ tuần nào. Hai em trình bày kế hoạch trước lớp.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Bản kế hoạch này khác mọi bản kế hoạch trước ở chỗ nó kéo dài hai năm, nên phải viết đủ nhỏ để làm được mỗi tuần. Các em kẹp nó vào hồ sơ hướng nghiệp cá nhân và mang lên lớp 11, ở đó các em sẽ mở ra xem lại và bổ sung.

TIẾT 104. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

Kết nối hai tiết (3′): Đây là tiết cuối của chủ đề và cũng là tiết cuối của hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp lớp 10. Lớp nhìn lại kế hoạch đã chạy đến đâu và gói lại hành trang mang lên lớp 11.

Hoạt động 3. Luyện tập – Báo cáo việc thực hiện kế hoạch và kết quả tham vấn (22′)

a) Mục tiêu: Thực hiện được kế hoạch học tập, rèn luyện đã lập và ghi lại được cách thực hiện cùng kết quả đạt được; xin được ý kiến tham vấn của ít nhất hai thầy cô hoặc người thân trong gia đình.

b) Nội dung: Theo hoạt động 7 của sách giáo khoa trang 72, học sinh báo cáo hai phần. Phần thứ nhất là việc thực hiện các biện pháp học tập và biện pháp rèn luyện đã ghi trong kế hoạch, kèm cách thực hiện và kết quả đạt được. Phần thứ hai là kết quả tham vấn: đã hỏi được ai, hỏi những câu gì, nhận được ý kiến gì và tập hợp các ý kiến ấy thành giải pháp nào cho khó khăn của mình.

c) Sản phẩm: Nhật kí thực hiện kế hoạch của mỗi học sinh gồm ít nhất ba dòng và biên bản tham vấn với ít nhất hai người, mỗi biên bản ghi tên người được hỏi, câu hỏi, ý kiến nhận được và điều mình sẽ làm sau khi nghe.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên nêu hai phần của báo cáo theo trang 72, phát lại bản kế hoạch của từng em và nhắc phần đáng nói nhất là ý kiến tham vấn nào khiến các em nghĩ khác đi.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Học sinh hoàn thiện nhật kí và biên bản tham vấn. Giáo viên đi một vòng, giúp em nào mới hỏi được một người bằng cách gợi ý thêm người có thể hỏi ngay trong trường như giáo viên bộ môn của môn mình định dồn sức.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Sáu học sinh chia sẻ, mỗi em nói một ý kiến tham vấn đáng nhớ và cho biết mình đã đổi điều gì trong kế hoạch sau khi nghe. Lớp góp ý cho những trường hợp còn phân vân.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Ý kiến tham vấn có giá trị khi các em cân nhắc rồi tự quyết, không phải khi làm theo nguyên vẹn. Hai người cho hai lời khuyên khác nhau là chuyện bình thường, chỗ khác nhau ấy chính là chỗ các em cần suy nghĩ thêm.

Hoạt động 4. Vận dụng – Hành trang mang lên lớp 11 và tự đánh giá chủ đề (20′)

a) Mục tiêu: Gói lại toàn bộ sản phẩm của chủ đề thành hành trang hướng nghiệp mang lên lớp 11 và tự đánh giá kết quả trải nghiệm theo năm tiêu chí của sách giáo khoa.

b) Nội dung: Mỗi học sinh bổ sung vào hồ sơ hướng nghiệp cá nhân đã có từ chủ đề trước bốn sản phẩm mới gồm bảng so sánh ba trường, báo cáo về hệ thống trường đào tạo nghề, biên bản tham vấn và bản kế hoạch học tập, rèn luyện chín mục; sau đó hoàn thành phiếu tự đánh giá theo năm tiêu chí ở phần Đánh giá sách giáo khoa trang 72 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt. Trong hè, học sinh tiếp tục thực hiện kế hoạch và cập nhật thông tin tuyển sinh mới vào bảng so sánh.

c) Sản phẩm: Hồ sơ hướng nghiệp cá nhân đã bổ sung đủ bốn sản phẩm mới và phiếu tự đánh giá năm tiêu chí đã đánh dấu, mỗi tiêu chí chọn mức Đạt phải ghi kèm tên sản phẩm chứng minh.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên chiếu năm tiêu chí trang 72, giải thích từng tiêu chí bằng đúng sản phẩm lớp đã làm và hướng dẫn cách bổ sung vào hồ sơ đã có.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8′): Học sinh sắp hồ sơ và đánh dấu phiếu tự đánh giá, ghi kèm tên sản phẩm chứng minh cho mỗi tiêu chí chọn mức Đạt.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Ba học sinh chia sẻ tiêu chí mình chưa đạt và việc sẽ làm trong hè để đạt được. Lớp góp ý cách làm cho từng trường hợp.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Hết chủ đề này là hết phần hướng nghiệp của lớp 10. Các em bước vào lớp 11 không phải với hai bàn tay trắng mà với một hồ sơ có tên nghề, tên trường, một bản kế hoạch và những lời khuyên đã xin được. Hè này giữ hồ sơ cho cẩn thận và làm tiếp những việc đã ghi trong kế hoạch.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 11 – DÙNG XUYÊN SUỐT CHỦ ĐỀ

Họ và tên: …… Lớp: …… Nhóm: ……

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Nghề em đã xếp ưu tiên số 1 ở chủ đề trước là nghề gì?
2. Muốn làm nghề ấy thì học ở đâu? Em kể được tên trường nào không?
3. Điều gì về trường và về việc học nghề mà em còn chưa biết?

B. PHIẾU KIẾN THỨC VÀ CÁCH TÌM HIỂU THÔNG TIN

B1. Phiếu kiến thức

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ em tìm được	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	*Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.*	*Nêu một trường, một cách hỏi hoặc một nhiệm vụ có thật của em.*	*Viết một câu kết luận hoặc liên hệ với bản thân.*
1. Hệ thống trường đào tạo nghề và thông tin cần tìm			
2. Tham vấn chọn nghề và định hướng học tập			
3. Cách lập kế hoạch học tập, rèn luyện theo nghề			
4. Thực hiện kế hoạch và điều chỉnh			

B2. Bốn nhóm thông tin cần tìm hiểu về trường (làm theo nhóm)

Nhóm thông tin	Câu hỏi cụ thể nhóm em sẽ đem đi hỏi	Định hỏi ai
Thông tin tuyển sinh		
Học phí, điều kiện sinh hoạt		
Các ngành, nghề đào tạo		
Nhóm thông tin nhóm em tự thêm: ……		

B3. Các cách tìm hiểu thông tin xếp theo mức khả thi với riêng em

Em làm được ngay	Em làm được nếu có người giúp	Em khó làm được (khó ở chỗ nào?)

C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

Trong chủ đề này em làm hai việc. Việc thứ nhất: gom thông tin về ba trường đào tạo nghề thành một bảng có ghi nguồn, xếp thứ tự phù hợp rồi giữ trong hồ sơ để mang đi hỏi thầy cô. Việc thứ hai: đọc danh sách nghề mà một phần mềm trí tuệ nhân tạo nói là có nguy cơ bị máy móc thay thế và đối chiếu với nghề thật đang có ở quê em. Em viết trên phiếu, thầy cô là người mở trang tuyển sinh trên máy tính của lớp và chiếu lên tivi.

C1. Bảng so sánh ba trường đào tạo nghề em quan tâm

Tên trường	Ngành, nghề đào tạo em quan tâm	Nơi học (tỉnh, huyện)	Điều kiện tuyển sinh	Thông tin lấy từ đâu

– Thứ tự phù hợp với em: trường số 1 …… , số 2 …… , số 3 ……

– Vì sao trường xếp thứ nhất lại hợp với em nhất?

……

– Dòng nào em chưa tìm được thông tin và vì sao?

……

C2. Báo cáo về hệ thống trường đào tạo nghề em định chọn

Điền ít nhất năm trong bảy thẻ dưới đây; thẻ nào chưa tìm được thì ghi rõ chưa tìm được.

Nội dung báo cáo	Em ghi vào đây	Nguồn
Tên những trường đào tạo ngành nghề em định chọn		
Vị trí địa lí của các trường muốn chọn		
Mức độ uy tín		
Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp		
Cơ hội hợp tác, trao đổi với các trường ở nước ngoài		
Học bổng, học phí		
Điều kiện tuyển sinh		

– Mong muốn của em về nghề sẽ lựa chọn:

……

C3. Phiếu chuẩn bị tham vấn

– Vấn đề em đang vướng, viết thành một câu rõ ràng:

……

– Ba câu hỏi em sẽ đem đi hỏi: 1) …… 2) …… 3) ……

– Em định hỏi ai và vì sao chọn người ấy?

……

C4. Đối chiếu danh sách nghề máy nêu với nghề thật ở địa phương (làm theo nhóm)

Nghề máy nêu và ở địa phương cũng đang giảm dần	Nghề máy nêu nhưng địa phương VẪN CẦN người (ghi rõ vì sao vẫn cần)	Nghề địa phương đang cần mà máy không nhắc tới

– Những nghề vẫn cần người có điểm gì chung?

……

– Vì sao danh sách của máy không thay được việc em tự tìm hiểu nghề ở quê mình?

……

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

D1. Kế hoạch học tập, rèn luyện theo nghề hoặc nhóm nghề lựa chọn

1. Họ và tên …… Nam hoặc nữ

……

2. Ngày tháng năm sinh:

……

3. Nơi ở hiện tại:

……

4. Đang học lớp …… trường

……

5. Những nghề em dự định chọn:

……

6. Yêu cầu về phẩm chất, năng lực của những nghề em định chọn:

.....

.....

7. Đặc điểm của em. Ghi rõ điểm mạnh, điểm hạn chế về năng lực, phẩm chất, sở thích, khả năng (học lực, khả năng nổi trội, thể chất, sức khoẻ, vận động…) của bản thân:

.....

.....

8. Yêu cầu của các trường đào tạo nghề em định chọn:

.....

9. Kế hoạch học tập, rèn luyện cụ thể:

Nhiệm vụ	Biện pháp thực hiện
1. (nhiệm vụ học tập)	

Nhiệm vụ	Biện pháp thực hiện
2. (nhiệm vụ học tập)	
3. (nhiệm vụ rèn luyện)	
4. (nhiệm vụ rèn luyện)	

D2. Nhật kí thực hiện kế hoạch và biên bản tham vấn

Ngày	Việc em đã làm theo kế hoạch	Kết quả đạt được	Điều cần điều chỉnh

Biên bản tham vấn (ít nhất hai người):

Người em đã hỏi (ghi chữ cái đầu tên và quan hệ)	Câu em đã hỏi	Ý kiến em nhận được	Sau khi nghe, em sẽ làm gì

D3. Hành trang hướng nghiệp mang lên lớp 11

Em bổ sung bốn sản phẩm sau vào hồ sơ hướng nghiệp cá nhân đã lập ở chủ đề trước:

1. Bảng so sánh ba trường đào tạo nghề (mục C1).
2. Báo cáo về hệ thống trường đào tạo nghề (mục C2).
3. Biên bản tham vấn với ít nhất hai người (mục D2).
4. Kế hoạch học tập, rèn luyện chín mục (mục D1).

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ	Rút ra điều gì?
1. Hệ thống trường đào tạo nghề và thông tin cần tìm	SGK trang 68 yêu cầu chia sẻ hiểu biết về hệ thống trường đào tạo nghề ở nước ta và về trường liên quan đến nghề định chọn, nói rõ có được thông tin đó bằng cách nào; sau đó tìm hiểu những thông tin cơ bản theo bốn bóng thoại gợi ý và nêu cách tìm hiểu thông tin.	Bốn bóng thoại: thông tin tuyển sinh; học phí, điều kiện sinh hoạt; các ngành hoặc nghề đào tạo; và một bóng để trống. Hai cách gợi ý: gặp gỡ các anh chị đã học ở trường đó để hỏi về những vấn đề cần tìm hiểu; đọc thông tin tuyển sinh của các trường đào tạo ngành nghề đó. Sách hỏi thêm cách nào phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng của em, cách nào khó thực hiện, vì sao.	Bóng để trống là chỗ dành cho học sinh tự thêm nhóm thông tin mình cần; mức khả thi của mỗi cách phụ thuộc hoàn cảnh từng em nên không có đáp án chung.
2. Tham vấn chọn nghề và định hướng học tập	SGK trang 68 và trang 69 nêu hai bước tìm hiểu cách tham vấn là xác định vấn đề bản thân đang gặp khó khăn và chuẩn bị câu hỏi về vấn đề khó khăn, vướng mắc cùng cách tháo gỡ; sau đó chia sẻ về mục đích, ý nghĩa của việc tham vấn, kể việc mình và người tham vấn đã làm, nêu việc tham vấn đã giúp ích gì và cảm nhận sau khi được tham vấn. Trang 70 cho thực hành tham vấn bằng sắm vai.	Lời thoại trong tranh trang 70: người tham vấn hỏi vì sao em muốn được tham vấn; người xin tham vấn đáp em thích nhiều nghề nhưng đến bây giờ vẫn chưa biết mình nên chọn nghề gì. Sau khi quan sát, lớp nhận xét về sự chuẩn bị, thái độ khi được tham vấn và nội dung.	Tham vấn không phải nhờ người khác chọn hộ mà là mượn hiểu biết của họ để tự quyết cho chắc; chuẩn bị càng cụ thể thì cuộc trao đổi càng đi tới đâu.
3. Cách lập kế hoạch học tập, rèn luyện theo nghề	SGK trang 69 nêu ba câu hỏi thảo luận: vì sao cần lập kế hoạch; cần thu thập, xử lí, tập hợp những thông tin cơ bản nào để có cơ sở lập kế hoạch; nội dung và cách lập kế hoạch. Trang 70 và trang 71 đưa khung kế hoạch chín mục kèm bảng hai cột nhiệm vụ và biện pháp thực hiện.	Ba dòng nhiệm vụ mẫu: nâng cao kết quả học tập môn Ngữ văn với các biện pháp đọc sách văn học mỗi ngày, nhờ thầy cô dạy văn hướng dẫn cách học, viết nhật kí hằng ngày; rèn luyện tính chăm chỉ với các biện pháp chủ động học bài làm bài tập, nỗ lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập, tích cực chủ động tham gia công việc ở nhà, ở trường, lớp; rèn luyện khả năng giao tiếp với các biện pháp học	Kế hoạch học tập theo nghề dồn sức vào những môn liên quan tới điều kiện tuyển sinh của trường muốn vào, đồng thời gắn thêm phần rèn luyện phẩm chất, năng lực mà nghề ấy đòi hỏi.

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ	Rút ra điều gì?
		cách lắng nghe tích cực, chủ động làm quen người khác, mạnh dạn nói ra suy nghĩ của bản thân, quan tâm đến cảm xúc của người khác, học cách động viên khích lệ người khác.	
4. Thực hiện kế hoạch và điều chỉnh	SGK trang 72 yêu cầu thực hiện các biện pháp học tập và biện pháp rèn luyện đã xác định trong kế hoạch, ghi lại cách thực hiện và kết quả đạt được; đồng thời chuẩn bị câu hỏi và tham vấn ý kiến bố mẹ, người thân, thầy cô, bạn bè, ghi lại các ý kiến rồi tập hợp để đưa ra giải pháp cho khó khăn của bản thân. Khung Đánh giá trang 72 gồm 5 tiêu chí, hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.	Năm tiêu chí đánh giá yêu cầu trình bày được ít nhất 5 thông tin cơ bản về hệ thống trường đào tạo nghề định chọn; biết cách xin ý kiến tham vấn; xin được ý kiến tham vấn của ít nhất 2 thầy cô hoặc người thân; xây dựng được kế hoạch học tập, rèn luyện; thực hiện được kế hoạch ấy.	Kế hoạch phải được xem lại thường xuyên; chỗ điều chỉnh chính là dấu hiệu học sinh đang làm thật chứ không phải dấu hiệu thất bại.

2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

Phần C1 – bảng đạt khi cả ba trường đều có đủ ba cột thông tin và cột nguồn ghi được tên trang tuyển sinh, tên tờ rơi hoặc tên người đã hỏi. Dòng chưa tìm được thông tin thì phải để trống kèm lí do, không được đoán; đây là điểm chính của phần này. Thứ tự phù hợp phải kèm một lí do dựa vào chính bảng, ví dụ trường gần nhà nên tiết kiệm chi phí ở trọ, hoặc trường có đúng ngành em muốn học.

Phần C2 – báo cáo đạt khi điền được ít nhất năm trong bảy thẻ và mỗi thẻ đã điền đều có nguồn. Thẻ mức độ uy tín và thẻ cơ hội hợp tác với các trường ở nước ngoài thường khó tìm; học sinh ghi rõ chưa tìm được vẫn tính là làm đúng cách, còn học sinh tự nghĩ ra thì chưa đạt.

Phần C3 – phiếu đạt khi vấn đề được viết thành một câu cụ thể, không phải câu chung như em chưa biết chọn nghề gì. Câu hỏi đạt khi người được hỏi trả lời được ngay bằng hiểu biết của họ, ví dụ hỏi thầy cô bộ môn cần học môn này ở mức nào thì vào được ngành kia.

Phần C4 – đây là phần được chấm chính về mặt nhận diện rủi ro. Cột giữa là cột quan trọng nhất, phải có ít nhất ba nghề kèm lí do vẫn cần người. Những nghề học sinh thường tìm ra và đều chấp nhận được: thợ may đo, thợ sửa xe máy, thợ điện nước, người trông trẻ, điều dưỡng, thợ xây, người bán hàng ở chợ. Điểm chung mà học sinh cần rút ra: phải chạm tay vào việc, phải hiểu người trước mặt, hoặc mỗi lần một tình huống khác nhau. Ở

lớp 10 nhiệm vụ dừng ở nhận diện và đối chiếu; giáo viên không yêu cầu học sinh sửa kế hoạch học tập của mình theo lời máy.

Phiếu đánh giá phần này (dùng hai mức):

– Bảng so sánh ba trường đủ ba cột thông tin và có ghi nguồn cho từng dòng: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Sắp được ba trường theo mức độ phù hợp và giải thích được lí do xếp thứ nhất: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Báo cáo điền được ít nhất năm trong bảy thẻ gợi ý, mỗi thẻ có nguồn: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Nêu được ít nhất ba nghề máy cho là sẽ bị thay thế nhưng địa phương vẫn cần người, kèm lí do: Đạt hoặc Chưa đạt.

3. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – sơ đồ hệ thống trường đào tạo nghề chỉ ghi tên các trường đại học lớn mà bỏ hẳn trường cao đẳng và trường trung cấp nghề trong tỉnh. Gợi mở: hỏi anh chị khoá trước của trường ta đang học ở đâu, rồi bổ sung những trường ấy vào sơ đồ.

Lỗi 2 – học sinh chỉ hỏi điểm chuẩn mà bỏ qua học phí và chỗ ở. Gợi mở: hỏi lại nếu đỗ rồi mà gia đình không lo được học phí thì sao, để các em thấy hai nhóm thông tin kia cũng quyết định được hay không.

Lỗi 3 – bảng so sánh ba trường bỏ trống cột nguồn vì thấy mất công. Gợi mở: trả lại phiếu và hỏi sang năm thông tin này đổi thì em mở lại ở đâu để kiểm.

Lỗi 4 – học sinh điền thẻ mức độ uy tín và thẻ cơ hội việc làm bằng cảm tính, viết trường này nổi tiếng lắm mà không dựa vào đâu cả. Gợi mở: hỏi em nghe điều đó từ ai, nếu không chỉ được nguồn thì ghi là chưa tìm được.

Lỗi 5 – phiếu chuẩn bị tham vấn ghi vấn đề chung chung như em chưa biết chọn nghề gì. Gợi mở: hỏi em đang phân vân giữa hai nghề nào và điều gì khiến em chưa quyết được, rồi cho viết lại thành một câu.

Lỗi 6 – khi đối chiếu danh sách nghề, học sinh chỉ chép lại danh sách của máy mà không đối chiếu với nghề thật ở địa phương. Gợi mở: hỏi thẳng ở chợ xã ta còn tiệm may nào không, ai đang sửa xe cho cả xóm, để các em quay về quan sát thật.

Lỗi 7 – kế hoạch chín mục điền đủ mục 1 đến mục 5 nhưng bỏ trống mục 6 vì trong sách in mục đó không có dòng chấm. Gợi mở: chỉ rõ sách chỉ thiếu dòng kẻ chứ không bỏ mục, phiếu ở Phụ lục 1 đã chừa sẵn hai dòng, và nội dung mục 6 lấy từ báo cáo tiết 99.

Lỗi 8 – bảng nhiệm vụ chỉ có nhiệm vụ học tập mà không có nhiệm vụ rèn luyện phẩm chất, năng lực. Gợi mở: đọc lại phần lưu ý cuối trang 71 và hỏi nghề em chọn đòi hỏi phẩm chất nào, rồi thêm hai dòng.

4. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Kiến thức, quy trình	Đúng và đủ ý; giải thích hoặc thao tác có dẫn chứng.	Đúng các ý hoặc bước chính.	Sai hoặc thiếu ý, bước cốt lõi.

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Sản phẩm và dữ liệu	Rõ ràng, kiểm tra lại được nguồn; có nêu giới hạn và sai số.	Có sản phẩm và dẫn chứng cơ bản.	Chung chung, thiếu dẫn chứng hoặc đơn vị.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	Đủ dữ liệu – chức năng – kết quả – người kiểm chứng.	Nêu đúng ứng dụng và bước kiểm tra.	Nhầm thiết bị thông thường là trí tuệ nhân tạo, hoặc tin tuyệt đối vào kết quả của máy.
Hợp tác, an toàn	Đúng vai, đúng giờ; trung thực và an toàn.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản.	Thiếu phối hợp hoặc vi phạm an toàn.

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày …… tháng …… năm 2026
GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)